**PHỤ LỤC 0-1**

**TÓM TẮT TRÌNH TỰ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ   
CẤP QUỐC GIA**

**1. Trình tự quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia Bộ trưởng Bộ KHCN giao cho Tổng cục trưởng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người chịu trách nhiệm** | **Hành động** | **Thời gian** | **Biểu mẫu** |
| Tổng cục  (Vụ KHTC) |  | <15/3 |  |
| Các đơn vị | Đề xuất nhiệm vụ |  | Mẫu:  PL1-PĐX-QG |
| Vụ KHTC | Tổng hợp đề xuất nhiệm vụ |  |  |
| Hội đồng | Tổ chức xác định tư vấn nhiệm vụ |  | Mẫu: A1, 2, 3; B1, 2, 3, 4; C0, 1, 2, 3, 4, 5; D1, 2, 3, 4  (Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN, 03/2017/TT-BKHCN) |
| Vụ KHTC | Trình Lãnh đạo Tổng cục ký văn bản gửi Bộ xem xét, phê duyệt danh mục nhiệm vụ KHCN đề xuất đặt hàng |  |  |
| Hội đồng | Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ |  | Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN; 23/2014/TT-BKHCN; QĐ 950/QĐ-BKHCN |
| Vụ KHTC/đơn vị chủ trì | Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ |  | Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN |
| Đơn vị  chủ trì | Tổ chức thực hiện nhiệm vụ |  |  |
| Vụ KHTC | Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng |  | Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN |
| Hội đồng | Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ |  | Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN |
| Vụ KHTC/đơn vị chủ trì | Quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện  nhiệm vụ |  | Mẫu PL7-BBKKTS-KHCN, PL7-DMTS-KHCN, PL7-BBBGKQ-KHCN |
| Đơn vị chủ trì | Đăng ký, lưu giữ, công bố thông tin |  | Thông tư số 11/2014/NĐ-CP |
| Vụ KHTC/đơn vị chủ trì | Thanh lý hợp đồng |  | Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN |
| Đơn vị chủ trì | Công khai thông tin nhiệm vụ |  |  |

**2. Trình tự quản lý nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia khác**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người chịu trách nhiệm** | **Hành động** | **Thời gian** | **Biểu mẫu** |
| Tổng cục  (Vụ KHTC) |  |  |  |
| Các đơn vị | Đề xuất nhiệm vụ | <15/3 | Mẫu:  PL1-PĐX-QG |
| Vụ KHTC | Tổng hợp đề xuất nhiệm vụ |  |  |
| Vụ KHTC | Tổ chức họp xem xét sự cần thiết, mục tiêu, tính khả thi, dự kiến sản phẩm của nhiệm vụ |  |  |
| Vụ KHTC | Trình Lãnh đạo Tổng cục ký văn bản gửi Bộ xem xét đề xuất nhiệm vụ |  |  |
| Bộ KHCN | Tổ chức xác định tư vấn nhiệm vụ |  | Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN |
| Bộ KHCN | Ban hành Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ |  |  |
| Bộ KHCN | Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ |  | Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN; 23/2014/TT-BKHCN; 12/2014/TT-BKHCN; 08/2015/TT-BKHCN |
| Bộ KHCN/ đơn vị chủ trì | Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ |  | Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN |
| Đơn vị  chủ trì | Tổ chức thực hiện nhiệm vụ |  |  |
| Bộ KHCN | Kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng |  | Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN |
| Bộ KHCN | Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ |  | Thông tư số: 11/2014/TT-BKHCN; 12/2014/TT-BKHCN; 08/2015/TT-BKHCN |
| Bộ KHCN/đơn vị chủ trì | Quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện  nhiệm vụ |  | Mẫu PL7-BBKKTS-KHCN, PL7-DMTS-KHCN, PL7-BBBGKQ-KHCN |
| Đơn vị chủ trì | Đăng ký, lưu giữ, công bố thông tin |  | Thông tư số 11/2014/NĐ-CP |
| Bộ KHCN/đơn vị chủ trì | Thanh lý hợp đồng |  | Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN |
| Đơn vị chủ trì | Công khai thông tin nhiệm vụ |  |  |

**PHỤ LỤC 0-2**

**TÓM TẮT TRÌNH TỰ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người chịu trách nhiệm** | **Hành động** | **Thời gian** | **Biểu mẫu** |
| Tổng cục  (Vụ KHTC) |  |  |  |
| Các đơn vị | Đề xuất nhiệm vụ | <30/3 | PL1-PĐX-CB/CS |
| Vụ KHTC | Tổng hợp đề xuất nhiệm vụ |  | PL1-THĐX-CB/CS |
| Vụ KHTC | Tra cứu thông tin nhiệm vụ KHCN |  | PL1-THĐX-CB/CS |
| Vụ KHTC | Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng  tư vấn xác định nhiệm vụ |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục | Quyết định thành lập Hội đồng |  |  |
| Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ | Tư vấn xác định tư vấn nhiệm vụ |  | Mẫu: PL2-PNXXĐ-CB/CS; PL2-PĐG-XĐ-CB/CS; PL2-BBKP-XĐ-CB/CS; PL2-BBHĐ-XĐ-CB/CS |
| Vụ KHTC | Tổng hợp danh mục các nhiệm vụ đã được xác định trình Lãnh đạo Tổng cục trình Bộ KHCN xem xét, phê duyệt |  |  |
| Bộ KHCN | Quyết định phê duyệt danh mục |  |  |
| Vụ KHTC | Thông báo công khai danh mục nhiệm vụ được xác định trên Cổng thông tin của Bộ KHCN, Tổng cục TCĐLCL | Sau 15 ngày có QĐ phê duyệt danh mục |  |
| Tổ chức chủ trì, cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ | Nộp hồ sơ tham gia tuyển chọn,  giao trực tiếp | Trong thời hạn 30 ngày (đối với nhiệm vụ tuyển chọn) | Mẫu:  PL3-ĐON-CB/CS  PL3-TM-CB/CS  PL3-LLĐV-CB/CS  PL3-LLCN-CB/CS  PL3-LLCG-CB/CS  PL3-LLCGNN-CB/CS  PL3-VBXN-CB/CS |
| Vụ KHTC | Tiếp nhận hồ sơ; mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ | Sau khi kết thúc thời gian nhận hồ sơ | Mẫu:  PL3-BBMHS-CB/CS |
| Vụ KHTC | Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét giao trực tiếp |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục | Quyết định thành lập Hội đồng |  |  |
| Hội đồng  tư vấn tuyển chọn, giao  trực tiếp | Xem xét lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ |  | Mẫu:  PL3-PNX-TC-CB/CS  PL3-PĐG-TC-CB/CS  PL3-BBKP-TC-CB/CS  PL3-THKP-CB/CS  PL3-BBHĐ-TC-CB/CS |
| Tổ chức  chủ trì, cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ | Chỉnh sửa thuyết minh nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng gửi Vụ KHTC để tổ chức thẩm định kinh phí | Trong thời hạn 07 ngày | Mẫu:  PL3-BCHT-TC-CB/CS |
| Vụ KHTC | Dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục | Quyết định thành lập Tổ thẩm định |  |  |
| Tổ thẩm định kinh phí |  |  | Mẫu:  BBTĐ-CB/CS |
| Đơn vị chủ trì, cá nhân  chủ nhiệm nhiệm vụ | Hoàn chỉnh thuyết minh nhiệm vụ kết luận thẩm định gửi Vụ KHTC | Sau 7 ngày có QĐ phê duyệt |  |
| Vụ KHTC | Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục | Quyết định phê duyệt nhiệm vụ |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục/Vụ KHTC/đơn vị chủ trì | Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ | Khi Bộ KHCN giao dự toán |  |
| Đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ | Tổ chức thực hiện nhiệm vụ |  |  |
| Đơn vị chủ trì | Định kỳ báo cáo về Tổng cục về tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí | 6 tháng 1 lần (15/3; 15/9) | Mẫu:  PL5-BCĐK-CB/CS |
| Tổng cục/Bộ KHCN/đơn vị chủ trì |  | 01 lần/năm và đột xuất (nếu cần) | Mẫu:  PL5-BBKTĐK-CB/CS |
| Vụ KHTC | Tổng hợp kết quả, đề xuất phương án xử lý cần thiết trình Lãnh đạo Tổng cục | Kết thúc đợt kiểm tra |  |
| Đơn vị chủ trì | Điều chỉnh thời gian, điều chỉnh tên, đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, thời gian, kinh phí, phương thức khoán chi… | Điều chỉnh thời gian: trước khi kết thúc hợp đồng |  |
| Vụ KHTC | Xem xét, đề xuất biện pháp xử lý; dự thảo Quyết định trình Lãnh đạo Tổng cục/Bộ |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục/Bộ | Quyết định  điều chỉnh |  |  |
| Đơn vị chủ trì | Tự đánh giá kết quả; lập hồ sơ đề nghị nghiệm thu cấp Tổng cục | Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi kết thúc hợp đồng/gia hạn | Mẫu:  PL6-BCTH-CB/CS  PL6-CVĐNNT-CB/CS  PL6-BCTĐG-CB/CS  PL6-BCSDKP-CB/CS |
| Vụ KHTC | Kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ | Thông báo sau 3 ngày; bổ sung trong 5 ngày |  |
| Vụ KHTC | Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ | Trong vòng 05 sau khi đủ hồ sơ |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục | Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu |  |  |
| Hội đồng tư vấn, đánh giá nghiệm thu | Tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ | Trong vòng 02 ngày gửi Biên bản cho đơn vị | Mẫu:  PL6-PNX-NT-CB/CS  PL6-PĐG-NT-CB/CS  PL6-BBKP-NT-CB/CS  PL6-BBHĐ-NT-CB/CS |
| Đơn vị chủ trì | Hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu | Trong thời hạn 15 ngày | Mẫu:  PL6-BCHT-NT-CB/CS |
| Đơn vị chủ trì | Báo cáo danh mục tài sản được trang bị, tài sản là kết quả/vật tư thu được của quá trình thực hiện nhiệm vụ và đề xuất phương án xử lý |  | Mẫu:  PL7-BBKKTS-KHCN  PL7-DMTS-KHCN  PL7-BBBGKQ-KHCN |
| Vụ KHTC | Xem xét, đề xuất phương án xử lý tài sản trình Lãnh đạo Tổng cục quyết định |  |  |
| Đơn vị chủ trì | Đăng ký, lưu giữ kết quả nhiệm vụ |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục/Vụ KHTC/đơn vị chủ trì | Thanh lý hợp đồng |  | Mẫu:  PL4-TLHĐ-KHCN |
| Đơn vị chủ trì | Công khai kết quả nhiệm vụ |  |  |

**PHỤ LỤC 0-3**

**TÓM TẮT TRÌNH TỰ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Người chịu trách nhiệm** | **Hành động** | **Thời gian** | **Biểu mẫu** |
| Tổng cục  (Vụ KHTC) |  |  |  |
| Các đơn vị | Đề xuất nhiệm vụ | <30/3 | PL1-PĐX-CB/CS |
| Vụ KHTC | Tổng hợp đề xuất nhiệm vụ |  | PL1-THĐX-CB/CS |
| Vụ KHTC | Tra cứu thông tin nhiệm vụ KHCN |  |  |
| Vụ KHTC | Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng  tư vấn xác định nhiệm vụ |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục | Quyết định thành lập Hội đồng |  |  |
| Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ | Tư vấn xác định tư vấn nhiệm vụ |  | Mẫu: PL2-PNXXĐ-CB/CS; PL2-PĐG-XĐ-CB/CS; PL2-BBKP-XĐ-CB/CS; PL2-BBHĐ-XĐ-CB/CS |
| Vụ KHTC | Tổng hợp danh mục các nhiệm vụ đã được xác định trình Lãnh đạo Tổng cục phê duyệt |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục | Quyết định phê duyệt danh mục |  |  |
| Tổ chức chủ trì, cá nhân đăng ký  chủ nhiệm nhiệm vụ | Nộp hồ sơ tham gia thực hiện nhiệm vụ |  | Mẫu:  PL3-ĐƠN-CB/CS  PL3-TM-CB/CS  PL3-LLĐV-CB/CS  PL3-LLCN-CB/CS  PL3-LLCG-CB/CS  PL3-LLCGNN-CB/CS  PL3-VBXN-CB/CS |
| Vụ KHTC | Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ | Sau khi kết thúc thời gian nhận hồ sơ |  |
| Vụ KHTC | Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét giao trực tiếp |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục | Quyết định thành lập Hội đồng |  |  |
| Hội đồng  tư vấn  tuyển chọn, giao trực tiếp | Xem xét lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ |  | Mẫu:  PL3-PNX-TC-CB/CS  PL3-PĐG-TC-CB/CS  PL3-BBKP-TC-CB/CS  PL3-THKP-CB/CS  PL3-BBHĐ-TC-CB/CS |
| Tổ chức  chủ trì, cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ | Chỉnh sửa thuyết minh nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng gửi Vụ KHTC để tổ chức thẩm định kinh phí | Trong thời hạn 07 ngày | Mẫu:  PL3-BCHT-TC-CB/CS |
| Vụ KHTC | Dự thảo Quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục | Quyết định thành lập Tổ thẩm định |  |  |
| Tổ thẩm định kinh phí |  |  | Mẫu:  BBTĐ-CB/CS |
| Đơn vị chủ trì, cá nhân  chủ nhiệm nhiệm vụ | Hoàn chỉnh thuyết minh nhiệm vụ kết luận thẩm định gửi Vụ KHTC | Sau 7 ngày có QĐ phê duyệt |  |
| Vụ KHTC | Dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục | Quyết định phê duyệt nhiệm vụ |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục/Vụ KHTC/đơn vị chủ trì | Ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ | Khi Bộ KHCN giao dự toán |  |
| Đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ | Tổ chức thực hiện nhiệm vụ |  |  |
| Đơn vị chủ trì | Định kỳ báo cáo về Tổng cục về tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí | 6 tháng 1 lần (15/3; 15/9) | Mẫu:  PL5-BCĐK-CB/CS |
| Tổng cục/Bộ KHCN/đơn vị chủ trì |  | 01 lần/năm và đột xuất (nếu cần) | Mẫu:  PL5-BBKTĐK-CB/CS |
| Vụ KHTC | Tổng hợp kết quả, đề xuất phương án xử lý cần thiết trình Lãnh đạo Tổng cục | Kết thúc đợt kiểm tra |  |
| Đơn vị  chủ trì | Điều chỉnh thời gian, điều chỉnh tên, đơn vị chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, thời gian, kinh phí, phương thức khoán chi… | Điều chỉnh thời gian: trước khi kết thúc hợp đồng |  |
| Vụ KHTC | Xem xét, đề xuất biện pháp xử lý; dự thảo Quyết định trình Lãnh đạo Tổng cục/Bộ |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục | Quyết định  điều chỉnh |  |  |
| Đơn vị  chủ trì | Tự đánh giá kết quả; lập hồ sơ đề nghị nghiệm thu cấp Tổng cục | Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi kết thúc hợp đồng/gia hạn | Mẫu:  PL6-BCTH-CB/CS  PL6-CVĐNNT-CB/CS  PL6-BCTĐG-CB/CS  PL6-BCSDKP-CB/CS |
| Vụ KHTC | Kiểm tra sự đầy đủ của hồ sơ | Thông báo sau 3 ngày; bổ sung trong 5 ngày |  |
| Vụ KHTC | Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ | Trong vòng 05 sau khi đủ hồ sơ |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục | Quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu |  |  |
| Hội đồng  tư vấn, đánh giá nghiệm thu | Tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ | Trong vòng 02 ngày gửi Biên bản cho đơn vị | Mẫu:  PL6-PNX-NT-CB/CS  PL6-PĐG-NT-CB/CS  PL6-BBKP-NT-CB/CS  PL6-BBHĐ-NT-CB/CS |
| Đơn vị  chủ trì | Hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Hội đồng nghiệm thu | Trong thời hạn 15 ngày | Mẫu:  PL6-BCHT-NT-CB/CS |
| Đơn vị  chủ trì | Báo cáo danh mục tài sản được trang bị, tài sản là kết quả/vật tư thu được của quá trình thực hiện nhiệm vụ và đề xuất phương án xử lý |  | Mẫu:  PL7-BBKKTS-KHCN  PL7-DMTS-KHCN  PL7-BBBGKQ-KHCN |
| Vụ KHTC | Xem xét, đề xuất phương án xử lý tài sản trình Lãnh đạo Tổng cục quyết định |  |  |
| Đơn vị chủ trì | Đăng ký, lưu giữ, công bố thông tin |  |  |
| Lãnh đạo  Tổng cục/Vụ KHTC/đơn vị chủ trì | Thanh lý hợp đồng |  | Mẫu:  PL4-TLHĐ-KHCN |
| Đơn vị chủ trì | Công khai thông tin nhiệm vụ |  |  |

**Mẫu PL1-PĐX-QG**

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA***(Dùng cho đề tài hoặc đề án)*

1. Tên Đề tài/Đề án:

2. Căn cứ đề xuất *(giải trình căn cứ theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 03/2017/TT-BKHCN Quy định trình tự thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước):*

3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước v.v...

4. Mục tiêu:

5. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:

6. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để đạt kết quả:

7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:

8. Yêu cầu đối với thời gian để đạt được các kết quả:

9. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………….., ngày …. tháng …. năm 20…..* **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT** *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA***(Dùng cho dự án SXTN)*

1. Tên dự án SXTN:

2. Xuất xứ hình thành: *(từ một trong các nguồn sau: kết quả của các đề tài; kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích; kết quả KH&CN chuyển giao từ nước ngoài... có khả năng ứng dụng)*

3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước v.v...:

4. Mục tiêu:

5. Kiến nghị các nội dung chính cần thực hiện để hoàn thiện công nghệ và đạt kết quả:

6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kỹ thuật cần đạt:

7. Nhu cầu thị trường: *(Khả năng thị trường tiêu thụ, phương thức chuyển giao và thương mại hoá các sản phẩm của dự án)*

8. Dự kiến tổ chức cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:

9. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:

10. Phương án huy động các nguồn lực của tổ chức dự kiến ứng dụng kết quả tạo ra: (Khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)

11. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………….., ngày …. tháng …. năm 20…..* **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT** *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.*

**PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA***(Dùng cho dự án khoa học và công nghệ)*

1. Tên dự án khoa học và công nghệ (KH&CN):

 2. Xuất xứ hình thành:*(nêu rõ nguồn hình thành của dự án KH&CN, tên dự án đầu tư sản xuất, các quyết định phê duyệt liên quan ...)*

 3. Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước v.v...:

 4. Mục tiêu:

 5. Nội dung KH&CN chủ yếu: *(mỗi nội dung đặt ra có thể hình thành được một đề tài, hoặc dự án SXTN)*

 6. Yêu cầu đối với kết quả (công nghệ, thiết bị) và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt:

 7. Dự kiến tổ chức, cơ quan hoặc địa chỉ ứng dụng các kết quả tạo ra:

 8. Yêu cầu đối với thời gian thực hiện:

 9. Năng lực của tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả:

 10. Dự kiến nhu cầu kinh phí:

 11. Phương án huy động các nguồn lực của cơ tổ chức, cơ quan dự kiến ứng dụng kết quả: *(khả năng huy động nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất từ các nguồn khác nhau để thực hiện dự án)*

 12. Dự kiến hiệu quả của dự án KH&CN:

12.1 Hiệu quả kinh tế - xã hội:*(cần làm rõ đóng góp của dự án KH&CN đối với các dự án đầu tư sản xuất trước mắt và lâu dài bao gồm số tiền làm lợi và các đóng góp khác...)*

 12.2 Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh...)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………….., ngày …. tháng …. năm 20…..* **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT** *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |

Ghi chú: *Phiếu đề xuất được trình bày không quá 6 trang giấy khổ A4.*

**MẪU PL1-PĐX-CB/CS**

**PHIẾU ĐỀ XUẤT   
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ (HOẶC CẤP CƠ SỞ)**

**Năm 20...**

1. Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ:
2. Hình thức thực hiện *(đề tài, đề án, dự án, dự án sản xuất thử nghiệm, nhiệm vụ KH&CN tiềm năng)*:

3. Mục tiêu của nhiệm vụ:

4. Tính cấp thiết và tính mới của nhiệm vụ *(về mặt khoa học và về mặt thực tiễn)*:

5. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:

6. Khả năng và địa chỉ ứng dụng:

7. Dự kiến hiệu quả mang lại:

8. Dự kiến thời gian thực hiện (*thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc*)

9. Thông tin khác (áp dụng đối với dự án SXTN hoặc dự án KHCN):

a) Xuất xứ hình thành dự án

b) Khả năng huy động nguồn vốn ngoài NSNN.

10. Nhu cầu kinh phí:

- Tổng số:.............. Trong đó:

+ NSNN:...;

+ Nguồn khác:...

*..., ngày ... tháng... năm 20…*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT**  *(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)* |
|  | |

**Mẫu PL1-THĐX-CB/CS**

**TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ (HOẶC CẤP CƠ SỞ) ĐỀ XUẤT NĂM 201….   
*(sắp xếp theo thứ tự ưu tiên)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ KH&CN** | **Hình thức thực hiện** | **Mục tiêu** | **Tính**  **cấp thiết và tính mới** | **Các nội dung chính và kết quả dự kiến** | **Khả năng, địa chỉ**  **ứng dụng** | **Dự kiến hiệu quả** | **Dự kiến thời gian thực hiện** | **Thông tin khác** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..., ngày ... tháng ... năm 20...*  **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  *(Họ, tên, chữ ký)* |

**MẪU PL2-PNX-XĐ-CB/CS**

**PHIẾU NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỀ XUẤT CẤP BỘ/CƠ SỞ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên thành viên hội đồng/chuyên gia:**

**Tên nhiệm vụ KH&CN đề xuất:**

**I. Ý KIẾN NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Tính cấp thiết, tính mới của nhiệm vụ KH&CN

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu ; Không đạt yêu cầu

2. Khả năng không trùng lặp của nhiệm vụ đề xuất với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  ; Không đạt yêu cầu

3. Tính hợp lý của dự kiến nội dung chính và các kết quả của nhiệm vụ KH&CN đề xuất

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  ; Không đạt yêu cầu

4. Tính khả thi và địa chỉ ứng dụng

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu ; không đạt yêu cầu

5.Khả năng huy động nguồn lực (áp dụng đối với dự án SXTN, dự án KHCN)

*Nhận xét:*

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu ; không đạt yêu cầu

**Kiến nghị của thành viên hội đồng/chuyên gia:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 3 ô dưới đây)

Đề nghị không thực hiện

Đề nghị thực hiện

Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây:

**II. CÁC KIẾN NGHỊ ĐIỀU CHỈNH**

**Tên nhiệm vụ KH&CN:**

**Định hướng mục tiêu:**

**Yêu cầu đối với kết quả:**

*(Lưu ý:*

*Đối với đề tài ứng dụng và phát triển công nghệ cần nêu rõ 2 yêu cầu:*

* *Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ và*
* *Yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm*

*Đối với Dự án SXTN: các yêu cầu đối với chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt của các sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm)*

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ... tháng ... năm 20...  *(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)* |

**PHIẾU NHẬN XÉT BỔ SUNG**

**VỀ NHÂN LỰC THỰC HIỆN CÁC CÔNG VIỆC THEO TỪNG NỘI DUNG**

**(Áp dụng đối với ủy viên phản biện)**

|  |
| --- |
| **Nghiên cứu tổng quan:**   * Chủ nhiệm: (Số ngày công quy đổi cần thiết) * Thành viên chính: (Số ngày công quy đổi cần thiết) * Thành viên tham gia: (Số ngày công quy đổi cần thiết) * Nhân viên hỗ trợ: (Số ngày công quy đổi cần thiết) |
| **Đánh giá thực trạng:**   * Chủ nhiệm: (Số ngày công quy đổi cần thiết) * Thành viên chính: (Số ngày công quy đổi cần thiết) * Thành viên tham gia: (Số ngày công quy đổi cần thiết) * Nhân viên hỗ trợ: (Số ngày công quy đổi cần thiết) |
| ……………….. |
| **Tổng kết đánh giá:**   * Chủ nhiệm: (Số ngày công quy đổi cần thiết) * Thành viên chính: (Số ngày công quy đổi cần thiết) * Thành viên tham gia: (Số ngày công quy đổi cần thiết) * Nhân viên hỗ trợ: (Số ngày công quy đổi cần thiết) |
| **Cộng tổng ngày công quy đổi:**   * Chủ nhiệm: (Số ngày công quy đổi cần thiết) * Thành viên chính: (Số ngày công quy đổi cần thiết) * Thành viên tham gia: (Số ngày công quy đổi cần thiết) * Nhân viên hỗ trợ: (Số ngày công quy đổi cần thiết) |

*Ngày ….. tháng …… năm 20…*

*(Chuyên gia phản biện, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu PL2-PĐG-XĐ-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ,  CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

**Tên nhiệm vụ KH&CN đề xuất:**

**Họ và tên thành viên hội đồng/chuyên gia:**

**Đánh giá của thành viên hội đồng/chuyên gia:** (đánh dấu **X** vào 1 trong 2 ô)

1. Tính cấp thiết, tính mới của việc thực hiện nhiệm vụ

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  ; Không đạt yêu cầu

1. Khả năng không trùng lắp của nhiệm vụ đề xuất với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  ; Không đạt yêu cầu

1. Tính hợp lý của dự kiến nội dung chính và các kết quả của nhiệm vụ KH&CN đề xuất

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  ; Không đạt yêu cầu

1. Tính khả thi và địa chỉ ứng dụng

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  ; Không đạt yêu cầu

1. Khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện (chỉ áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm, dự án KHCN)

*Đánh giá:* Đạt yêu cầu  Hoặc không đạt yêu cầu

**Kết luận chung:**

Đề nghị thực hiện Đề nghị không thực hiện

*Hà Nội, ngày tháng năm 2016*

*(Chuyên gia ký, ghi rõ họ tên)*

**Biểu PL2-BBKP-XĐ-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *………, ngày… tháng… năm 20…* |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

Loại hình nhiệm vụ KH&CN:

Số thành viên hội đồng tham gia bỏ phiếu:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Tên nhiệm vụ đề xuất** | **Tổng hợp đánh giá theo các nội dung của các thành viên Hội đồng** | | | | | | | | | | | |
| **Nội dung 1** | | **Nội dung 2** | | **Nội dung 3** | | **Nội dung 4HĐ** | | **Nội dung 5** | | **Kết luận chung** | |
| Đạt | Không đạt | Đạt | Không đạt | Đạt | Không đạt | Đạt | Không đạt | Đạt | Không đạt | Thực hiện | Không thực hiện |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***…*** | ***……*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Các thành viên Ban kiểm phiếu Trưởng Ban kiểm phiếu (Thư ký khoa học)**

*(Gồm thư ký khoa học, thư ký hành chính; (Họ, tên và chữ ký)*

*Họ, tên và chữ ký của từng thành viên)*

**Mẫu PL2-BBHĐ-XĐ-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ,  CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *…, ngày … tháng … năm 20…* |

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN   
XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

**Loại nhiệm vụ KH&CN:** *(Đề tài, dự án, đề án, dự án KH&CN hoặc chương trình KH&CN):*

***A. Những thông tin chung***

1. Quyết định thành lập Hội đồng:

2. Số lượng các nhiệm vụ đề xuất:

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: .../...

- Vắng mặt: ... người, gồm các thành viên:

- Khách mời tham dự họp Hội đồng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Đơn vị công tác** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| .... | ..... | ....... |

***B. Nội dung làm việc của Hội đồng (\*)***

Hội đồng đã tiến hành họp theo định tại Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ. Các ý kiến của thành viên Hội đồng đã nêu cụ thể tại các Phiếu nhận xét, Phiếu đánh giá. Ngoài ra các ý kiến cụ thể tại cuộc họp được ghi theo phụ lục đính kèm.

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu của hội đồng và thảo luận việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện tên gọi và các mục của nhiệm vụ, phương thức thực hiện (tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ), thảo luận thứ tự ưu tiên trong danh mục, Hội đồng thông qua biên bản làm việc với kết quả theo phụ lục đính kèm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký khoa học**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Chủ tịch Hội đồng**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**

**XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN**

**Loại nhiệm vụ KH&CN**: *(Đề tài, dự án, đề án, dự án KH&CN hoặc Chương trình KH&CN)*

1. **Đề xuất “đề nghị thực hiện”\***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đề xuất đặt hàng** | **Kết quả đánh giá**  **của hội đồng** | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … | …….. |  |  |

*\*) Đề xuất đặt hàng “đề nghị thực hiện” khi có trên ¾ tổng sô phiếu đánh giá “Đạt yêu cầu*”

1. **Đề xuất đề nghị “không thực hiện”**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên đề xuất** | **Tóm tăt lý do đề nghị “không thực hiện”** | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … | …….. |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký khoa học**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Chủ tịch Hội đồng**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN**

**(*xếp theo thứ tự ưu tiên)***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nhiệm vụ đề xuất đặt hàng** | **Định hướng mục tiêu** | **Yêu cầu**  **đối với**  **kết quả\*** | **Phương thức**  **tổ chức**  **thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp)** | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| … | …….. |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký khoa học**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Chủ tịch Hội đồng**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

*\*) Ghi chú:*

*Đối với đề tài ứng dụng và phát triển công nghệ cần thể hiện rõ các yêu cầu về:*

* *Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ và*
* *Yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm*

*Đối với Dự án SXTN: Các yêu cầu đối với chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật cần đạt của các sản phẩm và quy mô Sản xuất thử nghiệm.*

**Mẫu PL3-ĐƠN-CB/CS**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ [[1]](#footnote-2) CHỦ TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC   
VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Căn cứ thông báo của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở năm………, chúng tôi:

a) (Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp làm cơ quan chủ trì nhiệm vụ)

b) (Họ và tên, học vị, chức vụ địa chỉ cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm)

đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ: . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . .

**Thuộc lĩnh vực KH&CN:** . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . . …

**Hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ gồm**:

1. Thuyết minh nhiệm vụ (phụ lục..........);
2. Tóm tắt hoạt động khoa học của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ (phụ lục...);
3. Lý lịch khoa học của Chủ nhiệm (phụ lục...);
4. Văn bản xác nhận về sự đồng ý tham gia của các tổ chức phối hợp nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ theo danh sách kê khai tại Thuyết minh nhiệm vụ
5. Các văn bản có giá trị pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (trong trường hợp tổ chức và cá nhân có kê khai huy động được kinh phí từ nguồn vốn khác);
6. *.....(Liệt kê các thành phần có trong hồ sơ)*

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ này là đúng sự thật.

*......................., ngày tháng năm 2 12*

|  |  |
| --- | --- |
| **CÁ NHÂN**  *(đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ***)**  (Họ, tên và chữ ký) | **TỔ CHỨC**  *(đăng ký chủ trì nhiệm vụ***)**  (Họ tên và chữ ký của thủ trưởng tổ chức, đóng dấu) |

**Mẫu TM-CB/CS** (Đề án khoa học)

**THUYẾT MINH** **NHIỆM VỤ KHOA HỌC CẤP BỘ**

(Áp dụng đối với đề án khoa học)

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên đề án:** | | | | **1a. Mã số của đề án:** *(đư­ợc cấp khi hồ sơ trúng tuyển)* | |
| **2** | **Loại đề án:**   * **Thuộc Ch­ương trình** (Ghi rõ tên ch­ương trình), **Mã số:** * **Độc lập** * **Khác** (ghi rõ tên) | | | | | |
| **3** | **Thời gian thực hiện**: …….tháng  (từ tháng /năm 20… đến tháng /năm 20…) | | | | | |
| **4** | **Kinh phí thực hiện:**  Tổng kinh phí: *………… (triệu đồng),* trong đó:   * Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: … * Từ nguồn tự có của tổ chức * Từ nguồn khác: … | | | | | |
| **5** | **Phương thức khoán chi:**  Khoán đến sản phẩm cuối cùng | | | Khoán từng phần, trong đó:  - Kinh phí khoán: …………….. *triệu đồng*  - Kinh phí không khoán: ……….*triệu đồng* | | |
| **6** | **Chủ nhiệm đề án:** | | | | | |
| Họ và tên:..................................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ........................................................ Nam/ Nữ: ..................................  Học hàm, học vị:.......................................................................................................................  Chức danh khoa học: ...........................................................Chức vụ:......................................  Điện thoại của tổ chức: ............................ Nhà riêng: ......................Mobile:...........................  Fax: ........................................................... E-mail: .................................................................  Tên tổ chức đang công tác:.......................................................................................................  Địa chỉ tổ chức:.........................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ..................................................................................................................... | | | | | | |
| **7** | **Thư ký đề án:** | | | | | |
| Họ và tên:..................................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ........................................................ Nam/ Nữ: ..................................  Học hàm, học vị:.......................................................................................................................  Chức danh khoa học: .................................................... Chức vụ: ......................................  Điện thoại của tổ chức: ...............................Nhà riêng: ...................Mobile: ..........................  Fax: ........................................................... E-mail: .................................................................  Tên tổ chức đang công tác: ......................................................................................................  Địa chỉ tổ chức: ........................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ..................................................................................................................... | | | | | | |
| **8** | **Tổ chức chủ trì đề án:** | | | | | |
| Tên tổ chức chủ trì đề án: ........................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: .................................................................................  E-mail: ................................................................................................................... ..................  Website: ............................................................................................................................ .....  Địa chỉ: ................................................................................................................................ ....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .............................................................................................. ...  Số tài khoản: ...................................................................................................................... .....  Ngân hàng: ......................................................................................................................... .....  Cơ quan chủ quản đề án: .................................................................................................. ....... | | | | | | |
| **9** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề án:** (nếu có) | | | | | |
| 1. **Tổ chức 1** : ................................................................................................... .....................   Cơ quan chủ quản ......................................................................................................... .........  Điện thoại: ...................................... Fax: .............................................................................. ..  Địa chỉ: .................................................................................................................................. ..  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................ .  Số tài khoản: ......................................................................................................................... ..  Ngân hàng: ................................................................................................................. .............   1. **Tổ chức 2** : ..................................................................................................................... ...   Cơ quan chủ quản .............................................................................................................. ...  Điện thoại: ...................................... Fax: .............................................................................. ..  Địa chỉ: ................................................................................................................................ ....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ............................................................................................. ....  Số tài khoản: ....................................................................................................................... ....  Ngân hàng: ............................................................................................................................. .   1. **Tổ chức** .............................................................................................................................. | | | | | | |
| **10** | **Các cán bộ thực hiện đề án:** | | | | | |
| *(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những* ***nội dung chính*** *thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề án)* | | | | | | |
|  | **Họ và tên, học hàm học vị** | **Tổ chức**  **công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | | | **Thời gian làm việc cho đề án**  *(Số tháng quy đổi)* |
| 1 |  |  |  | | |  |
| 2 |  |  |  | | |  |
| 3 |  |  |  | | |  |
| 4 |  |  |  | | |  |
| 5 |  |  |  | | |  |
| 6 |  |  |  | | |  |
| 7 |  |  |  | | |  |
| 8 |  |  |  | | |  |
| 9 |  |  |  | | |  |
| 10 |  |  |  | | |  |

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **11** | | **Mục tiêu của đề án:**  *(phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)* | | | | | |
| ..................................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **12** | | | **Tình trạng đề án:**  Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  Kế tiếp nghiên cứu của người khác | | | | |
| **13** | | | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề án:** | | | | |
| **13.1. T*ổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề án***  (*Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề án*)  ……………………………………………………………………………………………………….. | | | | | | | |
| ***13.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án***  (*Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề án, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề án*)  ……………………………………………………………………………………………………….. | | | | | | | |
| **14** | | **Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề án đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:** | | | | | |
| (*tên tác giả, nơi và năm công bố, công trình, NXB, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn*)  ……………………………………………………………………………………………………….. | | | | | | | |
| **15** | **Nội dung nghiên cứu của đề án:** | | | | | | |
| *(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logíc, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra)*  Nội dung 1:.............................................................................................................................................  Nội dung 2:.............................................................................................................................................  Nội dung 3:............................................................................................................................................. | | | | | | | |
| **16** | **Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề án:** | | | | | | |
| *(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề án)* | | | | | | | |
| * S­ưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính) * Hội thảo/toạ đàm khoa học (số l­ượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu) * Đào tào, tập huấn phục vụ đề án * Khảo sát/điều tra thực tế trong nư­ớc (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phư­ơng pháp) * Khảo sát nư­ớc ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung) * ........ | | | | | | | |
| **17** | **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:** | | | | | | |
| *(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề án; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*  ***Cách tiếp cận***:  ***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng***: | | | | | | | |
| **18** | **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:** | | | | | | |
| *[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề án (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề án; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]*  ……………………………………………………………………………………………………….. | | | | | | | |
| **19** | **Phương án hợp tác quốc tế:** (nếu có) | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề án; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề án)* | | | | | | | |
| **20** | | **Kế hoạch thực hiện:** | | | | | |
|  | | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện;  các mốc đánh giá chủ yếu** | | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian** *(bắt đầu,  kết thúc)* | **Cá nhân,  tổ chức  thực hiện\*** | **Dự kiến  kinh phí** |
| ***1*** | | ***Nội dung 1*** | |  |  |  |  |
| - Công việc 1 | |  |  |  |  |
| - Công việc 2 | |  |  |  |  |
| .......... | |  |  |  |  |
| ***2*** | | ***Nội dung 2*** | |  |  |  |  |
| - Công việc 1 | |  |  |  |  |
| - Công việc 2 | |  |  |  |  |
|  | | ...... | |  |  |  |  |

*\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10*

**III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ ÁN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **21** | **Sản phẩm chính của đề án và yêu cầu chất lượng cần đạt:** *(liệt kê theo dạng sản phẩm)* | | | |
| **21.1 Dạng I**:Báo cáo khoa học của đề án (báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); dự thảo cơ chế chính sách; kết quả dự báo; mô hình; quy trình, quy phạm; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác. | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | **Ghi chú** | |
|  | … |  | |  | |
| **21.2 Dạng II:** Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố** *(Tạp chí, Nhà xuất bản)* | **Ghi chú** | |
|  | … |  |  |  | |
| **22** | **Lợi ích của đề án và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:** | | | | |
| **22.1 Lợi ích của đề án:**  *a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc hoạch định và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)*  ................................................................................................................................................................  *b) Góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề án, đào tạo sau đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)*  ................................................................................................................................................................  **22.2 Phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**  *(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)*  ................................................................................................................................................................ | | | | | |

**IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

*(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **23** | **Kinh phí thực hiện đề án phân theo các khoản chi:** | | | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | | | |
| **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) | | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** | |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  | |  |  |  |  | |
|  | *Trong đó:* |  |  | |  |  |  |  | |
| 1 | Ngân sách SNKH:  - Năm thứ nhất:  - Năm thứ hai:  ......... |  |  | |  |  |  |  | |
| 2 | Nguồn khác  (vốn huy động, ...) |  |  | |  |  |  |  | |
| *Ngày……tháng …… năm 20…* | | | | *Ngày……tháng …… năm 20…* | | | | |
| **CHỦ NHIỆM ĐỀ ÁN** *(Họ tên và chữ ký)* | | | | **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ ÁN** *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* | | | | |
| *Ngày……tháng …… năm 20…* | | | | | | | | |
| **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**  *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu khi phê duyệt )* | | | | | | | | |

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ ÁN**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 |
| **1** | **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) gồm:  *Nội dung 1*  *Nội dung 2*  *Nội dung 3...* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nguyên,vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Chi khác**  *Trong đó:*  *- Công tác trong nước*  *- Hợp tác quốc tế*  *- Điều tra, khảo sát*  *…* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**Khoản 1. Công lao động** (khoa học, phổ thông)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung lao động**  *Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 15 của thuyết minh* | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục chi** | **Ngân sách SNKH** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 |
| **1** | ***Nội dung 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | ***Nội dung 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **1** | **Nguyên, vật liệu**  *(Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại thuyết minh)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Năng lượng, nhiên liệu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Mua sách, tài liệu, số liệu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 3. Thiết bị, máy móc**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Mục chi** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* |  | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* |
| 1 | **Thiết bị mua mới** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Thuê thiết bị**(ghi tên thiết bị, thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | | |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 5. Chi khác**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục chi** | **Tổng** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 |
| ***a*** | ***Kinh phí quản lý*** (của cơ quan chủ trì) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***b*** | ***Công tác trong nước*** (địa điểm, thời gian, số lượt người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***c*** | ***Chi điều tra, khảo sát*** (số phiếu, số chỉ tiêu...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***c*** | ***Hợp tác quốc tế*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***d*** | ***Chi hội nghị, hội thảo khoa học*** (địa điểm, số người, số ngày…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***e*** | ***Chi đào tạo, tập huấn*** (số ngày, số người, địa điểm…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***g*** | ***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***h*** | ***Chi khác*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Các khoản thuê dịch vụ (dịch tài liệu…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***-***Phụ cấp chủ nhiệm đề tài(cho đến khi có Thông tư thay thế Thông tư 44/2007/TTLT/BTC-BKHCN) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Các khoản chi khác (liệt kê và thuyết minh theo từng khoản chi) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Biểu I.1**

**PHƯƠNG ÁN TRANG BỊ VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NHIỆM VỤ   
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. **Phương án thuê thiết bị máy móc** *(nếu có)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** | **Thời gian thuê** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

1. **Mua sắm mới thiết bị máy móc** *(nếu có)*
2. Danh mục mua sắm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |

1. Phương án xử lý khi kết thúc nhiệm vụ

**3. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ** *( nếu có)*

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**4. Phương án xử lý tài sản là vật tư thu được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ** (nếu có)

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm nhiệm vụ**  *(Họ tên và chữ ký)* | **Thủ trưởng tổ chức chủ trì**  *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**Biểu I.2**

**PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN THUÊ CHUYÊN GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Quốc tịch** | **Lĩnh vực chuyên môn/ Thuộc**  **tổ chức** | **Nội dung thực hiện và giải trình lý do thuê chuyên gia** | **Thời gian thực hiện quy đổi**  **(tháng)** | **Mức thuê theo hợp đồng** | **Kinh phí** | | |
| **Tổng** | **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=6x7 | 9 | 10 |
| **I** |  |  |  | **Chuyên gia trong nước** |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** |  |  |  | **Chuyên gia nước ngoài** |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Biểu I.3**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chức danh** | **Tổng số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí (triệu đồng)** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | Chủ nhiệm đề tài/đề án |  |  |  |
| 2 | Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học |  |  |  |
| 3 | Thành viên |  |  |  |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |
| **Cộng:** | |  |  |  |

**Biểu I.4**

**DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** |  | |  | **Chức danh nghiên cứu** | **Tổng số người thực hiện (cho từng chức danh)** | **Hệ số tiền công theo ngày (theo định mức cấp Bộ)** | **Số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí** | | **Nguồn vốn** | | | | | |
|  | **Ngân sách**  **nhà nước** | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | |
| **Nội dung công việc** |  |  |
| **Mô tả kết quả công việc** |  |  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* |  |  | *3* | *4* | *5* | *6* | 7=5x6xlương cơ sở | | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **1** | **Nghiên cứu tổng quan** |  | ***Kết quả: Xây dựng thuyết minh, báo cáo tổng quan*** | | | | | | | | | | | | |
|  | 1.1. Công việc 1: (tên nội dung công việc 1) |  |  | -CN  -TVC, TK  -TV  -TKV, NVHT |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Đáng giá thực trạng** |  | ***Kết quả: báo cáo thực trạng vấn đề nghiên cứu*** | | | | | | | | | | | | |
|  | 2.1. Công việc 1: … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** | **Tổng kết, đánh giá** |  | ***Kết quả: báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng hợp*** | | | | | | | | | | | | |
| 7.1. Công việc 1: tổng hợp báo cáo thống kê | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ……… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu PL3-TM-CB/CS** (Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ)

**THUYẾT MINH**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ/CẤP CƠ SỞ**

(Áp dụng đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ )

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên đề tài** | | | | | | | | **1a** | **Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)* | |
|  | | | | | | | | |  | | |
| **2** | **Thời gian thực hiện:** .......... tháng | | | | | | | |  |  | |
| (Từ tháng /20.. đến tháng /20…) | | | | | | | | |  | | |
| **3** | **Tổng kinh phí thực hiện:** ........................... **triệu đồng, trong đó:** | | | | | | | | | | |
| **Nguồn** | | | | | | ***Kinh phí*** *(triệu đồng)* | | | | | |
| - Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học | | | | | |  | | | | | |
| - Từ nguồn tự có của tổ chức | | | | | |  | | | | | |
| - Từ nguồn khác | | | | | |  | | | | | |
| **4** | | | **Phương thức khoán chi:** | | | | |  | | | |
| Khoán đến sản phẩm cuối cùng | | | | | | | | Khoán từng phần, trong đó: | | | |
|  | | | | | | | | - Kinh phí khoán: ………………….....triệu đồng  - Kinh phí không khoán: ………….….triệu đồng | | | |
| **5** | **Thuộc Chương trình** (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), **Mã số:**  **Thuộc dự án KH&CN**  **Độc lập**  **Khác** | | | | | | | | | | |
|  |
| **6** | **Lĩnh vực khoa học** | | | | | | | | | | |
|  | Tự nhiên;  Nông, lâm, ngư nghiệp;  Kỹ thuật và công nghệ;  Y dược.  Khoa học xã hội và nhân văn  Khác. | | | | | | | | | | |
| **7** | **Chủ nhiệm đề tài** | | | | | | | | | | |
| Họ và tên:..............................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Giới tính: Nam / Nữ:  Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ..............................................................................  Chức danh khoa học: ...................................................Chức vụ............................................  Điện thoại:  Tổ chức: ............................... Nhà riêng: .............................. Mobile: .................................  Fax: .................................................. E-mail: ........................................................................  Tên tổ chức đang công tác:.....................................................................................................  Địa chỉ tổ chức:.......................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ................................................................................................................... | | | | | | | | | | | |
| **8** | **Thư ký đề tài** | | | | | | | | | | |
| Họ và tên:...............................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Nam/ Nữ: ..........................................  Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ................................................................................  Chức danh khoa học: ........................................... Chức vụ: ............................................  Điện thoại: ………………………………………………………………………………….  Tổ chức: ............................... Nhà riêng: ............................... Mobile: .................................  Fax: .................................................. E-mail: ........................................................................  Tên tổ chức đang công tác: ....................................................................................................  Địa chỉ tổ chức: .....................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ................................................................................................................... | | | | | | | | | | | |
| **9** | **Tổ chức chủ trì đề tài** | | | | | | | | | | |
| Tên tổ chức chủ trì đề tài: ......................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ..............................................................................  Website: .................................................................................................................................  Địa chỉ: ..................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................  Số tài khoản: ..........................................................................................................................  Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: ...............................................................................................  Tên cơ quan chủ quản đề tài: .................................................................................................. | | | | | | | | | | | |
| **10** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài** *(nếu có)* | | | | | | | | | | |
| 1. **Tổ chức 1** : .......................................................................................................................   Tên cơ quan chủ quản ...........................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ..............................................................................  Địa chỉ: ..................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................  Số tài khoản: ..........................................................................................................................  Ngân hàng: .............................................................................................................................   1. **Tổ chức 2** : ......................................................................................................................   Tên cơ quan chủ quản .........................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ..............................................................................  Địa chỉ: ..................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................  Số tài khoản: ..........................................................................................................................  Ngân hàng: ............................................................................................................................ | | | | | | | | | | | |
| **11** | | **Các cán bộ thực hiện đề tài** | | | | | | | | | |
| *(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những* ***nội dung chính*** *thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)* | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | | **Họ và tên,**  **học hàm học vị** | **Tổ chức**  **công tác** | | **Nội dung,**  **công việc chính tham gia** | | | | **Thời gian làm việc cho đề tài** (Số tháng quy đổi[[2]](#footnote-3)2) |
| 1 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 2 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 3 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 4 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 5 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 6 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 7 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 8 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 9 | | | |  |  | |  | | | |  |
| 10 | | | |  |  | |  | | | |  |

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **12** | | **Mục tiêu của đề tài** (*Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)* | | | | | |
| ...................................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **13** | | | **Tình trạng đề tài**  Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  Kế tiếp nghiên cứu của người khác | | | | |
|  | | |
| **14** | | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài** | | | | | |
| **14.1 *Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài***  **Ngoài nước**(*Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó*)  ……………………………………………………………………………………………………….  **Trong nước** *(Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)*  ……………………………………………………………………………………………………….  ***14.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài***  (*Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu*)  ………………………………………………………………………………………………………. | | | | | | | |
| **15** | | ***Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan*** | | | | | |
| *(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)*.  …..................................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **16** | **Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện** | | | | | | |
| *(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu trong đó chỉ rõ những nội dung mới , những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó; dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có).*  Nội dung 1: ........................................................................................................................  Nội dung 2: ......................................................................................................................  Nội dung 3:...................................................................................................................... | | | | | | | |
| **17** | **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng** | | | | | | |
| *(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài)*  ***Cách tiếp cận***:…………………………………………………………………………………….  ***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng***: …………………………………………………..  ***Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:***…………………………………………………………. | | | | | | | |
| **18** | **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước** | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có*).  ………………………………………………………………………………………………………. | | | | | | | |
| **19** | **Phương án hợp tác quốc tế** *(nếu có)* | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài )*  ………………………………………………………………………………………………………. | | | | | | | |
| **20** | | **Tiến độ thực hiện** | | | | | |
|  | | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện;  các mốc đánh giá chủ yếu** | | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian** (bắt đầu,  kết thúc) | **Cá nhân,  tổ chức  thực hiện\*** | **Dự kiến  kinh phí** |
| *(1)* | | *(2)* | | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| **1** | | ***Nội dung 1*** | |  |  |  |  |
|  | | - Công việc 1 | |  |  |  |  |
|  | | - Công việc 2 | |  |  |  |  |
| **2** | | ***Nội dung 2*** | |  |  |  |  |
|  | | -Công việc 1 | |  |  |  |  |
|  | | -Công việc 2 | |  |  |  |  |

*\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 11*

**III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **21** | | **Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt** *(Liệt kê theo dạng sản phẩm)* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Dạng I:** Mẫu (*model, maket);* Sản phẩm *(là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường);* Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác; | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Số TT** | | | | | **Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm** | | | | **Đơn vị đo** | | **Mức chất lượng** | | | | | | **Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra** | |
| **Cần đạt** | | **Mẫu tương tự**  (theo các tiêu chuẩn mới nhất) | | | |
| **Trong nước** | | **Thế giới** | |
| *(1)* | | | | | *(2)* | | | | *(3)* | | *(4)* | | *(5)* | | *(6)* | | *(7)* | |
|  | | | | |  | | | |  | |  | |  | |  | |  | |
|  | | | | |  | | | |  | |  | |  | |  | |  | |
|  | | | | |  | | | |  | |  | |  | |  | |  | |
| **21.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài** *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*  ........................................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Dạng II:** Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo *(phương pháp, quy trình, mô hình,...)*; Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | | | | **Tên sản phẩm** | | | | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | | | | | **Ghi chú** |
| *(1)* | | | | | | *(2)* | | | | *(3)* | | | | | | | | *(4)* |
|  | | | | | |  | | | |  | | | | | | | |  |
|  | | | | | |  | | | |  | | | | | | | |  |
|  | | | | | |  | | | |  | | | | | | | |  |
| **Dạng III:** Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Số TT** | | | | | | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | | | | **Dự kiến nơi công bố** (Tạp chí, Nhà xuất bản) | | | | **Ghi chú** |
| *(1)* | | | | | | *(2)* | *(3)* | | | | | | | *(4)* | | | | *(5)* |
|  | | | | | |  |  | | | | | | |  | | | |  |
|  | | | | | |  |  | | | | | | |  | | | |  |
|  | | | | | |  |  | | | | | | |  | | | |  |
| **21.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có** *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*  ....................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **21.3 Kết quả tham gia đào tạo sau đại học** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | | **Cấp đào tạo** | | | | **Số lượng** | | | | **Chuyên ngành đào tạo** | | | | **Ghi chú** | | |
| *(1)* | | | | *(2)* | | | | *(3)* | | | | *(4)* | | | | *(5)* | | |
|  | | | | **Thạc sỹ** | | | |  | | | |  | | | |  | | |
|  | | | | **Tiến sỹ** | | | |  | | | |  | | | |  | | |
| **21.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:**  ........................................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **22** | **Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **22.1 Khả năng về thị trường***(Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)*  ......................................................................................................................................................  **22.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh** *(Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)*  .......................................................................................................................................................  **22.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu**  ......................................................................................................................................................  **22.4 Mô tả phương thức chuyển giao**  *(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra…)* ....................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **23** | | | **Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài** | | | | | | | | | | | | | | | |
| ....................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **24** | **Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ***24.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan***  *(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)*  ........................................................................................................................................................  ***24.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu***  ......................................................................................................................................................  ***24.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường***  *(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)*  ....................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

**V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **25** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi** | | | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | | | |
| **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) | | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | | *5* | *6* | *7* | *8* | |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  | |  |  |  |  | |
|  | *Trong đó:* |  |  | |  |  |  |  | |
| 1 | Ngân sách SNKH:  - Năm thứ nhất:  - Năm thứ hai:  - Năm thứ ba: |  |  | |  |  |  |  | |
| 2 | Nguồn tự có của cơ quan |  |  | |  |  |  |  | |
| 3 | Nguồn khác  (vốn huy động, ...) |  |  | |  |  |  |  | |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | | | | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | | | | |
| **CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  *(Họ tên và chữ ký)* | | | | **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI** *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* | | | | |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | | | | | | | | |

|  |
| --- |
| **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**  *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu khi được phê duyệt)* |

**Phụ lục**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định\** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 | **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Nguyên,vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**Khoản 1. Công lao động** (khoa học, phổ thông)

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung lao động**  *Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 16 của thuyết minh* | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Mục chi** | **Tổng** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 | ***Nội dung 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | ***Nội dung 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Thuyết minh theo từng chức danh nghiên cứu, số ngày công nghiên cứu theo sản phẩm; thuyết minh về lựa chọn chuyên gia nước ngoài và mức thuê chuyên gia nước ngoài (nếu có)* **Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
|  |  |  |  |  |  | Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |  |  |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* |
| 1 | Nguyên, vật liệu  *(Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 16 của thuyết minh)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Năng lượng, nhiên liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Than |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Điện | kW/h |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Xăng, dầu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Nhiên liệu khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nước | m3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Mua sách, tài liệu, số liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 3. Thiết bị, máy móc**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mục chi** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **I** | ***Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài[[3]](#footnote-4)*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | ***Thiết bị, công nghệ mua mới*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | ***Khấu hao thiết bị****[[4]](#footnote-5)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | ***Thuê thiết bị*** (ghi tên thiết bị, thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **V** | ***Vận chuyển lắp đặt*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** | | | | | |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* |
| 1 | Chi phí xây dựng ...... m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi phí sửa chữa ....... m2 nhà xưởng, PTN |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 5. Chi khác**

*Đơn vị: Triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| ***a*** | ***Kinh phí quản lý*** (của cơ quan chủ trì) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***b*** | ***Công tác trong nước*** (địa điểm, thời gian, số lượt người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***c*** | ***Chi điều tra, khảo sát*** (số phiếu, số chỉ tiêu...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***c*** | ***Hợp tác quốc tế*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***d*** | ***Chi hội nghị, hội thảo khoa học*** (địa điểm, số người, số ngày…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***e*** | ***Chi đào tạo, tập huấn*** (số ngày, số người, địa điểm…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***g*** | ***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***h*** | ***Chi khác*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Các khoản thuê dịch vụ (dịch tài liệu…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ***-***Phụ cấp chủ nhiệm đề tài(cho đến khi có Thông tư thay thế Thông tư 44/2007/TTLT/BTC-BKHCN) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Các khoản chi khác (liệt kê và thuyết minh theo từng khoản chi) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Biểu I.1**

**PHƯƠNG ÁN TRANG BỊ VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NHIỆM VỤ   
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. **Phương án thuê thiết bị máy móc** *(nếu có)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** | **Thời gian thuê** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

1. **Mua sắm mới thiết bị máy móc** *(nếu có)*
2. Danh mục mua sắm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |

1. Phương án xử lý khi kết thúc nhiệm vụ

**3. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ** *( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………

**4. Phương án xử lý tài sản là vật tư thu được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ** (nếu có)

………………………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm nhiệm vụ**  *(Họ tên và chữ ký)* | **Thủ trưởng tổ chức chủ trì**  *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**Biểu I.2**

**PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN THUÊ CHUYÊN GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Quốc tịch** | **Lĩnh vực chuyên môn/ Thuộc**  **tổ chức** | **Nội dung thực hiện và giải trình lý do thuê chuyên gia** | **Thời gian thực hiện quy đổi**  **(tháng)** | **Mức thuê theo hợp đồng** | **Kinh phí** | | |
| **Tổng** | **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=6x7 | 9 | 10 |
| **I** |  |  |  | **Chuyên gia trong nước** |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** |  |  |  | **Chuyên gia nước ngoài** |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Biểu I.3**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chức danh** | **Tổng số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí (triệu đồng)** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | Chủ nhiệm đề tài/đề án |  |  |  |
| 2 | Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học |  |  |  |
| 3 | Thành viên |  |  |  |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |
| **Cộng:** | |  |  |  |

**Biểu I.4**

**DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** |  | |  | **Chức danh nghiên cứu** | **Tổng số người thực hiện (cho từng chức danh)** | **Hệ số tiền công theo ngày (theo định mức cấp Bộ)** | **Số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí** | | **Nguồn vốn** | | | | | |
|  | **Ngân sách**  **nhà nước** | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | |
| **Nội dung công việc** |  |  |
| **Mô tả kết quả công việc** |  |  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* |  |  | *3* | *4* | *5* | *6* | 7=5x6xlương cơ sở | | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **1** | **Nghiên cứu tổng quan** |  | ***Kết quả: Xây dựng thuyết minh, báo cáo tổng quan*** | | | | | | | | | | | | |
|  | 1.1. Công việc 1: (tên nội dung công việc 1) |  |  | -CN  -TVC, TK  -TV  -TKV, NVHT |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Đáng giá thực trạng** |  | ***Kết quả: báo cáo thực trạng vấn đề nghiên cứu*** | | | | | | | | | | | | |
|  | 2.1. Công việc 1: … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………………………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** | **Tổng kết, đánh giá** |  | ***Kết quả: báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng hợp*** | | | | | | | | | | | | |
| 7.1. Công việc 1: tổng hợp báo cáo thống kê | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ……… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu PL3-TM-CB/CS** (Đề tài khoa học xã hội và nhân văn)

**THUYẾT MINH**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ/CẤP CƠ SỞ**

(Áp dụng đối với đề tài khoa học xã hội và nhân văn)

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên đề tài:** | | | | **1a. Mã số của đề tài:** *(đư­ợc cấp khi hồ sơ trúng tuyển)* | |
| **2** | **Loại đề tài:**   * **Thuộc Ch­ương trình** (Ghi rõ tên ch­ương trình), **Mã số:** * **Độc lập** * **Khác** | | | | | |
| **3** | **Thời gian thực hiện**: …….tháng  (từ tháng /năm 20… đến tháng /năm 20…) | | | | | |
| **4** | **Kinh phí thực hiện:**  Tổng kinh phí: *………… (triệu đồng),* trong đó:   * Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: … * Từ nguồn tự có của tổ chức * Từ nguồn khác: … | | | | | |
| **5** | **Phương thức khoán chi:**  Khoán đến sản phẩm cuối cùng | | | Khoán từng phần, trong đó:  - Kinh phí khoán: …………….. *triệu đồng*  - Kinh phí không khoán: ……….*triệu đồng* | | |
| **6** | **Chủ nhiệm đề tài:** | | | | | |
| Họ và tên:..................................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ........................................................ Nam/ Nữ: ....................................  Học hàm, học vị:........................................................................................................................  Chức danh khoa học: ...........................................................Chức vụ:.......................................  Điện thoại của tổ chức: ............................ Nhà riêng: ......................Mobile:............................  Fax: ........................................................... E-mail: .................................................................  Tên tổ chức đang công tác:.........................................................................................................  Địa chỉ tổ chức:..........................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ...................................................................................................................... | | | | | | |
| **7** | **Thư ký đề tài:** | | | | | |
| Họ và tên:....................................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ........................................................ Nam/ Nữ: .....................................  Học hàm, học vị: ........................................................................................................................  Chức danh khoa học: .................................................... Chức vụ: ......................................  Điện thoại của tổ chức: ...............................Nhà riêng: ...................Mobile: ............................  Fax: ........................................................... E-mail: ..................................................................  Tên tổ chức đang công tác: .......................................................................................................  Địa chỉ tổ chức: ..........................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ...................................................................................................................... | | | | | | |
| **8** | **Tổ chức chủ trì đề tài:** | | | | | |
| Tên tổ chức chủ trì đề tài: ...........................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: .................................................................................  E-mail: ................................................................................................................... ..................  Website: ............................................................................................................................ .....  Địa chỉ: ................................................................................................................................ ....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .............................................................................................. .....  Số tài khoản: ...................................................................................................................... .....  Ngân hàng: ......................................................................................................................... .....  Cơ quan chủ quản đề tài: .................................................................................................. ....... | | | | | | |
| **9** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài:** (nếu có) | | | | | |
| 1. **Tổ chức 1** : ................................................................................................... ......................   Cơ quan chủ quản ......................................................................................................... ...........  Điện thoại: ...................................... Fax: .............................................................................. ....  Địa chỉ: .................................................................................................................................. ...  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................ ...  Số tài khoản: .......................................................................................................................... ...  Ngân hàng: ................................................................................................................. .............   1. **Tổ chức 2** : ..................................................................................................................... ....   Cơ quan chủ quản .............................................................................................................. .....  Điện thoại: ...................................... Fax: .............................................................................. ...  Địa chỉ: ................................................................................................................................ .....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ............................................................................................. .......  Số tài khoản: ....................................................................................................................... ......  Ngân hàng: ............................................................................................................................ .   1. **Tổ chức** ....... ..................................................................................................................... .... | | | | | | |
| **10** | **Các cán bộ thực hiện đề tài:** | | | | | |
| *(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những* ***nội dung chính*** *thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)* | | | | | | |
|  | **Họ và tên, học hàm học vị** | **Tổ chức**  **công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | | | **Thời gian làm việc cho đề tài**  *(Số tháng quy đổi[[5]](#footnote-6))* |
| 1 |  |  |  | | |  |
| 2 |  |  |  | | |  |
| 3 |  |  |  | | |  |
| 4 |  |  |  | | |  |
| 5 |  |  |  | | |  |
| 6 |  |  |  | | |  |
| 7 |  |  |  | | |  |
| 8 |  |  |  | | |  |
| 9 |  |  |  | | |  |
| 10 |  |  |  | | |  |

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **11** | | **Mục tiêu của đề tài:**  *(phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)* | | | | | |
| ...................................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **12** | | | **Tình trạng đề tài:**  Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  Kế tiếp nghiên cứu của người khác | | | | |
| **13** | | | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài:** | | | | |
| **13.1. T*ổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài***  (*Mô tả, phân tích, đánh giá đầy đủ, rõ ràng mức độ thành công, hạn chế của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài*)  ……………………………………………………………………………………………………… | | | | | | | |
| ***13.2 Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài***  (*Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, nêu rõ cơ sở cho việc cụ thể hoá mục tiêu và những định hướng nội dung chính cần thực hiện trong đề tài*)  ……………………………………………………………………………………………………… | | | | | | | |
| **14** | | **Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:** | | | | | |
| (*tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn*)  …………………………………………………………………………………………………… | | | | | | | |
| **15** | **Nội dung nghiên cứu của đề tài:** | | | | | | |
| *(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logíc, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; ghi rõ các chuyên đề nghiên cứu cần thực hiện trong từng nội dung)*  Nội dung 1:.............................................................................................................................................  Nội dung 2:.............................................................................................................................................  Nội dung 3:............................................................................................................................................. | | | | | | | |
| **16** | **Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:** | | | | | | |
| *(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)* | | | | | | | |
| * S­ưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính) * Hội thảo/toạ đàm khoa học (số l­ượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu) * Khảo sát/điều tra thực tế trong nư­ớc (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phư­ơng pháp) * Khảo sát nư­ớc ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung) * ........ | | | | | | | |
| **17** | **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:** | | | | | | |
| *(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*  ***Cách tiếp cận***:  ***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng***: | | | | | | | |
| **18** | **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:** | | | | | | |
| *[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]*  ……………………………………………………………………………………………………… | | | | | | | |
| **19** | **Phương án hợp tác quốc tế:** (nếu có) | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)*  ……………………………………………………………………………………………………… | | | | | | | |
| **20** | | **Kế hoạch thực hiện:** | | | | | |
|  | | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện;  các mốc đánh giá chủ yếu** | | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian** *(bắt đầu,  kết thúc)* | **Cá nhân,  tổ chức  thực hiện\*** | **Dự kiến  kinh phí** |
| ***1*** | | ***Nội dung 1*** | |  |  |  |  |
| - Công việc 1 | |  |  |  |  |
| - Công việc 2 | |  |  |  |  |
| .......... | |  |  |  |  |
| ***2*** | | ***Nội dung 2*** | |  |  |  |  |
| - Công việc 1 | |  |  |  |  |
| - Công việc 2 | |  |  |  |  |
|  | | ...... | |  |  |  |  |

*\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10*

**III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **21** | **Sản phẩm chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt:** *(liệt kê theo dạng sản phẩm)* | | | |
| **21.1 Dạng I**:Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác. | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | **Ghi chú** |
|  | … |  | |  |
| **21.2 Dạng II:** Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố** *(Tạp chí, Nhà xuất bản)* | **Ghi chú** |
|  | *…* |  |  |  |
| **22** | **Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:** | | | |
| **22.1 Lợi ích của đề tài:**  *a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)*  ............................................................................................................................................................  *b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)*  ............................................................................................................................................................  **22.2 Phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**  *(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)*  ............................................................................................................................................................ | | | | |

**IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **23** | **Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi:** | | | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | | | |
| **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) | | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** | |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  | |  |  |  |  | |
|  | *Trong đó:* |  |  | |  |  |  |  | |
| 1 | Ngân sách SNKH:  - Năm thứ nhất:  - Năm thứ hai:  ......... |  |  | |  |  |  |  | |
| 2 | Nguồn khác  (vốn huy động, ...) |  |  | |  |  |  |  | |
| *Ngày……tháng …… năm 20…* | | | | *Ngày……tháng …… năm 20…* | | | | |
| **CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI** *(Họ tên và chữ ký)* | | | | **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI** *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* | | | | |
|  | | | |  | | | | |
|  | | | |  | | | | |
| *Ngày……tháng …… năm 20…* | | | | | | | | |
| **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG***(Họ tên, chữ ký và đóng dấu khi phê duyệt )* | | | | | | | | |

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 |
| **1** | **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) gồm:  *Nội dung 1*  *Nội dung 2*  *Nội dung 3...* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nguyên,vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Chi khác**  *Trong đó:*  *- Công tác trong nước* (địa điểm, thời gian)  *- Hợp tác quốc tế (*nước, số người*)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**Khoản 1. Công lao động** (khoa học, phổ thông)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung lao động**  *Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 15 của thuyết minh* | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục chi** | **Ngân sách SNKH** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 |
| **1** | ***Nội dung 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | ***Nội dung 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **1** | **Nguyên, vật liệu**  *(Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại thuyết minh)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Năng lượng, nhiên liệu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Mua sách, tài liệu, số liệu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 3. Thiết bị, máy móc**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Mục chi** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* |  | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Thiết bị mua mới** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Thuê thiết bị**(ghi tên thiết bị, thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | | |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khoản 5. Chi khác** | | | | | | *Đơn vị tính: triệu đồng* | | | | | | | |
| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | |
| **Mục chi** | **Tổng** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | | **Khác** | |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 | |
| ***a*** | ***Kinh phí quản lý*** (của cơ quan chủ trì) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| ***b*** | ***Công tác trong nước*** (địa điểm, thời gian, số lượt người) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| ***c*** | ***Chi điều tra, khảo sát*** (số phiếu, số chỉ tiêu...) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| ***c*** | ***Hợp tác quốc tế*** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| ***d*** | ***Chi hội nghị, hội thảo khoa học*** (địa điểm, số người, số ngày…) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| ***e*** | ***Chi đào tạo, tập huấn*** (số ngày, số người, địa điểm…) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| ***g*** | ***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp*** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
| ***h*** | ***Chi khác*** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin… |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Các khoản thuê dịch vụ (dịch tài liệu…) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | ***-***Phụ cấp chủ nhiệm đề tài(cho đến khi có Thông tư thay thế Thông tư 44/2007/TTLT/BTC-BKHCN) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | - Các khoản chi khác (liệt kê và thuyết minh theo từng khoản chi) |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | |

**Biểu I.1**

**PHƯƠNG ÁN TRANG BỊ VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NHIỆM VỤ  
 KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. **Phương án thuê thiết bị máy móc** *(nếu có)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** | **Thời gian thuê** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

1. **Mua sắm mới thiết bị máy móc** *(nếu có)*
2. Danh mục mua sắm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |

1. Phương án xử lý khi kết thúc nhiệm vụ

**3. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ** *( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………

**4. Phương án xử lý tài sản là vật tư thu được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ** (nếu có)

………………………………………………………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm nhiệm vụ**  *(Họ tên và chữ ký)* | **Thủ trưởng tổ chức chủ trì**  *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**Biểu I.2**

**PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN THUÊ CHUYÊN GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Quốc tịch** | **Lĩnh vực chuyên môn/ Thuộc**  **tổ chức** | **Nội dung thực hiện và giải trình lý do thuê chuyên gia** | **Thời gian thực hiện quy đổi**  **(tháng)** | **Mức thuê theo hợp đồng** | **Kinh phí** | | |
| **Tổng** | **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=6x7 | 9 | 10 |
| **I** | **Chuyên gia trong nước** | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Chuyên gia nước ngoài** | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Biểu I.3**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chức danh** | **Tổng số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí (triệu đồng)** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | Chủ nhiệm đề tài/đề án |  |  |  |
| 2 | Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học |  |  |  |
| 3 | Thành viên |  |  |  |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |
| **Cộng:** | |  |  |  |

**Biểu I.4**

**DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** |  | |  | **Chức danh nghiên cứu** | **Tổng số người thực hiện (cho từng chức danh)** | **Hệ số tiền công theo ngày (theo định mức cấp Bộ)** | **Số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí** | | **Nguồn vốn** | | | | | |
|  | **Ngân sách**  **nhà nước** | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | |
| **Nội dung công việc** |  |  |
| **Mô tả kết quả công việc** |  |  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* |  |  | *3* | *4* | *5* | *6* | 7=5x6xlương cơ sở | | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **1** | **Nghiên cứu tổng quan** |  | ***Kết quả: Xây dựng thuyết minh, báo cáo tổng quan*** | | | | | | | | | | | | |
|  | 1.1. Công việc 1: (tên nội dung công việc 1) |  |  | -CN  -TVC, TK  -TV  -TKV, NVHT |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Đáng giá thực trạng** |  | ***Kết quả: báo cáo thực trạng vấn đề nghiên cứu*** | | | | | | | | | | | | |
|  | 2.1. Công việc 1: … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………………………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. | …………………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** | **Tổng kết, đánh giá** |  | ***Kết quả: báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng hợp*** | | | | | | | | | | | | |
| 7.1. Công việc 1: tổng hợp báo cáo thống kê | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ……… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu PL3-TM-CB/CS** (Dự án sản xuất thử nghiệm)

**THUYẾT MINH**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ/CẤP CƠ SỞ**

(Áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm)

**I. Th«ng tin chung vÒ dù ¸n**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tªn dù ¸n** | | | | | | | | | **1a** | **M· sè** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)*: | | |
|  | | | | | | | | | |  | | | |
| **2** | **Thêi gian thùc hiÖn:** .......... **th¸ng** | | | | | | | **3** | **CÊp qu¶n lý** | | | | |
| (Tõ th¸ng ....../20.... ®Õn th¸ng ....../20....) | | | | | | | | Quèc gia  Bé  C¬ së  TØnh | | | | | |
| **4** | **Thuéc Ch­¬ng tr×nh** (ghi râ tªn ch­¬ng tr×nh, nÕu cã) | | | | | | | | | | | | |
|  | **Thuộc dự án KH&CN** | | | | | | | | | | | | |
|  | **Dù ¸n ®éc lËp** | | | | | | | | | | | | |
| **5** | **Tæng vèn thùc hiÖn dù ¸n:** ...................... **triÖu ®ång, trong ®ã:** | | | | | | | | | | | | |
| **Nguån** | | | | | | | **Kinh phÝ***(triÖu ®ång)* | | | | | |  |
| - Tõ Ng©n s¸ch sù nghiÖp khoa häc | | | | | | |  | | | | | |  |
| - Vèn tù cã cña tổ chức chñ tr× | | | | | | |  | | | | | |  |
| - Kh¸c (liªn doanh...) | | | | | | |  | | | | | |  |
| **6** | **Ph­¬ng thøc kho¸n chi:** | | | | | | | | | | | | |
| Kho¸n ®Õn s¶n phÈm cuèi cïng | | | | | | Kho¸n tõng phÇn, trong ®ã: | | | | | | | |
|  | | | | | | - Kinh phÝ kho¸n: …………triÖu ®ång  - Kinh phÝ kh«ng kho¸n:…………triÖu ®ång | | | | | | | |
| **7** | **Chñ nhiÖm dù ¸n** | | | | | | | | | | | | |
| Họ và tên:....................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Giới tính: Nam / Nữ:  Häc hµm, häc vÞ / Tr×nh ®é chuyªn m«n: ..............................................................................  Chøc danh khoa häc: ................................................. Chøc vô: ...........................................  §iÖn tho¹i: Tæ chøc: ......................... Nhµ riªng: ......................... Mobile: ...........................  Fax: .................................................. E-mail: ........................................................................  Tªn tæ chøc ®ang c«ng t¸c: ....................................................................................................  §Þa chØ tæ chøc: .....................................................................................................................  §Þa chØ nhµ riªng: ................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | |
| **8** | **Th­ ký Dù ¸n** | | | | | | | | | | | | |
| Hä vµ tªn:....................................................................  N¨m sinh: ............................................... ........ ........ Giới tính: Nam / Nữ  Häc hµm, häc vÞ / Tr×nh ®é chuyªn m«n: .............................................................................  Chøc danh khoa häc: ............................................................................................................  Chøc vô: ................................................................................................................................  §iÖn tho¹i: Tæ chøc: ......................... Nhµ riªng: ......................... Mobile: ...........................  Fax: .................................................. E-mail: ........................................................................  Tªn tæ chøc ®ang c«ng t¸c: ....................................................................................................  §Þa chØ tæ chøc: .....................................................................................................................  §Þa chØ nhµ riªng: ................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | |
| **9** | **Tæ chøc chñ tr× thùc hiÖn dù ¸n** | | | | | | | | | | | | |
| Tªn tæ chøc chñ tr× dù ¸n:..........................................................................................................  §iÖn tho¹i: ...................................... Fax: ..................................................................................  E-mail: .......................................................................................................................................  Website: .....................................................................................................................................  §Þa chØ: ......................................................................................................................................  Hä vµ tªn thñ tr­ëng tæ chøc: ...................................................................................................  Sè tµi kho¶n: ..............................................................................................................................  Kho b¹c Nhµ n­íc/Ng©n hµng: ...............................................................................................  Tªn c¬ quan chñ qu¶n dù ¸n: .................................................................................................. | | | | | | | | | | | | | |
| **10** | **Tæ chøc tham gia chÝnh** | | | | | | | | | | | | |
| ***10.1. Tæ chøc chÞu tr¸ch nhiÖm vÒ c«ng nghÖ***  Tªn tæ chøc chÞu tr¸ch nhiÖm vÒ c«ng nghÖ: ............................................................................  §iÖn tho¹i: ...................................... Fax: ..................................................................................  E-mail: .........................................................Website: ..........................................................  §Þa chØ: .......................................................................................................................................  Hä vµ tªn thñ tr­ëng tæ chøc: ....................................................................................................  Ng­êi chÞu tr¸ch nhiÖm chÝnh vÒ c«ng nghÖ cña dù ¸n: ............................................................  ***10.2. Tæ chøc kh¸c***  Tªn tæ chøc: ...............................................................................................................................  §iÖn tho¹i: ...................................... Fax: ..................................................................................  E-mail: ............................................Website: ............................................................................  §Þa chØ: .......................................................................................................................................  Hä vµ tªn thñ tr­ëng tæ chøc: .................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | |
| **11** | | **C¸n bé thùc hiÖn Dù ¸n** | | | | | | | | | | | |
| *(Ghi nh÷ng ng­êi dù kiÕn ®ãng gãp khoa häc chÝnh thuéc tæ chøc chñ tr× vµ tæ chøc phèi hîp tham gia thùc hiÖn dù ¸n, kh«ng qu¸ 10 ng­êi kÓ c¶ chñ nhiÖm Dù ¸n - mçi ng­êi cã tªn trong danh s¸ch nµy cÇn khai b¸o lý lÞch khoa häc theo BiÓu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)* | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | **Hä vµ tªn** | **Tæ chøc**  **c«ng t¸c** | **Néi dung c«ng viÖc tham gia** | | | | | | | **Thêi gian lµm viÖc cho dù ¸n** (Sè th¸ng quy ®æi[[6]](#footnote-7)) | |
| 1 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 2 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 3 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 4 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 5 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 6 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 7 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 8 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 9 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| 10 | | |  |  |  | | | | | | |  | |
| **12** | **XuÊt xø** (đối với dự án SNTN) | | | | | | | | | | | | |
| [Ghi râ xuÊt xø cña dù ¸n tõ mét trong c¸c nguån sau:  - Tõ kÕt qu¶ cña ®Ò tµi nghiªn cøu khoa häc vµ ph¸t triÓn c«ng nghÖ (R&D) ®· ®­îc Héi ®ång khoa häc vµ c«ng nghÖ c¸c cÊp ®¸nh gi¸, nghiÖm thu vµ kiÕn nghÞ *(tªn ®Ò tµi, thuéc Ch­¬ng tr×nh khoa häc vµ c«ng nghÖ cÊp Nhµ n­íc (nÕu cã), m· sè, ngµy th¸ng n¨m ®¸nh gi¸ nghiÖm thu; kÌm theo Biªn b¶n ®¸nh gi¸ nghiÖm thu/ QuyÕt ®Þnh c«ng nhËn kÕt qu¶ ®¸nh gi¸ nghiÖm thu cña cÊp cã thÈm quyÒn);*  - Tõ s¸ng chÕ, gi¶i ph¸p h÷u Ých, s¶n phÈm khoa häc ®­îc gi¶i th­ëng khoa häc vµ c«ng nghÖ *(tªn v¨n b»ng, chøng chØ, ngµy cÊp);*  - KÕt qu¶ khoa häc c«ng nghÖ tõ n­íc ngoµi (*hîp ®ång chuyÓn giao c«ng nghÖ*; *tªn v¨n b»ng, chøng chØ*, *ngµy cÊp nÕu cã; nguån gèc, xuÊt xø, hå s¬ liªn quan*);  - S¶n phÈm khoa häc vµ c«ng nghÖ kh¸c.]  ............................................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | |
| **13** | **LuËn cø vÒ sù cÇn thiÕt, tÝnh kh¶ thi vµ hiÖu qu¶ cña dù ¸n** | | | | | | | | | | | | |
| ***13.1. Lµm râ vÒ c«ng nghÖ lùa chän cña dù ¸n*** *(TÝnh míi, ­u viÖt, tiªn tiÕn cña c«ng nghÖ; tr×nh ®é c«ng nghÖ so víi c«ng nghÖ hiÖn cã ë ViÖt Nam, kh¶ n¨ng triÓn khai c«ng nghÖ trong n­íc, tÝnh phï hîp cña c«ng nghÖ ®èi víi ph­¬ng ¸n s¶n xuÊt vµ yªu cÇu cña thÞ tr­êng,...).*  ............................................................................................................................................................  ***13.2. Lîi Ých kinh tÕ, kh¶ n¨ng thÞ tr­êng vµ c¹nh tranh cña s¶n phÈm dù ¸n*** *(HiÖu qu¶ kinh tÕ mang l¹i khi ¸p dông kÕt qu¶ cña dù ¸n; kh¶ n¨ng më réng thÞ tr­êng ë trong n­íc vµ xuÊt khÈu: nªu râ c¸c yÕu tè chñ yÕu lµm t¨ng kh¶ n¨ng c¹nh tranh vÒ chÊt l­îng, gi¸ thµnh cña s¶n phÈm dù ¸n so víi* c*¸c s¶n phÈm cïng lo¹i, ch¼ng h¹n: sö dông nguån nguyªn liÖu trong n­íc, gi¸ nh©n c«ng rÎ, phÝ vËn chuyÓn thÊp, tÝnh ­u viÖt cña c«ng nghÖ...).*  ............................................................................................................................................................  ***13.3. T¸c ®éng cña kÕt qu¶ dù ¸n ®Õn kinh tÕ-x· héi, an ninh, quèc phßng*** *(T¸c ®éng cña s¶n phÈm dù ¸n ®Õn ph¸t triÓn KT-XH, m«i tr­êng, kh¶ n¨ng t¹o thªm viÖc lµm, ngµnh nghÒ míi, ¶nh h­ëng ®Õn søc khoÎ con ng­êi, ®¶m b¶o an ninh, quèc phßng...).*  ............................................................................................................................................................  ***13.4. N¨ng lùc thùc hiÖn dù ¸n*** *(Møc ®é cam kÕt vµ n¨ng lùc thùc hiÖn cña c¸c tæ chøc tham gia chÝnh trong dù ¸n: n¨ng lùc khoa häc, c«ng nghÖ cña ng­êi thùc hiÖn vµ c¬ së vËt chÊt-kü thuËt, c¸c cam kÕt b»ng hîp ®ång vÒ møc ®ãng gãp vèn, sö dông c¬ së vËt chÊt kü thuËt, lao ®éng, bao tiªu s¶n phÈm, ph©n chia lîi Ých vÒ khai th¸c quyÒn së h÷u trÝ tuÖ, chia sÎ rñi ro).*  ............................................................................................................................................................  ***13.5. Kh¶ n¨ng øng dông, chuyÓn giao, nh©n réng kÕt qu¶ cña dù ¸n*** *(Nªu râ ph­¬ng ¸n vÒ tæ chøc s¶n xuÊt; nh©n réng, chuyÓn giao c«ng nghÖ; thµnh lËp doanh nghiÖp míi ®Ó s¶n xuÊt-kinh doanh,...).*  ............................................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | |

**II. Môc tiªu, néi dung vµ ph­¬ng ¸n triÓn khai Dù ¸n**

|  |  |
| --- | --- |
| **14** | **Môc tiªu** |
| ***14.1 Môc tiªu cña dù ¸n s¶n xuÊt[[7]](#footnote-8) hoÆc chuyÓn giao c«ng nghÖ ®Æt ra*** *(ChÊt l­îng s¶n phÈm; quy m« s¶n xuÊt);*  ............................................................................................................................................................  ***14.2 Môc tiªu cña dù ¸n s¶n xuÊt thö nghiÖm*** *(Tr×nh ®é c«ng nghÖ, quy m« s¶n phÈm)*  ............................................................................................................................................................ | |
| **15** | **Néi dung** |
| ***15.1 M« t¶ c«ng nghÖ, s¬ ®å hoÆc quy tr×nh c«ng nghÖ (lµ xuÊt xø cña dù ¸n) ®Ó triÓn khai trong dù ¸n***  ............................................................................................................................................................  ***15.2 Ph©n tÝch nh÷ng vÊn ®Ò mµ dù ¸n cÇn gi¶i quyÕt vÒ c«ng nghÖ*** *(HiÖn tr¹ng cña c«ng nghÖ vµ viÖc hoµn thiÖn, thö nghiÖm t¹o ra c«ng nghÖ míi; n¾m v÷ng, lµm chñ quy tr×nh c«ng nghÖ vµ c¸c th«ng sè kü thuËt; æn ®Þnh chÊt l­îng s¶n phÈm, chñng lo¹i s¶n phÈm; n©ng cao khèi l­îng s¶n phÈm cÇn s¶n xuÊt thö nghiÖm ®Ó kh¼ng ®Þnh c«ng nghÖ vµ quy m« cña dù ¸n s¶n xuÊt thö nghiÖm)*;  ............................................................................................................................................................  ***15.3 LiÖt kª vµ m« t¶ néi dung, c¸c b­íc c«ng viÖc cÇn thùc hiÖn ®Ó gi¶i quyÕt nh÷ng vÊn ®Ò ®Æt ra, kÓ c¶ ®µo t¹o båi d­ìng ®éi ngò c¸n bé, c«ng nh©n kü thuËt ®¸p øng cho viÖc thùc hiÖn dù ¸n s¶n xuÊt thö nghiÖm.***  ............................................................................................................................................................ | |

|  |  |
| --- | --- |
| **16** | **Ph­¬ng ¸n triÓn khai** |
| ***16.1. Ph­¬ng ¸n tæ chøc s¶n xuÊt thö nghiÖm:***  *a) Ph­¬ng thøc tæ chøc thùc hiÖn:*  (- §èi víi ®¬n vÞ chñ tr× lµ doanh nghiÖp: cÇn lµm râ n¨ng lùc triÓn khai thùc nghiÖm vµ hoµn thiÖn c«ng nghÖ theo môc tiªu trong dù ¸n; ph­¬ng ¸n liªn doanh, phèi hîp víi c¸c tæ chøc KH&CN trong viÖc ph¸t triÓn, hoµn thiÖn c«ng nghÖ;  - §èi víi ®¬n vÞ chñ tr× lµ tæ chøc khoa häc vµ c«ng nghÖ: cÇn lµm râ n¨ng lùc triÓn khai thùc nghiÖm vµ hoµn thiÖn c«ng nghÖ theo môc tiªu trong dù ¸n; viÖc liªn doanh víi doanh nghiÖp ®Ó tæ chøc s¶n xuÊt thö nghiÖm (kÕ ho¹ch/ph­¬ng ¸n cña doanh nghiÖp vÒ bè trÝ ®Þa ®iÓm, ®iÒu kiÖn c¬ së vËt chÊt, ®ãng gãp vÒ vèn, vÒ nh©n lùc, vÒ kh¶ n¨ng tiªu thô s¶n phÈm cña dù ¸n phôc vô s¶n xuÊt kinh doanh cña doanh nghiÖp, ph­¬ng thøc ph©n chia lîi nhuËn;...)  ............................................................................................................................................................  *b) M« t¶, ph©n tÝch vµ ®¸nh gi¸ c¸c ®iÒu kiÖn triÓn khai dù ¸n:*  - §Þa ®iÓm thùc hiÖn dù ¸n (nªu ®Þa chØ cô thÓ, nªu thuËn lîi vµ h¹n chÕ vÒ c¬ së h¹ tÇng nh­ giao th«ng, liªn l¹c, ®iÖn n­íc.... cña ®Þa bµn triÓn khai dù ¸n); nhµ x­ëng, mÆt b»ng hiÖn cã (m2), dù kiÕn c¶i t¹o, më réng,.....;  - Trang thiÕt bÞ chñ yÕu ®¶m b¶o cho triÓn khai dù ¸n s¶n xuÊt thö nghiÖm (lµm râ nh÷ng trang thiÕt bÞ ®· cã, bao gåm c¶ liªn doanh víi c¸c ®¬n vÞ tham gia, trang thiÕt bÞ cÇn thuª, mua hoÆc tù thiÕt kÕ chÕ t¹o; kh¶ n¨ng cung øng trang thiÕt bÞ cña thÞ tr­êng cho dù ¸n;......);  - Nguyªn vËt liÖu (kh¶ n¨ng cung øng nguyªn vËt liÖu chñ yÕu cho qu¸ tr×nh s¶n xuÊt thö nghiÖm, lµm râ nh÷ng nguyªn vËt liÖu cÇn nhËp cña n­íc ngoµi;.....);  - Nh©n lùc cÇn cho triÓn khai dù ¸n: sè c¸n bé khoa häc c«ng nghÖ vµ c«ng nh©n lµnh nghÒ tham gia thùc hiÖn dù ¸n; kÕ ho¹ch tæ chøc nh©n lùc tham gia dù ¸n; nhu cÇu ®µo t¹o phôc vô dù ¸n (sè l­îng c¸n bé, kü thuËt viªn, c«ng nh©n).  - M«i tr­êng (®¸nh gi¸ t¸c ®éng m«i tr­êng do viÖc triÓn khai dù ¸n vµ gi¶i ph¸p kh¾c phôc);  ............................................................................................................................................................ | |
| ***16.2. Ph­¬ng ¸n tµi chÝnh*** *(Ph©n tÝch vµ tÝnh to¸n tµi chÝnh cña qu¸ tr×nh thùc hiÖn dù ¸n)* trªn c¬ së:  - Tæng vèn ®Çu t­ ®Ó triÓn khai dù ¸n, trong ®ã nªu râ vèn cè ®Þnh, vèn l­u ®éng cho mét khèi l­îng s¶n phÈm cÇn thiÕt trong mét chu kú s¶n xuÊt thö nghiÖm ®Ó cã thÓ tiªu thô vµ t¸i s¶n xuÊt cho ®ît s¶n xuÊt thö nghiÖm tiÕp theo (trong tr­êng hîp cÇn thiÕt);  - Ph­¬ng ¸n huy ®éng vµ sö dông c¸c nguån vèn ngoµi ng©n s¸ch nhµ n­íc tham gia dù ¸n (kÌm theo c¸c v¨n b¶n ph¸p lý minh chøng cho viÖc huy ®éng c¸c nguån vèn: b¸o c¸o tµi chÝnh cña doanh nghiÖp trong 2-3 n¨m gÇn nhÊt; cam kÕt cho vay vèn hoÆc b¶o l·nh vay vèn cña ng©n hµng; cam kÕt ph¸p lý vÒ viÖc ®ãng gãp vèn cña c¸c tæ chøc tham gia dù ¸n,...);  - Ph­¬ng ¸n sö dông nguån vèn hç trî tõ ng©n s¸ch Nhµ n­íc (c¸c néi dung chi b»ng nguån vèn nµy).  - TÝnh to¸n, ph©n tÝch gi¸ thµnh s¶n phÈm cña dù ¸n (theo tõng lo¹i s¶n phÈm cña dù ¸n nÕu cã); thêi gian thu håi vèn.  ***C¸c sè liÖu cô thÓ cña ph­¬ng ¸n tµi chÝnh ®­îc tr×nh bµy t¹i c¸c b¶ng 1 ®Õn b¶ng 5 vµ c¸c phô lôc 1 ®Õn phô lôc 7)***  ............................................................................................................................................................ | |
| ***16.3. Dù b¸o nhu cÇu thÞ tr­êng vµ ph­¬ng ¸n kinh doanh s¶n phÈm cña dù ¸n*** *(Gi¶i tr×nh vµ lµm râ thªm c¸c b¶ng tÝnh to¸n vµ phô lôc kÌm theo b¶ng 3-5, phô lôc 9);*  - Dù b¸o nhu cÇu thÞ tr­êng (dù b¸o nhu cÇu chung vµ thèng kª danh môc c¸c ®¬n ®Æt hµng hoÆc hîp ®ång mua s¶n phÈm dù ¸n);  - Ph­¬ng ¸n tiÕp thÞ s¶n phÈm cña dù ¸n (tuyªn truyÒn, qu¶ng c¸o, x©y dùng trang web, tham gia héi chî triÓn l·m, tr×nh diÔn c«ng nghÖ, tê r¬i,...);  - Ph©n tÝch gi¸ thµnh, gi¸ b¸n dù kiÕn cña s¶n phÈm trong thêi gian s¶n xuÊt thö nghiÖm; gi¸ b¸n khi æn ®Þnh s¶n xuÊt (so s¸nh víi gi¸ s¶n phÈm nhËp khÈu, gi¸ thÞ tr­êng trong n­íc hiÖn t¹i; dù b¸o xu thÕ gi¸ s¶n phÈm cho nh÷ng n¨m tíi); c¸c ph­¬ng thøc hç trî tiªu thô s¶n phÈm dù ¸n;  - Ph­¬ng ¸n tæ chøc m¹ng l­íi ph©n phèi s¶n phÈm khi ph¸t triÓn s¶n xuÊt quy m« c«ng nghiÖp.  ............................................................................................................................................................ | |
| **17** | **S¶n phÈm cña Dù ¸n** |
| [Ph©n tÝch, lµm râ c¸c th«ng sè vµ so s¸nh víi c¸c s¶n phÈm cïng lo¹i trong n­íc vµ cña n­íc ngoµi: (i)D©y chuyÒn c«ng nghÖ, c¸c thiÕt bÞ, quy tr×nh c«ng nghÖ ®· ®­îc æn ®Þnh (quy m«, c¸c th«ng sè vµ tiªu chuÈn kü thuËt); (ii)S¶n phÈm ®¨ng ký b¶o hé quyÒn së h÷u c«ng nghiÖp, quyÒn ®èi víi gièng c©y trång; (iii)Ên phÈm; (iv)§µo t¹o c¸n bé; (v)S¶n phÈm s¶n xuÊt thö nghiÖm (chñng lo¹i, khèi l­îng, tiªu chuÈn chÊt l­îng)].  ............................................................................................................................................................ | |
| **18** | **Ph­¬ng ¸n ph¸t triÓn cña dù ¸n sau khi kÕt thóc** |
| ***18.1. Ph­¬ng thøc triÓn khai*** [M« t¶ râ ph­¬ng ¸n triÓn khai lùa chän trong c¸c lo¹i h×nh sau ®©y: (i)§­a vµo s¶n xuÊt c«ng nghiÖp cña doanh nghiÖp; (ii)Nh©n réng, chuyÓn giao kÕt qu¶ cña dù ¸n; (iii)Liªn doanh, liªn kÕt; (iv)Thµnh lËp doanh nghiÖp khoa häc vµ c«ng nghÖ míi ®Ó tiÕn hµnh s¶n xuÊt- kinh doanh; (v)H×nh thøc kh¸c: Nªu râ].  ............................................................................................................................................................  ***18.2. Quy m« s¶n xuÊt*** (C«ng nghÖ, nh©n lùc, s¶n phÈm,...)  ............................................................................................................................................................  ***18.3. Tæng sè vèn cña dù ¸n s¶n xuÊt.***  ............................................................................................................................................................ | |

**III. Ph©n tÝch tµi chÝnh cña dù ¸n**

Tæng kinh phÝ cÇn thiÕt ®Ó triÓn khai dù ¸n = Vèn cè ®Þnh cña dù ¸n + Kinh phÝ hç trî c«ng nghÖ + vèn l­u ®éng.

**\* Vèn cè ®Þnh cña Dù ¸n gåm:** (i)ThiÕt bÞ, m¸y mãc ®· cã (gi¸ trÞ cßn l¹i); (ii)ThiÕt bÞ, m¸y mãc mua míi; (iii)Nhµ x­ëng ®· cã (gi¸ trÞ cßn l¹i); (iv)Nhµ x­ëng x©y míi hoÆc c¶i t¹o.

**\* Vèn l­u ®éng:** chØ tÝnh chi phÝ ®Ó s¶n xuÊt khèi l­îng s¶n phÈm cÇn thiÕt cã thÓ tiªu thô vµ t¸i s¶n xuÊt cho ®ît s¶n xuÊt thö nghiÖm tiÕp theo.

**\* Kinh phÝ hç trî c«ng nghÖ:** chi phÝ hoµn thiÖn, æn ®Þnh c¸c th«ng sè kinh tÕ-kü thuËt.

**B¶ng 1.Tæng kinh phÝ ®Çu t­ cÇn thiÕt ®Ó triÓn khai Dù ¸n**

*§¬n vÞ: triÖu ®ång*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nguån vèn** | **Tæng céng** | **Trong ®ã** | | | | | | |
| **Vèn cè ®Þnh** | | **Kinh phÝ hç trî c«ng nghÖ** | **Vèn l­u ®éng** | | | |
| **ThiÕt bÞ, m¸y mãc mua míi** | **Nhµ x­ëng x©y dùng míi vµ c¶i t¹o** | **Chi phÝ lao ®éng** | **Nguyªn vËt liÖu, n¨ng l­îng** | **Thuª thiÕt bÞ, nhµ x­ëng** | **Kh¸c** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| ***1*** | ***Ng©n s¸ch SNKH:***  - N¨m thø nhÊt:  - N¨m thø hai:  - N¨m thø ba: |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***C¸c nguån vèn kh¸c***  2.1 Vèn tù cã cña  c¬ së:  - N¨m thø nhÊt:  - N¨m thø hai:  - N¨m thø ba:  2.2 Kh¸c (vèn huy ®éng, ...)  - N¨m thø nhÊt:  - N¨m thø hai:  - N¨m thø ba: |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Céng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**B¶ng 2. Tæng chi phÝ vµ gi¸ thµnh s¶n phÈm** (Trong thêi gian thùc hiÖn Dù ¸n)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Néi dung** | **Tæng sè chi phÝ** *(tr.®)* | **Trong ®ã theo s¶n phÈm** | | | **Ghi chó** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| **A** | **Chi phÝ trùc tiÕp** |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyªn vËt liÖu, bao b× |  |  |  |  | Phô lôc 1 |
| 2 | §iÖn, n­íc, x¨ng dÇu |  |  |  |  | Phô lôc 2 |
| 3 | Chi phÝ lao ®éng |  |  |  |  | Phô lôc 6 |
| 4 | Söa ch÷a, b¶o tr× thiÕt bÞ |  |  |  |  | Phô lôc 7 |
| 5 | Chi phÝ qu¶n lý |  |  |  |  | Phô lôc 7 |
| **B** | **Chi phÝ gi¸n tiÕp vµ khÊu hao tµi s¶n cè ®Þnh** |  |  |  |  |  |
| 6 | KhÊu hao thiÕt bÞ cho dù ¸n  - KhÊu hao thiÕt bÞ cò  - KhÊu hao thiÕt bÞ míi |  |  |  |  | Phô lôc 3 |
| 7 | KhÊu hao nhµ x­ëng cho dù ¸n  - KhÊu hao nhµ x­ëng cò  - KhÊu hao nhµ x­ëng míi |  |  |  |  | Phô lôc 5 |
| 8 | Thuª thiÕt bÞ |  |  |  |  | Phô lôc 3 |
| 9 | Thuª nhµ x­ëng |  |  |  |  | Phô lôc 5 |
| 10 | Ph©n bæ chi phÝ hç trî c«ng nghÖ |  |  |  |  | Phô lôc 4 |
| 11 | TiÕp thÞ, qu¶ng c¸o |  |  |  |  | Phô lôc 7 |
| 12 | Kh¸c (tr¶ l·i vay, c¸c lo¹i phÝ,...) |  |  |  |  | Phô lôc 7 |
| - Tæng chi phÝ s¶n xuÊt thö nghiÖm (A+B): | |  |  |  |  |  |
| - Gi¸ thµnh 1 ®¬n vÞ s¶n phÈm: | |  |  |  |  |  |

***Ghi chó:*** *- KhÊu hao thiÕt bÞ vµ tµi s¶n cè ®Þnh:*  tÝnh theo quy ®Þnh cña Nhµ n­íc ®èi víi tõng lo¹i thiÕt bÞ cña tõng ngµnh kinh tÕ t­¬ng øng.

*- Chi phÝ hç trî c«ng nghÖ:* ®­îc ph©n bæ cho thêi gian thùc hiÖn dù ¸n s¶n xuÊt thö nghiÖm vµ 01 n¨m ®Çu s¶n xuÊt æn ®Þnh (tèi ®a kh«ng qu¸ 3 n¨m).

**B¶ng 3. Tæng doanh thu**(Cho thêi gian thùc hiÖn dù ¸n)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tªn s¶n phÈm** | **§¬n vÞ** | **Sè l­îng** | **Gi¸ b¸n dù kiÕn**  *(Tr. ®)* | **Thµnh tiÒn**  *(Tr. ®)* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Céng:** | | | | |  |

**B¶ng 4. Tæng doanh thu**(Cho 1 n¨m ®¹t 100% c«ng suÊt)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tªn s¶n phÈm** | **§¬n vÞ** | **Sè l­îng** | **§¬n gi¸**  *(1.000 ®)* | **Thµnh tiÒn**  *(Tr.®)* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Céng:** | | | | |  |

**B¶ng 5. TÝnh to¸n hiÖu qu¶ kinh tÕ dù ¸n** (cho 1 n¨m ®¹t 100% c«ng suÊt)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Néi dung** | **Thµnh tiÒn** *(Tr ®)* |
| *1* | *2* | *3* |
| 1 | Tæng vèn ®Çu t­ cho Dù ¸n |  |
| 2 | Tæng chi phÝ, trong mét n¨m |  |
| 3 | Tæng doanh thu, trong mét n¨m |  |
| 4 | L·i gép (3) - (2) |  |
| 5 | L·i rßng : (4) - (thuÕ + l·i vay+ c¸c lo¹i phÝ) |  |
| 6 | KhÊu hao thiÕt bÞ, XDCB vµ chi phÝ hç trî c«ng nghÖ trong 1 n¨m |  |
| 7 | Thêi gian thu håi vèn T (n¨m, ­íc tÝnh) |  |
| 8 | Tû lÖ l·i rßng so víi vèn ®Çu t­, % (­íc tÝnh) |  |
| 9 | Tû lÖ l·i rßng so víi tæng doanh thu, % (­íc tÝnh) |  |

**Chó thÝch :**

- Tæng vèn®Çu t­ bao gåm: tæng gi¸ trÞ cßn l¹i cña thiÕt bÞ, m¸y mãc vµ nhµ x­ëng ®· cã + tæng gi¸ trÞ cña thiÕt bÞ, m¸y mãc mua míi vµ nhµ x­ëng bæ sung míi (kÓ c¶ c¶i t¹o) + chi phÝ hç trî c«ng nghÖ;

- ThuÕ: gåm thuÕ thu nhËp doanh nghiÖp, thuÕ gi¸ trÞ gia t¨ng vµ c¸c lo¹i thuÕ kh¸c nÕu cã, trong 1 n¨m;

- L·i vay: lµ c¸c kho¶n l·i vay ph¶i tr¶ trong 1 n¨m.

**Thêi gian thu håi vèn T** =  =  = ..... **n¨m**

**Tû lÖ l·i rßng so víi vèn ®Çu t­** =  x 100 =x 100 = ..... **%**;

**Tû lÖ l·i rßng so víi tæng doanh thu** =  x 100 =x 100 = ..... **%**;

|  |  |
| --- | --- |
| **18** | **HiÖu qu¶ kinh tÕ - x· héi** |
| *(TiÕt kiÖm nguyªn nhiªn vËt liÖu, n¨ng l­îng, gi¶m gi¸ thµnh vµ t¨ng søc c¹nh tranh cña s¶n phÈm hµng ho¸, gi¶m nhËp khÈu, t¹o c«ng ¨n viÖc lµm, b¶o vÖ m«i tr­êng....)*  ............................................................................................................................................................ | |

**IV. KÕt luËn vµ kiÕn nghÞ**

......................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| *…, ngµy...... th¸ng ...... n¨m 20....* | *…. , ngµy...... th¸ng ...... n¨m 20....* |
| **CHỦ NHIỆM DỰ ÁN** *(Hä, tªn vµ ch÷ ký)* | **Tæ chøc chñ tr× dù ¸n** *(Hä, tªn, ch÷ ký, ®ãng dÊu)* |
| *Ngày……tháng …… năm 20…*  **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**  (*Họ tên, chữ ký và đóng dấu khi phê duyệt)* | |
|  |  |

**Phô lôc-TMDA**

**Dù to¸n kinh phÝ dù ¸n**

*(Theo néi dung chi)*

*§¬n vÞ: triÖu ®ång*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Néi dung**  **c¸c kho¶n chi** | **Tæng sè** | | **Nguån vèn** | | | | | | | | | |
| **Kinh phÝ** | **Tû lÖ** (%) | **Ng©n s¸ch SNKH** | | | | | | | | **Tù cã** | **Kh¸c** |
| **Tæng sè** | *Trong ®ã, kho¸n chi theo quy ®Þnh* | N¨m thø nhÊt | *Trong ®ã, kho¸n chi theo quy ®Þnh* | N¨m thø hai | *Trong ®ã, kho¸n chi theo quy ®Þnh* | N¨m thø ba | *Trong ®ã, kho¸n chi theo quy ®Þnh* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 | ThiÕt bÞ, m¸y mãc mua míi |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhµ x­ëng x©y dùng míi vµ c¶i t¹o |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Kinh phÝ hç trî c«ng nghÖ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phÝ lao ®éng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nguyªn vËt liÖu n¨ng l­îng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Thuª thiÕt bÞ, nhµ x­ëng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Chi kh¸c |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tæng céng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phô lôc 1-TMDA**

**Nhu cÇu nguyªn vËt liÖu**

*§¬n vÞ: triÖu ®ång*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môc chi** | **Néi dung** | **§¬n vÞ ®o** | **Sè l­îng** | **§¬n gi¸** | **Thµnh tiÒn** | **Nguån vèn** | | | | | | | | | |
| **Ng©n s¸ch SNKH** | | | | | | | | **Tù cã** | **Kh¸c** |
| Tæng sè | *Trong đó, khoán chi* | N¨m thø nhÊt | *Trong đó, khoán chi* | N¨m thø hai | *Trong đó, khoán chi* | N¨m thø ba | *Trong đó, khoán chi* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* |
| 1 |  | Nguyªn, vËt liÖu chñ yÕu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Nguyªn, vËt liÖu phô |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Dông cô, phô tïng, vËt rÎ tiÒn mau háng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Céng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phô lôc 2-TMDA**

**Nhu cÇu ®iÖn, n­íc, x¨ng dÇu**

*§¬n vÞ: triÖu ®ång*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môc chi** | **Néi dung** | **§¬n vÞ ®o** | **Sè l­îng** | **§¬n gi¸** | **Thµnh tiÒn** | **Nguån vèn** | | | | | | | | | |
| **Ng©n s¸ch SNKH** | | | | | | | | **Tù cã** | **Kh¸c** |
| Tæng sè | *Trong ®ã, kho¸n chi theo quy ®Þnh* | N¨m thø nhÊt | *Trong ®ã, kho¸n chi theo quy ®Þnh* | N¨m thø hai | *Trong ®ã, kho¸n chi theo quy ®Þnh* | N¨m thø ba | *Trong ®ã, kho¸n chi theo quy ®Þnh* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* |
| 1 |  | ***VÒ ®iÖn :*** | *kW/h* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - §iÖn s¶n xuÊt:  Tæng c«ng suÊt thiÕt bÞ, m¸y mãc.....kW |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | ***VÒ n­íc:*** | *m3* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | ***VÒ x¨ng dÇu :*** | *LÝt* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Cho thiÕt bÞ s¶n xuÊt .............. tÊn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | - Cho ph­¬ng tiÖn vËn t¶i ......... tÊn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Céng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phô lôc 3a-TMDA**

**yªu cÇu vÒ** **thiÕt bÞ, m¸y mãc**

*§¬n vÞ: triÖu ®ång*

**A. ThiÕt bÞ hiÖn cã** *(tÝnh gi¸ trÞ cßn l¹i)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Néi dung** | **§¬n vÞ ®o** | **Sè l­îng** | **§¬n gi¸** | **Thµnh tiÒn** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| I | **ThiÕt bÞ c«ng nghÖ** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| II | **ThiÕt bÞ thö nghiÖm, ®o l­êng** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Céng:** | | | | |  |

**Phô lôc 3b-TMDA**

**yªu cÇu vÒ** **thiÕt bÞ, m¸y mãc**

**B. ThiÕt bÞ míi bæ sung, thuª thiÕt bÞ**

*§¬n vÞ: triÖu ®ång*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môc chi** | **Néi dung** | **§¬n vÞ ®o** | **Sè l­îng** | **§¬n gi¸** | **Thµnh tiÒn** | **Nguån vèn** | | | | | |
| **Ng©n s¸ch SNKH** | | | | **Tù cã** | **Kh¸c** |
| Tæng sè | N¨m thø nhÊt | N¨m thø hai | N¨m thø ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 |  | Mua thiÕt bÞ c«ng nghÖ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Mua thiÕt bÞ thö nghiÖm, ®o l­êng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Mua b»ng s¸ng chÕ, b¶n quyÒn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Mua phÇn mÒm m¸y tÝnh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | VËn chuyÓn l¾p ®Æt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *6* |  | Thuª thiÕt bÞ (nªu c¸c thiÕt bÞ cÇn thuª, gi¸ thuª vµ chØ ghi vµo cét 7 ®Ó tÝnh vèn l­u ®éng) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Céng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |

Chó ý: Ng©n s¸ch Nhµ n­íc chØ hç trî **mua nguyªn chiÕc** thiÕt bÞ, m¸y mãc

**Phô lôc 4-TMDA**

**Chi phÝ hç trî c«ng nghÖ**

*§¬n vÞ: triÖu ®ång*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môc chi** | **Néi dung** | **Chi phÝ** | **Nguån vèn** | | | | | |
| **Ng©n s¸ch SNKH** | | | | **Tù cã** | **Kh¸c** |
| Tæng sè | N¨m thø nhÊt | N¨m thø hai | N¨m thø ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **A** |  | **Chi phÝ hç trî cho c¸c h¹ng môc c«ng nghÖ (kÓ c¶ c«ng nghÖ nhËp)** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  | - Hoµn thiÖn, n¾m v÷ng vµ lµm chñ quy tr×nh c«ng nghÖ |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | - Hoµn thiÖn c¸c th«ng sè vÒ kü thuËt |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | - æn ®Þnh c¸c th«ng sè vµ chÊt l­îng nguyªn vËt liÖu ®Çu vµo |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | - æn ®Þnh chÊt l­îng s¶n phÈm; vÒ khèi l­îng s¶n phÈm cÇn s¶n xuÊt thö nghiÖm |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | .......... |  |  |  |  |  |  |  |
| **B** |  | **Chi phÝ ®µo t¹o c«ng nghÖ** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  | - C¸n bé c«ng nghÖ |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | - C«ng nh©n vËn hµnh |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | ......... |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Céng** |  |  |  |  |  |  |  |

**Phô lôc 5-TMDA**

**§Çu t­ c¬ së h¹ tÇng**

*§¬n vÞ: triÖu ®ång*

**A.Nhµ x­ëng ®· cã** (gi¸ trÞ cßn l¹i)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Néi dung** | **§¬n vÞ ®o** | **Sè l­îng** | **§¬n gi¸** | **Thµnh tiÒn** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Céng A:** |  |  |  |  |

**B. Nhµ x­ëng x©y dùng míi vµ c¶i t¹o** *§¬n vÞ: triÖu ®ång*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môc chi** | **Néi dung** | **Kinh phÝ** | **Nguån vèn** | | | | | |
| **Ng©n s¸ch SNKH** | | | | **Tù cã** | **Kh¸c** |
| Tæng sè | N¨m thø nhÊt | N¨m thø hai | N¨m thø ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| 1 |  | X©y dùng nhµ x­ëng míi |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Chi phÝ söa ch÷a c¶i t¹o |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Chi phÝ l¾p ®Æt hÖ thèng ®iÖn |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Chi phÝ l¾p ®Æt hÖ thèng n­íc |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | Chi phÝ kh¸c |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Céng B:** |  |  |  |  |  |  |  |

**Phô lôc 6-TMDA**

**Chi phÝ lao ®éng**

*§¬n vÞ: triÖu ®ång*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môc chi** | **Néi dung** | **Sè ng­êi** | **Sè th¸ng** | **Chi phÝ**  **tr. ®/ ng­êi/**  **th¸ng** | **Thµnh tiÒn** | **Nguån vèn** | | | | | |
| **Ng©n s¸ch SNKH** | | | | **Tù cã** | **Kh¸c** |
| Tæng sè | N¨m thø nhÊt | N¨m thø hai | N¨m thø ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 |  | Chñ nhiÖm Dù ¸n |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Kü s­ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Nh©n viªn kü thuËt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | C«ng nh©n |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Céng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phô lôc 7-TMDA**

**Chi kh¸c cho Dù ¸n**

*§¬n vÞ: triÖu ®ång*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Môc chi** | **Néi dung** | **Thµnh tiÒn** | **Nguån vèn** | | | | | | | | | |
| **Ng©n s¸ch SNKH** | | | | | | | | **Tù cã** | **Kh¸c** |
| Tæng sè | *Trong ®ã, kho¸n chi theo quy ®Þnh* | N¨m thø nhÊt | *Trong ®ã, kho¸n chi theo quy ®Þnh* | N¨m thø hai | *Trong ®ã, kho¸n chi theo quy ®Þnh* | N¨m thø ba | *Trong ®ã, kho¸n chi theo quy ®Þnh* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 |  | **C«ng t¸c phÝ**  - Trong n­íc  - Ngoµi n­íc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | **Qu¶n lý phÝ**  - Qu¶n lý hµnh chÝnh thùc hiÖn dù ¸n |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | **Söa ch÷a, b¶o tr× thiÕt bÞ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | **Chi phÝ kiÓm tra, ®¸nh gi¸ nghiÖm thu:**  - Chi phÝ kiÓm tra trung gian  - Chi phÝ nghiÖm thu cÊp c¬ së |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | **Chi kh¸c:**  - Héi th¶o, héi nghÞ,  - Th«ng tin tuyªn truyÒn, tiÕp thÞ, qu¶ng c¸o, hç trî tiªu thô s¶n phÈm  - B¸o c¸o tæng kÕt,  - In Ên,  - Phô cÊp chñ nhiÖm dù ¸n,... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Céng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phô lôc 8-TMDA**

**KÕ ho¹ch tiÕn ®é thùc hiÖn**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Néi dung c«ng viÖc** | **Th¸ng** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | . . . |
| 1 | Söa ch÷a, x©y dùng nhµ x­ëng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Hoµn thiÖn c«ng nghÖ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | ChÕ t¹o, mua thiÕt bÞ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | L¾p ®Æt thiÕt bÞ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | §µo t¹o c«ng nh©n |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | S¶n xuÊt thö nghiÖm (c¸c ®ît) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Thö nghiÖm mÉu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | HiÖu chØnh c«ng nghÖ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | §¸nh gi¸ nghiÖm thu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phô lôc 9-TMDA**

**VÒ kh¶ n¨ng chÊp nhËn cña thÞ tr­êng**

**I.Nhu cÇu thÞ tr­êng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tªn s¶n phÈm** | **§¬n vÞ ®o** | **Sè l­îng *cã thÓ tiªu thô trong n¨m:*** | | | **Chó thÝch** |
| **20..** | **20..** | **20..** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**II*.* Ph­¬ng ¸n s¶n phÈm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tªn s¶n phÈm** | **§¬n vÞ ®o** | **Sè l­îng s¶n xuÊt trong n¨m:** | | | **Tæng sè** | **C¬ së tiªu thô** |
| **20..** | **20..** | **20..** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**III. Danh môc chØ tiªu chÊt l­îng s¶n phÈm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tªn s¶n phÈm vµ  chØ tiªu chÊt l­îng chñ yÕu** | **§¬n vÞ ®o** | **Møc chÊt l­îng** | | | **Ghi chó** |
| **CÇn ®¹t** | **T­¬ng tù mÉu** | |
| **Trong n­íc** | **ThÕ giíi** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**Biểu I.1**

**PHƯƠNG ÁN TRANG BỊ VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. **Phương án thuê thiết bị máy móc** *(nếu có)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** | **Thời gian thuê** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

1. **Mua sắm mới thiết bị máy móc** *(nếu có)*
2. Danh mục mua sắm

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |

1. Phương án xử lý khi kết thúc nhiệm vụ

**3. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ** *( nếu có)*

………………………………………………………………………………………………

**4. Phương án xử lý tài sản là vật tư thu được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ** (nếu có)

………………………………………………………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm nhiệm vụ**  *(Họ tên và chữ ký)* | **Thủ trưởng tổ chức chủ trì**  *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**Biểu I.2**

**PHƯƠNG ÁN VÀ DỰ TOÁN THUÊ CHUYÊN GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Quốc tịch** | **Lĩnh vực chuyên môn/ Thuộc**  **tổ chức** | **Nội dung thực hiện và giải trình lý do thuê chuyên gia** | **Thời gian thực hiện quy đổi**  **(tháng)** | **Mức thuê theo hợp đồng** | **Kinh phí** | | |
| **Tổng** | **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=6x7 | 9 | 10 |
| **I** |  |  |  | **Chuyên gia trong nước** |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** |  |  |  | **Chuyên gia nước ngoài** |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Biểu I.3**

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chức danh** | **Tổng số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí (triệu đồng)** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | Chủ nhiệm đề tài/đề án |  |  |  |
| 2 | Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học |  |  |  |
| 3 | Thành viên |  |  |  |
| 4 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |
| **Cộng:** | |  |  |  |

**Biểu I.4**

**DỰ TOÁN CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** |  | |  | **Chức danh nghiên cứu** | **Tổng số người thực hiện (cho từng chức danh)** | **Hệ số tiền công theo ngày (theo định mức cấp Bộ)** | **Số ngày công quy đổi** | **Tổng kinh phí** | | **Nguồn vốn** | | | | | |
|  | **Ngân sách**  **nhà nước** | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | |
| **Nội dung công việc** |  |  |
| **Mô tả kết quả công việc** |  |  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* |  |  | *3* | *4* | *5* | *6* | 7=5x6xlương cơ sở | | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| **1** | **Nghiên cứu tổng quan** |  | ***Kết quả: Xây dựng thuyết minh, báo cáo tổng quan*** | | | | | | | | | | | | |
|  | 1.1. Công việc 1: (tên nội dung công việc 1) |  |  | -CN  -TVC, TK  -TV  -TKV, NVHT |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Đáng giá thực trạng** |  | ***Kết quả: báo cáo thực trạng vấn đề nghiên cứu*** | | | | | | | | | | | | |
|  | 2.1. Công việc 1: … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …………………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. | …………………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **7** | **Tổng kết, đánh giá** |  | ***Kết quả: báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng hợp*** | | | | | | | | | | | | |
| 7.1. Công việc 1: tổng hợp báo cáo thống kê | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ……… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**PL3-TM-CBCS**

**THUYẾT MINH**

**NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI**

(Áp dụng đối với nhiệm vụ phục vụ quản lý nhà nước)

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên nhiệm vụ:** | | | | |
| **2** | **Thời gian thực hiện**: …….tháng  (từ tháng /năm 20… đến tháng /năm 20…) | | | | |
| **3** | **Kinh phí thực hiện:**  Tổng kinh phí: *………… (triệu đồng),* trong đó:   * Từ nguồn tài chính của (tên tổ chức bảo đảm kinh phí):...... * Từ nguồn khác: … | | | | |
| **4** | **Phương thức khoán chi:**  Khoán đến sản phẩm cuối cùng | | | Khoán từng phần, trong đó:  - Kinh phí khoán: …………….. *triệu đồng*  - Kinh phí không khoán: ……….*triệu đồng* | |
| **5** | **Chủ nhiệm nhiệm vụ:** | | | | |
| Họ và tên:..................................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ........................................................ Nam/ Nữ: ....................................  Học hàm, học vị:........................................................................................................................  Chức danh khoa học: ...........................................................Chức vụ:.......................................  Điện thoại của tổ chức: ............................ Nhà riêng: ......................Mobile:............................  Fax: ........................................................... E-mail: .................................................................  Tên tổ chức đang công tác:.........................................................................................................  Địa chỉ tổ chức:..........................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ...................................................................................................................... | | | | | |
| **6** | **Thư ký nhiệm vụ:** | | | | |
| Họ và tên:....................................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ........................................................ Nam/ Nữ: .....................................  Học hàm, học vị: ........................................................................................................................  Chức danh khoa học: .................................................... Chức vụ: ......................................  Điện thoại của tổ chức: ...............................Nhà riêng: ...................Mobile: ............................  Fax: ........................................................... E-mail: ..................................................................  Tên tổ chức đang công tác: .......................................................................................................  Địa chỉ tổ chức: ..........................................................................................................................  Địa chỉ nhà riêng: ...................................................................................................................... | | | | | |
| **7** | **Tổ chức chủ trì nhiệm vụ, bao gồm:** | | | | |
| ***7.1. Tổ chức chủ trì nội dung (chịu trách nhiệm về nội dung và tiến độ thực hiện nhiệm vụ):***  Tên tổ chức: ...........................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: .................................................................................  E-mail: ................................................................................................................... ..................  Website: ............................................................................................................................ .....  Địa chỉ: ................................................................................................................................ ....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .............................................................................................. .....  ***7.2. Tổ chức bảo đảm kinh phí (chịu trách nhiệm bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ):***  Tên tổ chức: ...........................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: .................................................................................  E-mail: ................................................................................................................... ..................  Website: ............................................................................................................................ .....  Địa chỉ: ................................................................................................................................ ....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .............................................................................................. .....  Số tài khoản: ...................................................................................................................... .....  Ngân hàng: ......................................................................................................................... .....  Cơ quan chủ quản đề án: .................................................................................................. ....... | | | | | |
| **8** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ:** (nếu có) | | | | |
| 1. **Tổ chức 1**: ......................................................................   Cơ quan chủ quản ......................................................................................................... ...........  Điện thoại: ...................................... Fax: .............................................................................. ....  Địa chỉ: .................................................................................................................................. ...  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................ ...  Số tài khoản: .......................................................................................................................... ...  Ngân hàng: ................................................................................................................. .............   1. **Tổ chức 2** : ..................................................................................................................... ....   Cơ quan chủ quản .............................................................................................................. .....  Điện thoại: ...................................... Fax: .............................................................................. ...  Địa chỉ: ................................................................................................................................ .....  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ............................................................................................. .......  Số tài khoản: ....................................................................................................................... ......  Ngân hàng: ............................................................................................................................ .   1. **Tổ chức** ....... | | | | | |
| **9** | **Các cán bộ thực hiện nhiệm vụ:** | | | | |
| *(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những* ***nội dung chính*** *thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện nhiệm vụ)* | | | | | |
|  | **Họ và tên, học hàm học vị** | **Tổ chức**  **công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | | **Thời gian làm việc** *(Số tháng quy đổi)* |
| 1 |  |  |  | |  |
| 2 |  |  |  | |  |
| 3 |  |  |  | |  |
| 4 |  |  |  | |  |
| 5 |  |  |  | |  |
| 6 |  |  |  | |  |
| 7 |  |  |  | |  |
| 8 |  |  |  | |  |
| 9 |  |  |  | |  |

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **10** | | **Mục tiêu của nhiệm vụ:**  *(phát triển và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)* | | | | | |
| ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **11** | | | **Tình trạng nhiệm vụ:**  Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  Kế tiếp nghiên cứu của người khác | | | | |
| **12** | | | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về sự cần thiết của nhiệm vụ:** | | | | |
|  | | | | | | | |
| **13** | **Nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ:** | | | | | | |
| *(xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logíc, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra)*  Nội dung 1:.............................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  .............................................. .....................................................................................................  Nội dung 2:.............................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  .............................................. .....................................................................................................  Nội dung 3:.............................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  .............................................. ..................................................................................................... | | | | | | | |
| **14** | **Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ:** | | | | | | |
| *(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ)* | | | | | | | |
| * S­ưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính) * Hội thảo/toạ đàm khoa học (số l­ượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu) * Đào tào, tập huấn phục vụ đề án * Khảo sát/điều tra thực tế trong nư­ớc (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phư­ơng pháp) * Khảo sát nư­ớc ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung) * ........ | | | | | | | |
| **15** | **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:** | | | | | | |
| *(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của nhiệm vụ; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)*  ***Cách tiếp cận***: ..................................................................................................................................................  ***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng***: ......................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **16** | **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:** | | | | | | |
| *[Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện nhiệm vụ (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong nhiệm vụ; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có]* | | | | | | | |
| **17** | **Phương án hợp tác quốc tế:** (nếu có) | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ nhiệm vụ; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của nhiệm vụ)* | | | | | | | |
| **18** | | **Kế hoạch thực hiện:** | | | | | |
|  | | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện;  các mốc đánh giá chủ yếu** | | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian** *(bắt đầu,  kết thúc)* | **Cá nhân,  tổ chức  thực hiện\*** | **Dự kiến  kinh phí** |
| ***1*** | | ***Nội dung 1*** | |  |  |  |  |
| - Công việc 1 | |  |  |  |  |
| - Công việc 2 | |  |  |  |  |
| .......... | |  |  |  |  |
| ***2*** | | ***Nội dung 2*** | |  |  |  |  |
| - Công việc 1 | |  |  |  |  |
| - Công việc 2 | |  |  |  |  |
|  | | ...... | |  |  |  |  |

*\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10*

**III. SẢN PHẨM CỦA NHIỆM VỤ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **19** | **Sản phẩm chính của nhiệm vụ và yêu cầu chất lượng cần đạt:** *(liệt kê theo dạng sản phẩm)* | | | |
| **19.1 Dạng I**:Báo cáo khoa học của nhiệm vụ (báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); dự thảo cơ chế chính sách; kết quả dự báo; mô hình; quy trình, quy phạm; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác. | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | **Ghi chú** | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
|  |  |  | |  | |
| **19.2 Dạng II:** Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác | | | | |
| **TT** | **Tên sản phẩm**  *(ghi rõ tên từng sản phẩm )* | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | **Dự kiến nơi công bố** *(Tạp chí, Nhà xuất bản)* | **Ghi chú** | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  | |
| **20** | **Lợi ích của nhiệm vụ và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:** | | | | |
| **20.1 Lợi ích của nhiệm vụ:**  *a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc hoạch định và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)*  ................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  *b) Góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện nhiệm vụ, đào tạo sau đại học (số người được đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ, chuyên ngành đào tạo)*  ................................................................................................................................................................ ................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  **20.2 Phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**  *(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/ tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phư­ơng thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)*  ................................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  .................................................................................................................................................................  ................................................................................................................................................................. | | | | | |

**IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

*(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **21** | **Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phân theo các khoản chi:** | | | | | | |
|  | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | **Trong đó** | | | | |
| **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) | **Nguyên, vật liệu, năng lượng** | **Thiết bị, máy móc** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** | **Chi khác** |
|  | **Tổng kinh phí** |  |  |  |  |  |  |
|  | *Trong đó:* |  |  |  |  |  |  |
|  | - Năm thứ nhất:  - Năm thứ hai:  ......... |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày……tháng …… năm 20…* | *Ngày……tháng …… năm 20…* |
| **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ** *(Họ tên và chữ ký)* | **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NỘI DUNG***(Họ tên, chữ ký)*  **TỔ CHỨC BẢO ĐẢM KINH PHÍ***(Họ tên, chữ ký và đóng dấu khi phê duyệt )* |
|  |  |
| *Ngày……tháng …… năm 20…*  **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**  *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* | |

**DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ ÁN**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 |
| **1** | **Trả công lao động** (khoa học, phổ thông) gồm:  *Nội dung 1*  *Nội dung 2*  *Nội dung 3...* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nguyên,vật liệu, năng lượng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Thiết bị, máy móc** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Xây dựng, sửa chữa nhỏ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Chi khác**  *Trong đó:*  *- Công tác trong nước*  *- Hợp tác quốc tế*  *- Điều tra, khảo sát*  *…* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**Khoản 1. Công lao động** (khoa học, phổ thông)

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung lao động**  *Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 15 của thuyết minh* | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục chi** | **Ngân sách SNKH** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5=(7+9+11)* | *6=(8+10+12)* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 |
| **1** | ***Nội dung 1*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | ***Nội dung 2*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Sản phẩm …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **1** | **Nguyên, vật liệu**  *(Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại thuyết minh)* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Năng lượng, nhiên liệu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Mua sách, tài liệu, số liệu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 3. Thiết bị, máy móc**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Mục chi** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* |  | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* |
| 1 | **Thiết bị mua mới** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Thuê thiết bị**(ghi tên thiết bị, thời gian thuê) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | | |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Khác** |
| Tổng | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 5. Chi khác**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| **TT** | **Nội dung** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục chi** | **Tổng** | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Khác** |
| Tổng số | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ba | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | 12 | 13 |
| ***a*** | ***Kinh phí quản lý*** (của cơ quan chủ trì) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***b*** | ***Công tác trong nước*** (địa điểm, thời gian, số lượt người) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***c*** | ***Chi điều tra, khảo sát*** (số phiếu, số chỉ tiêu...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***c*** | ***Hợp tác quốc tế*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***d*** | ***Chi hội nghị, hội thảo khoa học*** (địa điểm, số người, số ngày…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***e*** | ***Chi đào tạo, tập huấn*** (số ngày, số người, địa điểm…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***g*** | ***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***h*** | ***Chi khác*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Các khoản thuê dịch vụ (dịch tài liệu…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Các khoản chi khác (liệt kê và thuyết minh theo từng khoản chi) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Mẫu PL3-LLĐV-CB/CS**

**TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KH&CN CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**

**NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. **Tªn tæ chøc:**   N¨m thµnh lËp:  §Þa chØ:  Website:  §iÖn tho¹i: Fax:  E-mail: | | | |
| **2. Chøc n¨ng, nhiÖm vô vµ lo¹i h×nh ho¹t ®éng KH&CN hoÆc s¶n xuÊt kinh doanh liªn quan ®Õn nhiÖm vô KH&CN.**  ..................................................................................................................................................... | | | |
| 1. **Tæng sè c¸n bé cã tr×nh ®é ®¹i häc trë lªn cña tæ chøc** | | | |
| ***TT*** | ***C¸n bé cã tr×nh ®é***  ***®¹i häc trë lªn*** | ***Tæng sè*** | |
| 1 | TiÕn sü |  |  |
| 2 | Th¹c sü |  |  |
| 3 | §¹i häc |  |  |
| **4. Sè c¸n bé nghiªn cøu cña tæ chøc trùc tiÕp tham gia thùc hiÖn nhiÖm vô** | | | |
| ***TT*** | ***C¸n bé cã tr×nh ®é***  ***®¹i häc trë lªn*** | ***Sè trùc tiÕp tham gia thùc hiÖn***  ***nhiÖm vô*** | |
| 1 | TiÕn sü |  |  |
| 2 | Th¹c sü |  |  |
| 3 | §¹i häc |  |  |
| **5**. ***Kinh nghiÖm vµ thµnh tùu KH&CN trong 5 n¨m gÇn nhÊt liªn quan ®Õn nhiÖm vô KH&CN tuyÓn chän/giao trùc tiÕp cña c¸c c¸n bé trong tæ chøc trùc tiÕp tham gia ®· kª khai ë môc 4 trªn ®©y*** *(Nªu lÜnh vùc chuyªn m«n cã kinh nghiÖm, sè n¨m kinh nghiÖm, tªn c¸c ®Ò tµi/dù ¸n/®Ò ¸n ®· chñ tr× hoÆc tham gia, nh÷ng c«ng tr×nh ®· ¸p dông vµo s¶n xuÊt vµ ®êi sèng, thµnh tùu ho¹t ®éng KH&CN vµ s¶n xuÊt kinh doanh kh¸c, ...)*  ..................................................................................................................................................... | | | |
| **6**. ***C¬ së vËt chÊt kü thuËt hiÖn cã liªn quan ®Õn nhiÖm vô KH&CN***:  - Nhµ x­ëng:  - Trang thiÕt bÞ chñ yÕu: | | | |
| **7**. ***Kh¶ n¨ng huy ®éng c¸c nguån vèn kh¸c (ngoµi ng©n s¸ch SNKH) cho viÖc thùc hiÖn nhiÖm vô KH&CN ®¨ng ký.***   * Vèn tù cã: ..................... triÖu ®ång ***(v¨n b¶n chøng minh kÌm theo).*** * Nguån vèn kh¸c: ..................... triÖu ®ång ***(v¨n b¶n chøng minh kÌm theo).*** | | | |

*............, ngµy ...... th¸ng ...... n¨m 20...*

**THñ TR¦ëNG**

**Tæ chøc ®¨ng ký chñ tr× nhiÖm vô kh&cn**

*(Hä, tªn vµ ch÷ ký cña ng­êi l·nh ®¹o tæ chøc, ®ãng dÊu)*

**Mẫu PL3-LLCN-CB/CS**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

**CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM VÀ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ THAM GIA NGHIÊN CỨU THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN[[8]](#footnote-9)**

Đăng ký Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Hä vµ tªn**: | | | | | | | | | | | | | | |
| **2.** N¨m sinh:  **3.** Nam/N÷: | | | | | | | | | | | | | | |
| **4.** Häc hµm: N¨m ®­îc phong häc hµm:  Häc vÞ: N¨m ®¹t häc vÞ: | | | | | | | | | | | | | | |
| **5.** Chøc danh nghiªn cøu:  Chøc vô: | | | | | | | | | | | | | | |
| **6.** §Þa chØ nhµ riªng: | | | | | | | | | | | | | | |
| **7.** §iÖn tho¹i:CQ: ; NR: ; Mobile:  **8.** Fax: E-mail: | | | | | | | | | | | | | | |
| **9. Tæ chøc - n¬i lµm viÖc cña c¸ nh©n ®¨ng ký chñ nhiÖm**:  Tªn tæ chøc :  Tªn ng­êi L·nh ®¹o:  §iÖn tho¹i ng­êi L·nh ®¹o:  §Þa chØ tæ chøc: | | | | | | | | | | | | | | |
| **10. Qu¸ tr×nh ®µo t¹o** | | | | | | | | | | | | | | |
| BËc ®µo t¹o | | | | N¬i ®µo t¹o | | | | Chuyªn m«n | | | | | N¨m tèt nghiÖp | |
| §¹i häc | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| Th¹c sü | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| TiÕn sü | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| Thùc tËp sinh khoa häc | | | |  | | | |  | | | | |  | |
| **11. Qu¸ tr×nh c«ng t¸c** | | | | | | | | | | | | | |
| Thêi gian  (*Tõ n¨m ... ®Õn n¨m...*) | | | VÞ trÝ c«ng t¸c | | Tæ chøc c«ng t¸c | | | | §Þa chØ Tæ chøc | | | | |
| … | | |  | |  | | | |  | | | | |
| **12. C¸c c«ng tr×nh c«ng bè chñ yÕu**  *(liÖt kª tèi ®a 05 c«ng tr×nh tiªu biÓu ®· c«ng bè liªn quan ®Õn nhiÖm vô KH&CN ®¨ng ký trong 5 n¨m gÇn nhÊt)* | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | Tªn c«ng tr×nh  (*bµi b¸o, c«ng tr×nh...*) | | Lµ t¸c gi¶ hoÆc  lµ ®ång t¸c gi¶  c«ng tr×nh | | | N¬i c«ng bè  (*tªn t¹p chÝ ®· ®¨ng c«ng tr×nh*) | | | | | | N¨m c«ng bè |
|  | | … | |  | | |  | | | | | |  |
| **13. Sè l­îng v¨n b»ng b¶o hé quyÒn së h÷u c«ng nghiÖp, gièng c©y trång ®· ®­îc cÊp…**  *(liªn quan ®Õn ®Ò tµi, dù ¸n ®¨ng ký - nÕu cã)* | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | Tªn vµ néi dung v¨n b»ng | | | | | | N¨m cÊp v¨n b»ng | | | | | |
|  | | … | | | | | |  | | | | | |
| **14. Sè c«ng tr×nh ®­îc ¸p dông trong thùc tiÔn**  *(liªn quan ®Õn nhiÖm vô KH&CN ®¨ng ký - nÕu cã)* | | | | | | | | | | | | | |
| TT | Tªn c«ng tr×nh | | | H×nh thøc, quy m«, ®Þa chØ ¸p dông | | | | | | Thêi gian  (*b¾t ®Çu - kÕt thóc*) | | | |
|  | *…* | | |  | | | | | |  | | | |
| **15. C¸c nhiÖm vô KH&CN ®· chñ tr× hoÆc tham gia**  *(trong 5 n¨m gÇn ®©y thuéc lÜnh vùc nghiªn cøu cña ®Ò tµi/®Ò ¸n, dù ¸n ®¨ng ký - nÕu cã)* | | | | | | | | | | | | | | |
| *Tªn ®Ò tµi/®Ò ¸n,*  *dù ¸n,nhiÖm vô kh¸c*  *®· chñ tr×* | | | | *Thêi gian*  (b¾t ®Çu - kÕt thóc) | | | *Thuéc Ch­¬ng tr×nh*  (nÕu cã) | | | | | *T×nh tr¹ng ®Ò tµi*  (®· nghiÖm thu, ch­a nghiÖm thu) | | |
| *…* | | | |  | | |  | | | | |  | | |
| **16. Gi¶i th­ëng**  *(vÒ KH&CN, vÒ chÊt l­îng s¶n phÈm,... liªn quan ®Õn ®Ò tµi/®Ò ¸n, dù ¸n ®¨ng ký - nÕu cã)* | | | | | | | | | | | | | | |
| TT | | | H×nh thøc vµ néi dung gi¶i th­ëng | | | | | | N¨m tÆng th­ëng | | | | | |
|  | | | … | | | | | |  | | | | | |
| **17. Thµnh tùu ho¹t ®éng KH&CN vµ s¶n xuÊt kinh doanh kh¸c**  ***(****liªn quan ®Õn ®Ò tµi, dù ¸n ®¨ng ký - nÕu cã)*  ……………………………………………………………………………………………………. | | | | | | | | | | | | | | |

*............, ngµy ....... th¸ng ....... n¨m 20...*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tæ chøc - n¬i lµm viÖc cña c¸ nh©n ®¨ng ký chñ nhiÖm (hoÆc tham gia thùc hiÖn chÝnh) ®Ò tµi/®Ò ¸n, Dù ¸n[[9]](#footnote-10)**  (*X¸c nhËn vµ ®ãng dÊu*)  §¬n vÞ ®ång ý vµ sÏ dµnh thêi gian cÇn thiÕt ®Ó ¤ng, Bµ ... chñ tr× (tham gia) thùc hiÖn  ®Ò tµi/®Ò ¸n, dù ¸n | **c¸ nh©n ®¨ng ký chñ nhiÖm**  **(hoÆctham gia thùc hiÖn chÝnh)**  **®Ò tµi/®Ò ¸n, Dù ¸n**  (*Hä, tªn vµ ch÷ ký*) |

**Mẫu PL3LLCG-CB/CS**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Họ và tên**: | | | | | |
| **2.** Năm sinh:  **3.** Nam/Nữ: | | | | | |
| **4.** Học hàm: Năm được phong:  Học vị: Năm đạt học vị: | | | | | |
| **5. Lĩnh vực** **nghiên cứu:** | | | | | |
| Công nghệ thông tin | | Công nghệ tự động hóa | | Công nghệ vật liệu mới | |
| Công nghệ sinh học | | Lĩnh vực khác | |  | |
| **6. Chức danh nghiên cứu**: **Chức vụ hiện nay**: | | | | | |
| **7. Địa chỉ liên lạc**: | | | | | |
| Địa chỉ:  Điện thoại :  Email: | | | | | |
| **8. Đơn vị công tác, nơi làm việc của cá nhân**: | | | | | |
| Tên đơn vị:  Tên người đứng đầu:  Địa chỉ:  Điện thoại: ;Fax: ;Website: | | | | | |
| **9. Quá trình đào tạo** | | | | | |
| Bậc đào tạo | Nơi đào tạo | | Chuyên ngành | | Năm tốt nghiệp |
| .... |  | |  | |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **10. Trình độ ngoại ngữ** *(mỗi mục đề nghị ghi rõ mức độ: Tốt/Khá/TB)* | | | | | |
| TT | Tên ngoại ngữ | Nghe | Nói | Đọc | Viết |
| 1 | … |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **11. Kinh nghiệm công tác** | | | |
| Thời gian  (*từ năm ... đến năm...*) | Vị trí công tác | Lĩnh vực chuyên môn | Đơn vị công tác |
| … |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **12. Các kết quả, công trình KH&CN nghiên cứu** | | | | |
| Tên công trình  (*bài báo, công trình...*) | Tác giả  hoặc đồng tác giả | Nơi công bố  (*tên tạp chí đã đăng*) | Lĩnh vực nghiên cứu | Năm công bố |
| Tạp chí quốc tế |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| Tạp chí quốc gia |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| Hội nghị quốc tế |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **13. Kinh nghiệm giảng dạy tại các Viện, trường đại học** | | | | | |
| Thời gian  (từ năm…đến năm…) | | Vị trí | Lĩnh vực chuyên môn | | Đơn vị |
| … | |  |  | |  |
| **14. Giải thưởng, bằng khen, kết quả đào tạo** | | | | | |
| TT | Hình thức và nội dung giải thưởng | | | Năm tặng thưởng | |
| 1 | … | | |  | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **15. Kinh nghiệm công tác tại cơ sở sản xuất** | | | |
| Thời gian  (*từ năm ... đến năm...*) | Vị trí công tác | Lĩnh vực chuyên môn | Đơn vị công tác |
| … |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **16. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia trong 5 năm gần đây** | | | | | |
| Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì | | Thời gian  *(bắt đầu - kết thúc)* | Thuộc Chương trình *(nếu có)* | Tình trạng  *(đã nghiệm thu-xếp loại, chưa nghiệm thu)* | |
| *…* | |  |  |  | |
| **17. Kinh nghiệm về quản lý, đánh giá KH&CN** *(số lượng các Hội đồng tư vấn, xét duyệt, nghiệm thu, đánh giá các chương trình, đề tài, dự án KH&CN cấp Nhà nước trong và ngoài nước đã tham gia trong 5 năm gần đây)* | | | | | |
| TT | Hình thức Hội đồng | | | | Số lần |
| 1 | … | | | |  |

Tôi xác nhận những thông tin được ghi ở trên là hoàn toàn chính xác.

*..........................., ngày ....... tháng ....... năm 20...*

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC-NƠI LÀM VIỆC** | **KÝ TÊN** |

**Mẫu PL3-LLCGNN-CB/CS**

**CURRICULUM VITAE OF SCIENCE**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Name**: | | | | | |
| **2. Birthday**:  **3. Male/Female**: | | | | | |
| **4. Academic Titles**: Years:  **Degree**: Years: | | | | | |
| **5. Fields of research:** | | | | | |
| Information Technology | | Automation Technology | | New Materials Technology | |
| Biotechnology | | Others | |  | |
| **6. Title research**: **Current Position**: | | | | | |
| **7. Contact address**: | | | | | |
| Address:  Phone :  Email: | | | | | |
| **8. Workplace**: | | | | | |
| Name:  Name of the head:  Address:  Phone: ;Fax: ;Website: | | | | | |
| **9. Training process** | | | | | |
| Level of training | Place of training | | Majors | | Graduation years |
| ... |  | |  | |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **10. Foreign language skills** *(Very good/good/normal)* | | | | | |
| No. | Languages | Listening | Speaking | Reading | Writing |
| 1 | .. |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **11. Work experience** | | | |
| Period  (*From year ... to year...*) | Positions | Professional field | Workplace |
| ... |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **12. Research results** | | | | |
| Name of projects  (*Article, journal...*) | Author or coauthors | Place of publication (*Journal posted*) | Fields of research | Years |
| International Journal |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| National Journal |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| International Conference |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **13. Teaching experience** (*at the Institute, the University..*) | | | | | |
| Name of projects  (*Article, journal...*) | | Positions | Professional field | Workplace | |
| .. | |  |  |  | |
| **14. Awards, results of training** | | | | | |
| No. | The form and content of the award | | | | Years |
|  | … | | | |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **15. Work experience in manufacturing facility** | | | |
| Name of projects  (*Article, journal...*) | Positions | Professional field | Workplace |
|  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **16. Topics, projects and Science and Technology tasks (Last 5 years)** | | | | | | |
| **Name of projects, topics** | | | Time  *(Beginning - Ending)* | Programs | | Situation |
|  | | |  |  | |  |
| **17. Experience management, evaluation of Science and Technology** | | | | | | |
| No. | | Councils | | | Number of times | |
| … | |  | | |  | |
|  | | | | | |

[I certify that the above information is true and correct](http://www.uic.edu/depts/lib/admin/personnel/forms/work_schedule_union.pdf).

*..........................., /date ....... /month ....... /year...*

**SIGN**

**Mẫu PL3-VBXN-CB/CS**

**céng hoµ x· héi chñ nghÜa viÖt nam**

**§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc**

**GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP NGHIÊN CỨU**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

KÝnh göi: Tông cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

**1. Tên nhiệm vụ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp:**..........................................

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

**2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì**

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì:...............................................................................

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký chủ nhiệm:…………………………..

**3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện**

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện:.............................................................

Địa chỉ:..............................................................................................................

Điện thoại:..........................................................................................................

**4. Nội dung công việc tham gia** trong nhiệm vụ (và kinh phí tương ứng) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản thuyết minh nhiệm vụ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

Khi hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam kết sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Quý Tổng cục hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ.

*......................., ngµy th¸ng n¨m 20.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C¸ nh©n**  **®¨ng ký chñ nhiÖm**  *(Hä, tªn vµ ch÷ ký)* |  | **Thñ tr­ëng**  **tæ chøc ®¨ng ký chñ tr×**  *(Hä, tªn, ch÷ ký vµ ®ãng dÊu)* |

|  |
| --- |
| **Thñ tr­ëng**  **tæ chøc ®¨ng ký phèi hîp thùc hiÖn**  *(Hä, tªn, ch÷ ký vµ ®ãng dÊu)* |

**Mẫu PL3-BBMHS-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  | *………, ngày tháng năm 20...* |

**BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ**

**ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:................................................................................................

2. Quyết định thành lập Hội đồng:....................................................................................

3. Địa điểm và thời gian:...................................................................................................

4. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở hồ sơ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *TT* | *Tên cơ quan, tổ chức* | *Họ và tên đại biểu* |
|  | ... |  |

5. T×nh tr¹ng cña c¸c hå s¬

**-** Tæng sè hå s¬ ®¨ng ký tuyÓn chän, giao trùc tiÕp chñ tr× nhiÖm vô KH&CN: ...... hå s¬.

- Sè hå s¬ ®­îc niªm phong kÝn ®Õn thêi ®iÓm më hå s¬: ..../.... (tæng sè hå s¬ ®¨ng ký).

**-** T×nh tr¹ng cña c¸c hå s¬ ®¨ng ký tuyÓn chän, giao trùc tiÕp ®­îc thÓ hiÖn trong b¶ng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *TT* | *Tªn tæ chøc, c¸ nh©n ®¨ng ký tuyÓn chän hoÆc giao trùc tiÕp* | *T×nh tr¹ng Hå s¬* | | | | | | |
| *Nép*  *®óng h¹n1* | *TÝnh ®Çy ®ñ cña Hå s¬ ®¨ng ký2* | *Các yêu cầu về tổ chức chut trì và cá nhân chủ nhiệm* |  | | | |
| *§ang chñ tr× từ 02 nhiÖm vô (chưa nghiệm thu)* | *Nî thu håi DA SXTN, DA CGCN* | *BÞ ®×nh chØ do sai ph¹m 6* | *Các nguyên nhân khác theo quy định tại Điều 8 Quy chế quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ của Bộ KH&CN* |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* | *(7)* | *(8)* | *(9)* |
|  | …. |  |  |  |  |  |  |  |

Kết luận:Như vậy, trong số .........hồ sơ đăng ký, có ........ hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện để đưa vào xem xét đánh giá, cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *TT* | *Tên tổ chức, cá nhân*  *đăng ký chủ trì đề tài/đề án/dự án SXTN[[10]](#footnote-11)* | *Ghi chú* |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* |
|  | *….* |  |

Các bên thống nhất và ký vào biên bản mở hồ sơ vào …..h…..phút, ngày .…/…../20….

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN**  **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **ĐẠI DIỆN VỤ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu PL3-PNX-TC-CB/CS (**đề án khoa học)

**PHIẾU NHẬN XÉT**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**

**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ**

(Áp dụng đối với đề án khoa học)

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên chuyên gia:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên đề án:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Nhận xét của chuyên gia*** | | | | |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** | |
| **1. Mục tiêu nghiên cứu của đề án** *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng]* |  | | | | |
| - Mục tiêu của đề án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu; cụ thể hóa định hướng mục tiêu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:* | | | | | |
| **2. Đánh giá tổng quan** *[Mục 13]* |  | | | | |
| - Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. |
| - Luận giải sự cần thiết, cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề án |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:* | | | | | |
| **3. Nội dung, phương án tổ chức thực hiện** *[Mục 15, 16, 18, 19]* |  | | | | |
| - Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu |
| - Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức nghiên cứu |
| - Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước |
| - Tính hợp lý trong việc sử dụng kinh phí cho các nội dung nghiên cứu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:* | | | | | |
| **4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu** *[Mục 17]* |  | | | | |
| **-** Cách tiếp cận đề án |
| - Phương pháp nghiên cứu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:* | | | | | |
| **5. Sản phẩm, lợi ích của đề án và phương án chuyển giao kết quả** *[Mục 21, 22]* |  | | | | |
| **-** Sản phẩm của đề án phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu |
| - Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân (bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học) |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:* | | | | | |
| **6. Năng lực tổ chức và cá nhân** *[Hồ sơ năng lực kèm theo]* |  | | | | |
| **-** Cơ quan chủ trì đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề án. |
| **-** Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:* | | | | | |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |

*Ghi chú:* Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

*Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu PL3-PNX-TC-CB/CS**

**(**đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ)

**PHIẾU NHẬN XÉT**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC   
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

(Áp dụng đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ)

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên chuyên gia:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên đề tài:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Nhận xét của chuyên gia*** | | | | |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Đánh giá tổng quan** *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng và Mục 14, 15]* |  | | | | |
| - Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu. |
| - Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:* | | | | | |
| **2. Nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng** *[Mục 16, 17]* |  | | | | |
| - Các nội dung nghiên cứuphù hợpđể đạt được mục tiêu |
| - Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra |
| - Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:* | | | | | |
| **3. Sản phẩm khoa học và công nghệ** *[Mục 21]* |  | | | | |
| - Đáp ứng được yêu cầu đặt hàng |
| - Có khả năng đăng ký sở hữu trí tuệ |
| - Khả năng được công bố trên các tạp chí KH&CN uy tín trong/ngoài nước |
| - Đào tạo sau đại học |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:* | | | | | |
| **4. Khả năng ứng dụng và dự kiến tác động** *[Mục 22,23, 24]* |  | | | | |
| **-** Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra. |
| - Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu. |
| - Mức độ làm rõ được (tên) các địa chỉ sẵn sàng (dự kiến) áp dụng kết quả đề tài. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:* | | | | | |
| **5. Tính khả thi** |  | | | | |
| **-** Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp *[Mục 18 và 19]* |
| - Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch *[Mục 20]*. |
| - Dự toán phù hợp với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:* | | | | | |
| **6. Năng lực tổ chức và cá nhân** *[Hồ sơ năng lực kèm theo]* |  | | | | |
| **-** Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài. |
| **-** Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:* | | | | | |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |

*Ghi chú:* Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

*Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Chuyên gia nhận xét ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu PL3-PNX-TC-CB/CS**

**(**Đề tài khoa học xã hội và nhân văn)

**PHIẾU NHẬN XÉT**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC   
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

(Áp dụng đối với đề tài khoa học xã hội và nhân văn)

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên chuyên gia:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên đề tài:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Nhận xét của chuyên gia*** | | | | |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài** *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng]* |  | | | | |
| - Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu; cụ thể hóa định hướng mục tiêu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:* | | | | | |
| **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài** *[Mục 13]* |  | | | | |
| - Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. |
| - Luận giải sự cần thiết, cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề tài |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:* | | | | | |
| **3. Nội dung, phương án tổ chức thực hiện** *[Mục 15, 16, 18, 19]* |  | | | | |
| - Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu |
| - Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức nghiên cứu |
| - Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước |
| - Tính hợp lý trong việc sử dụng kinh phí cho các nội dung nghiên cứu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:* | | | | | |
| **4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu** *[Mục 17]* |  | | | | |
| **-** Cách tiếp cận đề tài với đối tượng nghiên cứu |
| - Phương pháp nghiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:* | | | | | |
| **5. Sản phẩm, lợi ích của đề tài và phương án chuyển giao kết quả** *[Mục 21, 22]* |  | | | | |
| **-** Sản phẩm của đề tài phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu |
| - Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân (bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học) |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:* | | | | | |
| **6. Năng lực tổ chức và cá nhân** *[Hồ sơ năng lực kèm theo]* |  | | | | |
| **-** Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài. |
| **-** Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:* | | | | | |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |

*Ghi chú:* Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

*Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Chuyên gia nhận xét ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu PL3-PNX-TC-CB/CS**

**(D**ự án sản xuất thử nghiệm)

**PHIẾU NHẬN XÉT HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN,   
GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

(Áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm)

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên gia/Ủy viên phản biện** |  |
| **Ủy viên hội đồng** |  |

**Họ và tên chuyên gia:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên dự án:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí nhận xét** | ***Nhận xét của chuyên gia*** | | | | |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Đánh giá chung** *[Mục 12, 13]* |  | | | | |
| - Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án. |
| - Sản phẩm của dự án có khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:* | | | | | |
| **2. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai** *[Mục 14, 15, 16]* |  | | | | |
| - Mục tiêu của hoàn thiện công nghệ của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng của nhà nước. |
| - Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ xuất xứ. |
| - Mức độ làm rõ cho giải pháp hoàn thiện công nghệ. |
| - Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:* | | | | | |
| **3. Giá trị của công nghệ** *[Mục 13, 14, 15, 17]* |  | | | | |
| - Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước. |
| - Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án. |
| - Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ sở hữu trí tuệ. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:* | | | | | |
| **4. Lợi ích của dự án** *[Mục 13.2, 13.2, 16]* |  | | | | |
| **-** Làm rõ lợi ích của dự án đối với đơn vị chủ trì hoặc đơn vị hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện công nghệ. |
| - Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án. |
| - Lợi ích của khách hàng khi sử dụng sản phẩm dự án. |
| - Định lượng được những lợi ích khi triển khai dự án |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:* | | | | | |
| **5. Phương án tài chính** *[Phần III và văn bản pháp lý có liên quan]* |  | | | | |
| - Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện. |
| - Sự phù hợp của tổng dự toán. |
| *Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:* | | | | | |
| **6. Năng lực thực hiện** *[Phần III và Mục 13.4, 16]* |  | | | | |
| - Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia. |
| - Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính. |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |

*Ghi chú:* Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

*Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:*

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | *Ngày.....tháng.....năm 20...*  *(Chuyên gia nhận xét ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu PL3-PĐG-TC-CB/CS**

(Đề án khoa học)

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ,  CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KH&CN ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ**

(Áp dụng đối với đề án khoa học)

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên đề án:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Chuyên giá đánh giá*** | | | | | **Hệ số** | ***Điểm*** | ***∑*** | ***Điểm tối đa*** |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Mục tiêu nghiên cứu của đề án** |  | | | | |  |  |  | 4 |
| - Mục tiêu của đề án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu; cụ thể hóa định hướng mục tiêu | 1 |
| **2. Đánh giá tổng quan** *[Mục 13]* |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. | 2 |
| - Luận giải sự cần thiết, cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề án | 2 |
| **3. Nội dung, phương án tổ chức thực hiện** *[Mục 15, 16, 18, 19]* |  | | | | |  |  |  | 24 |
| - Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu | 2 |
| - Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức nghiên cứu | 2 |
| - Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước | 1 |
| - Tính hợp lý trong việc sử dụng kinh phí cho các nội dung nghiên cứu | 1 |
| **4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu** *[Mục 17]* |  | | | | |  |  |  | 12 |
| **-** Cách tiếp cận đề án với đối tượng nghiên cứu | 1 |
| - Phương pháp ngiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu | 2 |
| **5. Sản phẩm, lợi ích của đề án và phương án chuyển giao kết quả** *[Mục 21, 22]* |  | | | | |  |  |  | 24 |
| **-** Sản phẩm của đề án phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu | 3 |
| - Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân (bài báo quốc tế, đào tạo sau đại học) | 3 |
| **6. Năng lực tổ chức và cá nhân** *[Hồ sơ năng lực kèm theo]* |  | | | | |  |  |  | 20 |
| **-** Cơ quan chủ trì đề án và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề án. | 2 |
| **-** Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu. | 3 |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |  |  |  | **100** |

***Ghi chú:******Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

***(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)***

*Lưu ý: Người đề xuất nhiệm vụ KHCN được xét ưu tiên giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.*

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

*Ngày.....tháng.....năm 20...*

*(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu PL3-PĐG-TC-CB/CS** (Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ)

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ,  CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KH&CN ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

(Áp dụng đối với đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ)

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên đề tài:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Chuyên giá đánh giá*** | | | | | **Hệ số** | ***Điểm*** | ***∑*** | ***Điểm tối đa*** |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Đánh giá tổng quan** |  | | | | |  |  |  | 8 |
| - Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu *[Định hướng mục tiêu theo đặt hàng và Mục 14.2]* | 1 |
| - Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước *[Mục 14.1]* | 1 |
| **2. Nội dung, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng** *[Mục 16, 17]* |  | | | | |  |  |  | 24 |
| - Các nội dung nghiên cứuphù hợpđể đạt được mục tiêu | 3 |
| - Phương pháp nghiên cứu phù hợp với các nội dung nghiên cứu đề ra | 2 |
| - Kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu | 1 |
| **3. Sản phẩm khoa học và công nghệ** *[Mục 22]* |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Đáp ứng được yêu cầu đặt hàng | 1 |
| - Khả thi khi đăng ký sở hữu trí tuệ | 1 |
| - Khả năng được công bố trên các tạp chí KH&CN uy tín trong/ngoài nước | 1 |
| - Đào đạo sau đại học | 1 |
| **4. Khả năng ứng dụng và dự kiến tác động** *[Mục 22,23, 24]* |  | | | | |  |  |  | 16 |
| **-** Khả năng thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra. | 1 |
| - Phương án chuyển giao kết quả nghiên cứu. | 1 |
| - Mức độ làm rõ được (tên) các địa chỉ sẵn sàng (dự kiến) áp dụng kết quả đề tài. | 2 |
| **5. Tính khả thi** |  | | | | |  |  |  | 16 |
| **-** Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp *[Mục 18 và 19]* | 1 |
| - Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch *[Mục 20]*. | 1 |
| - Dự toán phù hợp với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của đề tài | 2 |
| **6. Năng lực tổ chức và cá nhân** *[Hồ sơ năng lực kèm theo]* |  | | | | |  |  |  | 20 |
| **-** Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài. | 2 |
| **-** Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu. | 3 |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |  |  |  | **100** |

***Ghi chú:******Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

***(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)***

Lưu ý: Người đề xuất nhiệm vụ KHCN được xét ưu tiên giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

*Ngày.....tháng.....năm 20...*

*(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu PL3-PĐG-TC-CB/CS** (Đề tài khoa học xã hội và nhân văn)

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ,  CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KH&CN ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

(Áp dụng đối với đề tài khoa học xã hội và nhân văn)

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên đề tài:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Chuyên giá đánh giá*** | | | | | **Hệ số** | ***Điểm*** | ***∑*** | ***Điểm tối đa*** |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài** |  | | | | |  |  |  | 4 |
| - Mục tiêu của đề tài đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và làm rõ được sự cần thiết phải nghiên cứu; cụ thể hóa định hướng mục tiêu | 1 |
| **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu** *[Mục 13]* |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước. | 2 |
| - Luận giải sự cần thiết, cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn mới của đề tài | 2 |
| **3. Nội dung, phương án tổ chức thực hiện** *[Mục 15, 16, 18, 19]* |  | | | | |  |  |  | 24 |
| - Tính hệ thống, logic, đầy đủ, rõ ràng của các nội dung nghiên cứu | 2 |
| - Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức nghiên cứu | 2 |
| - Phương án phối hợp các tổ chức, cá nhân trong/ngoài nước | 1 |
| - Tính hợp lý trong việc sử dụng kinh phí cho các nội dung nghiên cứu | 1 |
| **4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu** *[Mục 17]* |  | | | | |  |  |  | 12 |
| **-** Cách tiếp cận đề tài với đối tượng nghiên cứu | 1 |
| - Phương pháp ngiên cứu phù hợp với đối tượng nghiên cứu | 2 |
| **5. Sản phẩm, lợi ích của đề tài và phương án chuyển giao kết quả** *[Mục 21, 22]* |  | | | | |  |  |  | 24 |
| **-** Sản phẩm của đề tài phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu | 3 |
| - Tác động tốt đến xã hội, ngành, lĩnh vực; nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân (bài báo trong nước/quốc tế, đào tạo sau đại học) | 3 |
| **6. Năng lực tổ chức và cá nhân** *[Hồ sơ năng lực kèm theo]* |  | | | | |  |  |  | 20 |
| **-** Cơ quan chủ trì đề tài và tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài. | 2 |
| **-** Năng lực và thành tích nghiên cứu của chủ trì và của các thành viên tham gia nghiên cứu. | 3 |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |  |  |  | **100** |

***Ghi chú:******Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

***(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)***

Lưu ý: Người đề xuất nhiệm vụ KHCN được xét ưu tiên giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

*Ngày.....tháng.....năm 20...*

*(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu PL3-PĐG-TC-CB/CS (**dự án sản xuất thử nghiệm)

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ,  CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KH&CN ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

(Áp dụng đối với dự án sản xuất thử nghiệm)

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên dự án:** |  |
| **2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  ***Tên tổ chức:***  ***Họ và tên cá nhân:*** | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | ***Chuyên giá đánh giá*** | | | | | **Hệ số** | ***Điểm*** | ***∑*** | ***Điểm tối đa*** |
| **4** | **3** | **2** | **1** | **0** |
| **1. Đánh giá chung** *[Mục 12, 13]* |  | | | | |  |  |  | 8 |
| - Mức độ làm rõ được xuất xứ của công nghệ và chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án. | 1 |
| - Sản phẩm của dự án có khả năng tạo ra cơ hội kinh doanh. | 1 |
| **2. Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai** *[Mục 14, 15, 16]* |  | | | | |  |  |  | 24 |
| - Mục tiêu của hoàn thiện công nghệ của dự án đáp ứng được yêu cầu đặt hàng của nhà nước. | 1 |
| - Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ xuất xứ. | 1 |
| - Mức độ làm rõ cho giải pháp hoàn thiện công nghệ. | 2 |
| - Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai. | 2 |
| **3. Giá trị của công nghệ** *[Mục 13, 14, 15, 17]* |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Trình độ công nghệ của dự án so với công nghệ trong và ngoài nước. | 1 |
| - Khả năng tạo ra sản phẩm mới từ công nghệ của dự án. | 2 |
| - Tính khả thi của công nghệ được bảo hộ sở hữu trí tuệ. | 1 |
| **4. Lợi ích của dự án** *[Mục 13.2, 13.3, 16]* |  | | | | |  |  |  | 16 |
| **-** Làm rõ lợi ích của dự án đối với đơn vị chủ trì hoặc đơn vị hỗ trợ kinh phí để hoàn thiện công nghệ. | 1 |
| - Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án. | 1 |
| - Lợi ích của khách hàng khi sử dụng sản phẩm dự án. | 1 |
| - Định lượng được những lợi ích khi triển khai dự án | 1 |
| **5. Phương án tài chính** *[Phần III và văn bản pháp lý có liên quan]* |  | | | | |  |  |  | 20 |
| - Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện. | 3 |
| - Sự phù hợp của tổng dự toán. | 2 |
| **6. Năng lực thực hiện** *[Phần III và Mục 13.4, 16]* |  | | | | |  |  |  | 16 |
| - Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia. | 2 |
| - Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính. | 2 |
| **Ý kiến đánh giá tổng hợp** |  | | | | |  |  |  | **100** |

***Ghi chú:******Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:***

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

**Kiến nghị của chuyên gia:** (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện*:*

*1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần*

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

***(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)***

Lưu ý: Người đề xuất nhiệm vụ KHCN được xét ưu tiên giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

***Nhận xét, kiến nghị:***

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

*Ngày.....tháng.....năm 20...*

*(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu PL3-BBKP-TC-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ,  CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KH&CN ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ VÀ CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên nhiệm vụ:** |  | |
| **Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:**  *Tên tổ chức:*  *Họ và tên cá nhân:* | | |
|  | | |
| **1. Số phiếu phát ra:** | | **2. Số phiếu thu về:** |
| **3. Số phiếu hợp lệ:** | | **4. Số phiếu không hợp lệ:** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ủy viên** | **Tiêu chí đánh giá** | | | | | | **Tổng số điểm** |
| Tiêu chí 1 | Tiêu chí 2 | Tiêu chí 3 | Tiêu chí 4 | Tiêu chí 5 | Tiêu chí 6 |
| 1 | Ủy viên thứ nhất |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Ủy viên thứ hai |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Ủy viên thứ ba |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | **......................** |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số**  **điểm trung bình** |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành viên ban kiểm phiếu** | |
| **Thứ ký hành chính**  *(ký, ghi rõ họ và tên)* | **Thư ký khoa học**  *(ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu PL3-THKP-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ,  CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *..........., ngày.....tháng.....năm 20...* |

**BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ VÀ CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM**

**NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

**Tên nhiệm vụ:**

**…………………………………………………………………………………………………..**

**…………………………………………………………………………………………………..**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì** | **Tổng số điểm trung bình của các thành viên hội đồng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thành viên ban kiểm phiếu** | |
| **Thư ký hành chính**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Thư ký khoa học**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu PL3-BBHĐ-TC-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *………, ngày tháng năm 20...* |

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG**

**ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN   
CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

**A. Thông tin chung**

**1.** Tên đề tài/đề án/dự án SXTN:

**2.** Quyết định thành lập Hội đồng:

**3.** Địa điểm và thời gian

**4.** Số thành viên hội đồng có mặt trên tổng số thành viên ......./......người. Vắng mặt .......người, gồm các thành viên:

**5.** Khách mời tham dự họp hội đồng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *TT* | *Họ và tên* | *Đơn vị công tác* |
|  | ... |  |

**6.** Hội đồng nhất trí cử Ông/Bà ............................................................ là thư ký khoa học của hội đồng.

**B. Nội dung làm việc của hội đồng** *(ghi chép của thư ký khoa học):*

*.....................................................................................................................................*

**C. Bỏ phiếu đánh giá**

**1.** Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: ......................................................

- Hai thành viên: ......................................................

**2.** Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá từng hồ sơ đăng ký.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn/giao trong biên bản kiểm phiếu kèm theo.

Kết quả về ngày công được thống nhất sau khi thảo luận trong Hội đồng, trên cơ sở đánh giá, đề xuất của hai ủy viên phản biện

**3**. Kết quả bỏ phiếu

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau chủ trì thực hiện nhiệm vụ:

*Tên tổ chức: ............................................................................................................*

*Họ và tên cá nhân: .................................................................................................*

**D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng** *(kiến nghị về các nội dung cần sửa đổi)*

**1.** Kiến nghị phương thức khoán chi:

*1.1 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng*

*1.2 Khoán chi từng phần*

**2.** Kiến nghị về số công lao động trực tiếp

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số công lao động trực tiếp quy đổi** | | | |
| **Chủ nhiệm** | **Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học** | **Thành viên** | **Kỹ thuật viên,**  **nhân viên hỗ trợ** |
| số công: .... | số công: .... | số công: .... | số công: .... |

**3.** Kiến nghị những nội dung cần sửa đổi:

*.....................................................................................................................................*

Hội đồng đề nghị Tổng cục TCĐLCL xem xét và quyết định.

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ KHOA HỌC**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**CÁC Ý KIẾN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

……………………………………………………………………………………….......

**Mẫu PL3-BCHT-TC-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *……, ngày tháng năm 201….* |

**BÁO CÁO VỀ VIỆC HOÀN THIỆN**

**HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP**

**NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

**I. Những thông tin chung**

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số (nếu có):

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

4. Chủ tịch hội đồng *(ghi rõ họ tên, học vị, học hàm, cơ quan công tác):*

5. Thời gian đánh giá: Bắt đầu: *ngày ... /.... /201…*

Kết thúc: *ngày … /…. /201….*

**II. Nội dung đã thực hiện theo kết luận của hội đồng :**

1. Những nội dung đã bổ sung hoàn thiện *(liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng)*

…………………………………………………………………………………….

2. Những vấn đề bổ sung mới:

…………………………………………………………………………………….

3. Những vấn đề chưa hoàn thiện được (nêu rõ lý do):

…………………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA**  **ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* | **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

* **Ý kiến của Ủy viên phản biện 1**

*(Họ, tên và chữ ký)*

* **Ý kiến của Ủy viên phản biện 2:**
* *(Họ, tên và chữ ký)*
* **Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng:**
* *(Họ, tên và chữ ký)*

**Mẫu PL3-BBTĐ-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập Tự do- Hạnh phúc** |

**BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH KINH PHÍ**

**NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

Căn cứ Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Thông tư về Quy chế quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ;

Trên cơ sở hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ KH&CN và hồ sơ đánh giá của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN.

Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN tiến hành thẩm định là lập biên bản thẩm định với những nội dung sau:

**A. Thông tin chung**

**1. Tên nhiệm vụ:**

Mã số …………………*(nếu có)*

**Thuộc:** - Chương trình cấp Bộ:

- Độc lập:

- Dự án KH&CN:

- Khác:

**2. Cơ quan chủ trì:**

**3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:**

**4.** **Địa điểm và thời gian họp Tổ thẩm định**:

- Địa điểm:………………………………………………..

- Thời gian:……giờ, ngày……..tháng……năm………….

**5**. Số thành viên tham gia tổ thẩm định: ……/…..

Vắng mặt: người; Họ và tên: …………………………………………

**6.** Đại biểu tham dự:

**B. Các ý kiến của thành viên tổ thẩm định:**

*………………………………………………………………………………………………………*

**C. Kết luận của Tổ thẩm định**

***1. Nội dung chuyên môn:***

1.1. Mục tiêu chính của nhiệm vụ *(Ghi cụ thể)*:

*………………………………………………………………………………………………………*

1.2 Các nội dung nghiên cứu chính *(Ghi tên của từng nội dung, tiến độ và thời gian thực hiện)*:

1.3. Các hoạt động khác phục vụ nội dung nghiên cứu:

a. Hội thảo khoa học *(số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức)*:

*………………………………………………………………………………………………………*

b. Khảo sát, công tác trong nước *(Nội dung khảo sát, số đợt khảo sát, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*:

*………………………………………………………………………………………………………*

c. Hợp tác quốc tế *(Nội dung dự kiến hợp tác, số đoàn ra, đoàn vào, số người tham gia, thời gian, địa điểm)*:

*………………………………………………………………………………………………………*

d. Thiết bị, máy móc *(thiết bị, máy móc cần mua: tên, số lượng)*:

*………………………………………………………………………………………………………*

1.4. Dạng sản phẩm, yêu cầu kĩ thuật, chỉ tiêu chất lượng đối với sản phẩm (G*hi cụ thể các sản phẩm chính*):

*………………………………………………………………………………………………………*

1.5. Tiến độ và thời gian thực hiện:…. tháng:

***2. Về kinh phí thực hiện:***

2.1. Tổng kinh phí cần thiết: .................... *triệu đồng*

Trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước: .................................. *triệu đồng*

*(Bằng chữ: .................................................................................. đồng)*

+ Kinh phí từ các nguồn khác: ........................... *triệu đồng*

2.2. Dự kiến nội dung chi từ ngân sách nhà nước:

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung**  **Các khoản chi** | **Kinh phí NSNN** | | | ***Ghi chú*** |
| **Kinh phí** | | **Tỷ lệ**  *( %)* |
| 1 | Trả công lao động  (khoa học, phổ thông) | |  |  |  |
| 2 | Nguyên vật liệu, năng lượng | |  |  |  |
| 3 | Thiết bị, máy móc | |  |  |  |
| 4 | Xây dựng, sửa chữa nhỏ | |  |  |  |
| 5 | Chi khác:  *Trong đó: chi đoàn ra* | |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  | |  |  |

**C. Kiến nghị:**

1. Phương thức thực hiện:

Khoán đến sản phẩm cuối cùng

Khoán từng phần, trong đó:

- Kinh phí khoán: *……………… triệu đồng;*

- Kinh phí không khoán: *……….triệu đồng.*

2. Các kiến nghị khác (nếu có):

Biên bản được lập xong lúc…….giờ, ngày ……tháng……năm…… và đã được Tổ thẩm định nhất trí thông qua.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG** | **TỔ PHÓ** | **THÀNH VIÊN** |

**PL4-HĐ-KHCN**

**MẪU HỢP ĐỒNG**

**Thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng kinh phí phục vụ quản lý nhà nước**

**­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­­**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*..............., ngày ...... tháng ........ năm 20........*

**HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI**

Số: ............................

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ ...........*(Ghicác Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện nhiệm vụnghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ này)*

**CHÚNG TÔI GỒM:**

**1. Bên đặt hàng (Bên A):TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**.

- Do Ông/Bà ......................................................................................

- Chức vụ: .........................................................làm đại diện.

- Địa chỉ: ...........................................................................................

- Điện thoại: ...............................Email:......................................................

**2. Bên nhận đặt hàng (Bên B)gồm:**

***2.1. Tổ chức chủ trì nội dung (chịu trách nhiệm về nội dung và tiến độ thực hiện nhiệm vụ):................***

- Do Ông/Bà:………………………………

- Chức vụ:……………………..làm đại diện

- Địa chỉ:………………………………

***2.2. Tổ chức bảo đảm kinh phí (chịu trách nhiệm bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ)***: .................

- Do Ông/Bà: ...........................................................................................

- Chức vụ: .......................................................... làm đại diện.

- Địa chỉ: ...............................................................................................

- Điện thoại: ............................... Email:......................................................

- Số tài khoản: ..........................................................................................

- Tại: .....................................................................................................

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu triển khai (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Đề tài/Đề án.**

Bên Ađặt hàng vàBên B nhận đặt hàng thực hiện Nhiệm vụ"..."[[11]](#footnote-12) theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ nghiên cứu triển khai đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt(sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

**Điều 2**. **Thời gian thực hiện Hợp đồng**

Thời gian thực hiện nhiệm vụlà ............. tháng, từ tháng....... năm 20.........đến tháng ... năm 20.........

**Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ**

1.Nhiệm vụ được thực hiện theo hình thức[[12]](#footnote-13): Khoán chi một phần/Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

2.Tổng kính phí thực hiện nhiệm vụlà …………. (bằng chữ…..), trong đó:

Kinh phí từ nguồn phục vụ quản lý nhà nước của (*tên tổ chức bảo đảm kinh phí*): …………. (bằng chữ…..)

3. Tiến độ cấp kinh phí:Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minhphù hợp với quy định pháp luật, cụ thể như sau: Tổ chức bảo đảm kinh phí thực hiện ***tạm ứng 50% kinh phí*** thực hiện nhiệm vụ cho tổ chức chủ trì nội dung để triển khai thực hiện nhiệm vụ. Phần kinh phí còn lại của nhiệm vụ sẽ được thanh, quyết toán ngay sau khi nhiệm vụ được hoàn thành và được nghiệm thu mức “đạt”.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên**

**1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b)Phêchức duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài/Đề ánbằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

c) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài/Đề án theo Thuyết minh;

d) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài/Đề án;

đ)Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài/Đề áncủa Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

e) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

f) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án(nếu có)theo quy định của pháp luật;

g) Tiếp nhậnkết quả thực hiện Đề tài/Đề án,bàn giao kết quả thực hiện Đề tài/Đề áncho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặctổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

h) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Đề tài/Đề ánvà thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Đề tài/Đề án (nếu có);

i) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiệnĐề tài/Đề án (nếu có) theo quy định hiện hành;

j) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

**2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

***2.1. Đối với tổ chức chủ trì nội dung:***

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài/Đề án đápứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theoThuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Đề tài/Đề án;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ)Chủ trì, phối hợp với tổ chức bảo đảm kinh phí để kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạnthực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài/Đề án theo quy định của pháp luật;

g)Phối hợp với tổ chức đảm bảo kinh phí thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài/Đề án. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, cótrách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

h) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu củaĐề tài/Đề án (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

i) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

j) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo uỷ quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

k) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiệnĐề tài/Đề án tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tạicác tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

l) Công bốkết quả thực hiện Đề tài/Đề ánsau khi được Bên A cho phép;

m) Chủ nhiệm Đề tài/Đề án cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Đề tài/Đề án và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiệnĐề tài/Đề án theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

n) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;

o) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiệnĐề tài/Đề án theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

p) Chịu trách nhiệm đối với số lượng, khối lượng, chủng loại và chất lượng các sản phẩm của nhiệm vụ. Đồng thời có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, chứng từ thực hiện nhiệm vụ để gửi Tổ chức bảo đảm kinh phí để thanh, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ; hóa đơn, chứng từ thanh toán của nhiệm vụ sẽ đứng tên và mã số thuế của Tổ chức đảm bảo kinh phí.

v) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

***2.2. Đối với tổ chức bảo đảm kinh phí:***

a) Đảm bảo chi trả nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo cam kết đúng thời hạn.

b) Phối hợp với tổ chức chủ trì nội dung để kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạnthực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

c) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài/Đề án theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp với Tổ chức chủ trì nội dung thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài/Đề án. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

đ) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

e) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

f) Phối hợp với tổ chức chủ trì nội dung thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Đề tài/Đề án tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tạicác tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

g) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Đề tài/Đề án theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

h) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

**Điều 5.Chấm dứt Hợp đồng**

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài/Đề ánđã kết thúc và được nghiệm thu.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài/Đề án là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài/Đề án theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài/Đề án theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiệndẫn đến việc Đề tài/Đề án không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Đề tài/Đề án mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng**

1.Đối với Đề tài/Đề án đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài/Đề án đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Tổ chức bảo đảm kinh phí thanh toánđầy đủ kinh phí cho Tổ chức chủ trì nội dung theo quy địnhtại Hợp đồng này.

b) Đề tài/Đề ánđã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Tổ chức chủ trì nội dung có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí đã tạm ứngnhưng chưa sử dụng.

2. Đối với Đề tài/Đề án chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a)Trường hợp Đề tài/Đề ánchấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Tổ chức chủ trì nội dungđã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí đã sử dụng nhằm thực hiện Đề tài/Đề ánvà thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Tổ chức chủ trì nội dung.

b)Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Đề tài/Đề án không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Tổ chức chủ trì nội dungkhông phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài/Đề án cho tổ chức bảo đảm kinh phí, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

**Điều7.Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng[[13]](#footnote-14)**

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việcxử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của Đề tài/Đề án: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

**Điều 8. Điều khoản chung**

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài/Đề án.

2.Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự)[[14]](#footnote-15).

**Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày............ Hợp đồng này được lập thành .... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ ....bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN A**  (Bên đặt hàng)  *(Chữ ký, ghi rõ họ và tên*  *và đóng dấu)* | **BÊN B, bao gồm:**  (Bên nhận đặt hàng)  **Tổ chức chủ trì nội dung**  *(Chữ ký, ghi rõ họ và tên*  *và đóng dấu)* |
|  | **Tổ chức bảo đảm kinh phí**  *(Chữ ký, ghi rõ họ và tên*  *và đóng dấu)* |

**Mẫu PL4-KHCN-HĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*…………, ngày……..tháng……..năm 20……..*

**HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN****[1](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftn1" \o ")………………..**

Số: ..……………….

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ ……..*(Ghi các Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ này)*

**CHÚNG TÔI GỒM:**

**1. Bên đặt hàng (Bên A):** (Ghi tên tổ chức có thẩm quyền ký kết Hợp đồng được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật khoa học và công nghệ).

- Do Ông/Bà ...............................................................................................................

- Chức vụ: ………………………………………………làm đại diện.

- Địa chỉ: .....................................................................................................................

- Điện thoại: …………………………………………………Email: ................................

**2. Bên nhận đặt hàng (Bên B):** (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm):

- Do Ông/Bà: ..............................................................................................................

- Chức vụ: ……………………………………………………làm đại diện.

- Địa chỉ: .....................................................................................................................

- Điện thoại: …………………………… Email: ............................................................

- Số tài khoản: ............................................................................................................

- Tại:............................................................................................................................

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện....[2](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftn2" \o ") (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm.**

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm"..."[3](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftn3" \o ") theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

**Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng**

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là ……… tháng, từ tháng……….năm 20 ……..đến tháng ... năm 20 …….

**Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm**

1. Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được thực hiện theo hình thức[4](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftn4" \o "): Khoán chi một phần/Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Tổng kinh phí thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là ……… (bằng chữ……… ), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:……………. (bằng chữ…..).

+ Kinh phí khoán: ……………. (bằng chữ…..).

+ Kinh phí không giao khoán: ……………. (bằng chữ…..)[5](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftn5" \o ")

- Kinh phí từ nguồn khác: ……………. (bằng chữ…..)[6](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftn6" \o ").

3. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên**

**1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm, bàn giao kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (nếu có);

m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (nếu có) theo quy định hiện hành;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

**2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

m) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

n) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

o) Công bố kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sau khi được Bên A cho phép;

p) Chủ nhiệm Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

q) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm;

r) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

**Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng**

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng**

1. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b)Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước ....[7](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftn7" \o ") tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu do lỗi khách quan hoặc ….8 tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu do lỗi chủ quan.

2. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước ....9 tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu do lỗi khách quan hoặc  ….10 tổng kinh phí ngân sách nhànước đã sử dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm nếu do lỗi chủ quan.

4. Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

**Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng**

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

**Điều 8. Điều khoản chung**

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự).

**Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ……….. Hợp đồng này được lập thành .... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ ....bản./.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN A** (Bên đặt hàng) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu) | **BÊN B** (Bên nhận đặt hàng) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu - nếu có) |

**Mẫu PL4-KHCN-TLHĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
---------------**

*………………., ngày…….…tháng……năm 20……..*

**BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN****[1](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftn10" \o ")……………….**

Số: ……………….

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ …………….*(Ghi các văn bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ này)*

Căn cứ Hợp đồng [2](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftn11" \o ") …………..số……….. ngày ……………………..

**CHÚNG TÔI GỒM:**

**1. Bên đặt hàng (Bên A) là:** (Ghi tên tổ chức có thẩm quyền ký kết Hợp đồng KH&CN được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật khoa học và công nghệ).

- Do Ông/Bà ..............................................................................................................

- Chức vụ: ………………………………………….làm đại diện.

- Địa chỉ: ....................................................................................................................

- Điện thoại:……………………………… Email: ........................................................

**2. Bên nhận đặt hàng (Bên B) là:**(Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm):

- Do Ông/Bà: .............................................................................................................

- Chức vụ: …………………………………………làm đại diện.

- Địa chỉ: ....................................................................................................................

- Điện thoại: ……………………………… Email: ........................................................

- Số tài khoản: ...........................................................................................................

- Tại: ..........................................................................................................................

Cùng thỏa thuận và thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng ……[3](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftn12" \o ") số …..ngày ……(sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Xác nhận kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm**

***Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành***

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm “…..”[4](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftn13" \o "), theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được Bên A phê duyệt và.... *(ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có).*

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là ... tháng, từ tháng... năm 200... đến tháng ... năm 200...

2. Bên A đã tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm ngày....tháng….. năm 20…. *(Kèm theo Bản sao Biên bản đánh giá nghiệm thu và Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ghi nhận kết quả đánh giá nghiệm thu).*

3. Bên B đã thực hiện việc đăng ký, giao nộp kết quả Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm tại Cơ quan thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định. *(Kèm theo Bản sao Biên nhận, xác nhận đã thực hiện đăng ký, giao nộp).*

4. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu, báo cáo nêu trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số .... *(Kèm theo Danh mục liệt kê).*

5. Bên A giao cho bên B lưu trữ các kết quả khác của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,....) *(Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết)*

***Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành:***

1. Bên B đã tổ chức việc thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm “…..”, theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được Bên A phê duyệt và.... *(ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có).*

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là ... tháng, từ tháng... năm 200... đến tháng ... năm 200...

2. Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm “…….” được xác nhận là không hoàn thành*(Kèm theo Quyết định đình chỉ (hoặc dừng) thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoặc Biên bản đánh giá nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm ở mức không đạt và Biên bản xác nhận khối lượng nội dung Bên B đã thực hiện).*

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu và các kết quả khác của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,....) phù hợp với khối lượng công việc đã được xác minh là hoàn thành - nếu có *(Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết).*

**Điều 2. Xử lý tài chính của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm**

***Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành:***

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là: triệu đồng;

2. Kinh phí Bên B đề nghị và đã được Bên A chấp nhận quyết toán là:... triệu đồng.

***Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành:***

1. Kinh phí Bên A đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là: …. triệu đồng;

2. Kinh phí bên B đã sử dụng đề nghị quyết toán là: …… triệu đồng;

3. Kinh phí được bên A chấp nhận quyết toán là: …… triệu đồng

*(Kèm theo Biên bản xác nhận nội dung đã được thực hiện và chấp nhận quyết toán kinh phí của cấp có thẩm quyền);*

4. Số kinh phí bên B phải hoàn trả ngân sách nhà nước là: .... triệu đồng *(Ghi Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định số kinh phí Bên B phải hoàn trả)*

Đến nay Bên B đã hoàn trả xong số kinh phí nêu trên cho ngân sách nhà nước *(Kèm theo tài liệu xác nhận)*

**Điều 3. Xử lý tài sản của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm** *(áp dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành và không hoàn thành)*

Ghi kết quả xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và kết quả xử lý tài sản được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm *(Kèm theo Quyết định xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.)*

Biên bản thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; được lập thành .... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ ….bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN A** (Bên đặt hàng) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu) | **BÊN B** (Bên nhận đặt hàng) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu - nếu có) |

[1](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref1" \o ") Ghi hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Hợp đồng thực hiện Đề án khoa học/Đề tài khoa học và công nghệ/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thử nghiệm.

[2](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref2" \o ") Ghi hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Hợp đồng thực hiện Đề án khoa học/Đề tài khoa học và công nghệ/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thử nghiệm.

[3](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref3" \o ") Ghi tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

[4](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref4" \o ") Lựa chọn và ghi hình thức khoán chi áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt.

[5](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref5" \o ") Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo hình thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng

[6](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref6" \o ") Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có kinh phí từ nguồn khác

[7](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref7" \o "),8,9,10 Các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

[11](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref8" \o ") Bỏ nội dung này đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không có tài sản nào được mua sắm bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

[12](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref9" \o ") Các bên thỏa thuận và chỉ ghi trong Hợp đồng một hình thức giải quyết là Trọng tài hoặc Tòa án.

[1](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref10" \o ") Ghi hình thức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Hợp đồng thực hiện Đề án khoa học/Đề tài khoa học và công nghệ/Dự án khoa học và công nghệ/Dự án sản xuất thử nghiệm.

[2](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref11" \o ") Ghi tên Hợp đồng được thanh lý

[3](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref12" \o ") Ghi tên Hợp đồng được thanh lý

[4](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Thong-tu-05-2014-TT-BKHCN-Mau-hop-dong-nghien-cuu-khoa-hoc-va-phat-trien-cong-nghe-227010.aspx" \l "_ftnref13" \o ") Ghi tên của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

**Mẫu PL5-BCĐK-CB/CS**

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

NhËn ngµy:

...../..../20

Kú:

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

**Nơi nhận báo cáo:**

1. Phòng Khoa học và Công nghệ nội bộ, Vụ Kế hoạch – Tổng hợp

2. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Vụ Kế hoạch Tài chính

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Tên nhiệm vụ**: | | | | | | | | | **2** | Ngày báo cáo | |
|  |  | | | | | | | | |  | Kỳ: | |
| **3** | **Cơ quan chủ trì:** | | | | | | | | | | | |
| **Chủ nhiệm nhiệm vụ:** | | | | | | | | | | | | |
| **4** | | Thời gian thực hiện: tháng, từ đến | | | | | | | | | | |
| **5** | | Tổng kinh phí thực hiện: … triệu đồng | | | | | | | | | | |
| **6** | | Công việc chính đã thực hiện tính từ ngày / /20… đến kỳ báo cáo | | | | | | | | | | |
|  | | ………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | |
| **7** | | *Số lượng (cộng luỹ kế)\* sản phẩm khoa học công nghệ (kết quả KHCN) cụ thể đã* hoàn thành đến ngày báo cáo | | | | | | | | | | |
|  | | **Bảng 1** | | | | | | | | | | |
| **TT** | | Tên sản phẩm | | Đơn vị đo | | Số lượng | | | | | | |
| Kế hoạch theo hợp đồng | | Thực hiện | | | | |
| Trước kỳ báo cáo | | | Trong kỳ báo cáo | Tổng số |
| 1 | | 2 | | 3 | | 4 | | 5 | | | 6 | 7 |
|  | | … | |  | |  | |  | | |  |  |
| **8** | | *Số lượng sản phẩm đã được sử dụng hoặc tiêu thụ và doanh thu bán sản phẩm (nếu* | | | | | | | | | | |
|  | | *có)* **Bảng 2** | | | | | | | | | | |
| **TT** | | Tên sản phẩm | Đơn vị đo | | Số lượng | | Doanh thu. tr.đ. | | Đơn vị sử dụng | | | |
|  | | … |  | |  | |  | |  | | | |
|  | | *Tổng cộng:* |  | |  | |  | |  | | | |

**\* Ghi chú:** Cộng luỹ kế các kỳ báo cáo trước

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 9 | *Chất lượng, yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm trong kỳ báo cáo (loại 1)* | | | | | | | | | | | |
|  | **Bảng 3** | | | | | | | | | | | |
| TT | Tên sản phẩm và chỉ tiêu  chất lượng chủ yếu | | | | | | Đơn vị đo | Mức chất lượng | | | | |
| Kế hoạch | | | Thực hiện | |
| 1 | 2 | | | | | | 3 | 4 | | | 5 | |
|  | *…* | | | | | |  |  | | |  | |
| 10 | *Yêu cầu khoa học đối với sản phẩm tạo ra (dạng kết quả II.III)* | | | | | | | | | | | |
|  | **Bảng 4** | | | | | | | | | | | |
| TT | Tên sản phẩm | | | Yêu cầu khoa học | | | | | | Chú thích | | |
| 1 | 2 | | | 3 | | | | | | 4 | | |
|  | … | | |  | | | | | |  | | |
| **11** | Nhận xét và đánh giá kết quả đạt được (trong thời gian liên quan đến báo cáo) | | | | | | | | | | | |
| ……………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | | |
| **12** | **Kinh phí Bảng 5** | | | | | | | | | | | |
| a) Kinh phí luỹ kế đã được cấp trước kỳ báo cáo là: triệu đồng  b) Kinh phí đã được cấp trong kỳ báo cáo: | | | | | | | | | | | | |
| Đợt 1 | | Thời gian | | | | | Số tiền (triệu đồng) | | | | | |
| 1 | | /20… | | | | |  | | | | | |
| **Cộng luỹ kế (a và b)** | | | | | | |  | | | | | |
| **13** | *Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện đề tài /Dự án tính đến kỳ báo cáo (tr. đồng)* | | | | | | | | | | | |
|  | **Bảng 6** | | | | | | | | | | | |
| **TT** | Thời gian sử dụng | | Tổng số tiền đã sử dụng | | Trong đó | | | | | | | |
| Thuê khoán chuyên môn | | Nguyên vật liệu năng lượng | Thiết bị máy móc | Xây dựng nhỏ, sửa chữa | | | Khác |
| **1** | 2 | | 3 | | 4 | | 5 | 6 | 7 | | | 8 |
|  | **Tổng kinh phí (a và b)**  Trong đó: | |  | |  | |  |  |  | | |  |
|  | a) *Ngân sách SNKH* | |  | |  | |  |  |  | | |  |
|  | - Tính đến kỳ báo cáo | |  | |  | |  |  |  | | |  |
|  | - Trong kỳ báo cáo | |  | |  | |  |  |  | | |  |
|  | **Cộng** | |  | |  | |  |  |  | | |  |
|  | b) *Các nguồn vốn khác* | |  | |  | |  |  |  | | |  |
|  | Kinh phí đã được sử dụng tính đến kỳ báo cáo | | | | | | | | | | | |
|  | Tổng kinh phí đã được cấp:  Tổng kinh phí đã sử dụng:  Số kinh phí đã quyết toán: | | | | | | triệu đồng  triệu đồng  triệu đồng | | | | | |
| Các khoản chi lớn trong thời gian liên quan đến báo cáo:  ……………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | | |
| **14** | Những vấn đề tồn tại cần giải quyết | | | | | | | | | | | |
| ……………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | | |
| **15** | Dự kiến những công việc cần triển khai tiếp trong thời gian tới | | | | | | | | | | | |
| ……………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | | |
| **16** | Kết luận và kiến nghị | | | | | | | | | | | |
| ……………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | | |
| **Chủ nhiệm nhiệm vụ**  (Họ, tên và chữ ký) | | | | | | **Thủ trưởng cơ quan chủ trì nhiệm vụ**  (Họ, tên, chữ ký và đóng dÊu) | | | | | | |

**Mẫu PL5-BBKTĐK-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *……… , ngày tháng năm 20…* |

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

1. Tên nhiệm vụ:
2. Mã số (nếu có):
3. Thời gian thực hiện:
4. Tổng kinh phí:
5. Chủ nhiệm nhiệm vụ:
6. Cơ quan chủ trì:
7. Họ và tên, chức trách thành viên đoàn kiểm tra:
8. Các nội dung nghiên cứu đã thực hiện:
9. Các sản phẩm đã hoàn thành:
10. Tình hình sử dụng kinh phí:
11. Kiến nghị của chủ nhiệm nhiệm vụ và cơ quan chủ trì:
12. Kết luận và đánh giá chung về tình hình thực hiện nhiệm vụ:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cơ quan chủ trì**  (Họ,tên và chữ ký) | **Đại diện các cơ quan phối hợp tham gia  kiểm tra**  (Họ,tên và chữ ký) | **Trưởng đoàn**  **Đoàn kiểm tra**  (Họ,tên và chữ ký) |

**Mẫu PL6-BCTH-CB/CS**

**MẪU BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

Báo cáo gồm 3 phần chính: Phần đầu, phần chính, phần cuối.

**I. PHẦN ĐẦU BÁO CÁO**

1. Trang bìa trước

- Tên đầy đủ Bộ chủ quản và đơn vị chủ trì.

*(Thông tin này viết chính giữa phần trên cùng của trang, cỡ chữ 14, chữ hoa, đậm)*

- Tên báo cáo (tổng hợp hoặc tóm tắt) và tên nhiệm vụ.

*(viết chính giữa trung tâm trang bìa, cỡ chữ 16, chữ hoa, đậm)*

- Học hàm, học vị, họ tên chủ nhiệm.

*(viết góc dưới bên phải của trang, cỡ chữ 14, đậm, nghiêng)*

- Địa điểm và thời gian hoàn thành báo cáo.

*(viết chính giữa phần cuối trang, cỡ chữ 14, nghiêng)*

2. Trang nhan đề

Danh sách những người thực hiện chính *(viết đầy đủ họ tên, chức vụ, học hàm, học vị và tên cơ quan công tác của chủ nhiệm và những người thực hiện chính).*

3. Mục lục

Mục lục bao gồm danh mục các phần chia nhỏ của báo cáo và các phụ lục cùng với số trang. Ngoài ra, mục lục có thể bao gồm cả danh mục các hình và bảng.

4. Bảng chú giải các chữ viết tắt, ký hiệu chữ quy ước, ký hiệu dấu, đơn vị, thuật ngữ dùng trong báo cáo, ...

**II. PHẦN CHÍNH BÁO CÁO**

1. Lời mở đầu

Nêu ngắn gọn phạm vi, mục đích của đề tài, quan hệ của nó với các công trình nghiên cứu khác và tóm tắt các nét tiếp cận chính.

1. Nội dung chính của báo cáo

Nội dung chính của báo cáo được chia thành các Chương có đánh số và các Chương đó phải bao quát các vấn đề: lý thuyết, phương pháp, kết quả, bình luận hoặc kiến nghị.

Lý thuyết, phương pháp và kết quả trong nội dung chính của báo cáo không viết quá chi tiết, nhưng phải mô tả đầy đủ để người đọc có trình độ thích hợp trong lĩnh vực này có thể lặp lại được các bước triển khai.

Tất cả những hình và các bảng dùng để giải trình nội dung chính phải đưa vào phần chính báo cáo.

Có thể soạn thảo các đoạn bình luận riêng biệt về các khía cạnh mới của đề tài hoặc soạn thảo các nhận xét đối với các kết quả thu được và lập luận đưa đến kết luận và kiến nghị.

Trong nội dung chính của báo cáo cần phải phản ánh:

2.1 Mục tiêu của nhiệm vụ

*(Nhiệm vụ nhằm giải quyết mục tiêu gì - nêu mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể)*

* + 1. 2.2 Tổng quan tình hình nghiên cứu và luận giải sự cần thiết triển khai nhiệm vụ

- Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước

- Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước

- Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu có liên quan (tên công trình, tham gia, nơi và năm công bố)

- Phân tích, đánh giá cụ thể những vấn đề KH&CN còn hạn chế, tồn tại của sản phẩm, công nghệ nghiên cứu trong nước và các yếu tố, các nội dung cần đặt ra nghiên cứu, giải quyết ở đề tài này.

2.3 Cách tiếp cận

*(nêu phương pháp luận, quan điểm và cách thức giải quyết vấn đề)*

2.4 Đối tượng nghiên cứu

- Lập luận việc chọn đối tượng triển khai, cách tiếp cận và triển khai;

- Lập luận phương pháp triển khai và kỹ thuật đã sử dụng;

- Lập luận về tính mới, tính sáng tạo và hiệu quả công nghệ, kinh tế của nhiệm vụ ...

2.5 Phương pháp nghiên cứu

*(Luận cứ rõ việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng; làm rõ tính mới, tính độc đáo của Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng)*

2.6 Những nội dung đã thực hiện

- Ghi rõ những nội dung cụ thể đã thực hiện của nhiệm vụ, những hạng mục chủ yếu đã được tiến hành, trong đó trình bày đầy đủ và toàn diện quá trình hoàn thiện công nghệ hoặc thích nghi/làm chủ/hợp lý hoá công nghệ và (hoặc) thử nghiệm đã tiến hành;

- Số mẫu hoặc số lần thử nghiệm cần thiết để thu được kết quả tin cậy;

- Các số liệu thu được và kết quả điều tra, khảo sát, kiểm tra, đo đạc ...;

- Đánh giá sai số đo và tính đại diện của số liệu;

- Nhận xét và đánh giá những số liệu hoặc kết quả thí nghiệm /thử nghiệm thu được rút ra kết luận của từng phần triển khai ...

2.7 Tổng quát hoá và đánh giá kết quả thu được

- Đánh giá độ tin cậy của các kết quả thu được (các đặc trưng, thông số, chủ tiêu chất lượng) và so sánh chúng với các kết quả của mẫu tương tự trong và ngoài nước;

- Đánh giá tính ổn định công nghệ và sơ bộ tính toán hiệu quả so với phương án nhập công nghệ;

- Đánh giá kết quả đào tạo và nâng cao trình độ của nhiệm vụ;

- Đánh giá đầy đủ và toàn diện kết quả thu được so với đề cương Thuyết minh nhiệm vụ và nội dung đã ghi trong hợp đồng đã ký, kể cả việc chi tiêu tài chính ...

1. Kết luận và kiến nghị

Các kết luận và kiến nghị cần trình bày thành một chương riêng và không đánh số.

Trong phần kết luận phải trình bày ngắn gọn các kết quả của nhiệm vụ và rút ra các kết luận một cách rõ ràng. Cũng có thể đưa vào phần kết luận những số liệu định lượng nhưng không trình bày lập luận chi tiết.

Trong phần kiến nghị phải đề xuất việc sử dụng và áp dụng các kết quả đó, đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật do áp dụng mang lại, chỉ ra giá trị của các kết quả đã được tạo ra về mặt KH&CN, về kinh tế - xã hội và các kiến nghị khác.

1. Lời cảm ơn *(nếu có)*

Có thể viết lời cảm ơn đối với tổ chức và cá nhân đã giúp đã thiết thực và hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

1. Tài liệu tham khảo

Sắp xếp danh mục các nguồn tài liệu và sách xuất bản đã tham khảo để tiến hành đề tài vào cuối phần chính báo cáo.

Nguồn tài liệu thường được trình bày theo thứ tự sau đây:

Họ tên tác giả/Nhan đề/Các yếu tố về xuất bản.

Trong khi viết báo cáo, nếu nội dung liên quan đến tài liệu tham khảo thì sau nội dung đó phải viết số thứ tự trong danh mục tài liệu tham khảo trong ngoặc vuông []

**III. PHẦN CUỐI CỦA BÁO CÁO**

1. Phụ lục

Các giải thích, bảng biểu cần thiết để làm sáng tỏ và hoàn chỉnh báo cáo.

2. Bìa sau

Phía trong của trang bìa sau có thể được sử dụng viết các địa chỉ cần gửi báo cáo *(nếu cần thiết)*.

**THỐNG NHẤT HÓA TRONG BÁO CÁO**

***- Đơn vị đo lường***

Phải sử dụng đơn vị đo lường hợp pháp của Việt Nam, nếu dùng đơn vị khác thì phải viết cả giá trị chuyển đổi và đặt trong dấu ngoặc đơn ()

***- Kích thước báo cáo***

Báo cáo phải được in trên khổ giấy A4 (210 mm x 297 mm), font chữ Times New Roman, cỡ chữ 14, riêng các tiêu đề sử dụng cỡ chữ 14, chữ hoa. Lề trái là 3cm, lề phải 2cm, lề trên và lề dưới là 2cm. Báo cáo đóng thành quyển với trang bìa trước và bìa sau.

**Mẫu PL6-CVĐNNT-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ**  **NHIỆM VỤ**  Số: ........ /........  V/v: Đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *........, ngày tháng năm 201...* |

Kính gửi: ………..

Căn cứ Thông tư số 33/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ,

……….………. (*Tên Tổ chức chủ trì nhiệm vụ*) đề nghị ……. xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ, cấp cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau đây:

Tên nhiệm vụ:

Mã số:

Hợp đồng số:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (*nếu có*) đến:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá nhiệm vụ cấp Bộ, gồm:

1. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.

3. Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.

4. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

5. Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích…), sổ nhật ký của nhiệm vụ.

7. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

8. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

9. Các tài liệu khác (*nếu có*).

Số lượng hồ sơ gồm:

- 01 bộ *(bản gốc*) đầy đủ tài liệu kể trên;

- 01 bản điện tử về các file báo cáo ghi trên đĩa quang *(dạng PDF, không cài đặt bảo mật)*.

Đề nghị ….. …. xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - …… | **THỦ TRƯỞNG**  **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* |

**Mẫu PL6-BCTĐG-CB/CS**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*.............., ngày tháng năm 201…*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

1. Tên nhiệm vụ:

- Mã số (nếu có):

- Thuộc Chương trình *(tên, mã số chương trình):*

- Độc lập

- Khác *(ghi cụ thể)*:

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

5. Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu:

Kết thúc:

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền *(nếu có)*:

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh khoa học, học vị** | **Cơ quan công tác** |
| 1 |  |  |  |
| … |  |  |  |

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | | | **Khối lượng** | | | **Chất lượng** | | |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …. | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

1.3.Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng *(nếu có)*:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Thời gian ứng dụng** | **Tên cơ quan ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

…………………………………………………………………………………………...

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế:…………………………………………………………….

3.2. Hiệu quả xã hội: …………………………………………………………….

**III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* |  |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* |  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* |  |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

*- Đạt*

*- Không đạt*

Giải thích lý do:.................................................................................................................

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  (*Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký*) | **THỦ TRƯỞNG**  **TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*) |

**Mẫu PL6-BCSDKP-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐƠN VỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO SỬ DỤNG KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

**1. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

- Tên nhiệm vụ:

- Đơn vị chủ trì:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ

**2. Quyết định phê duyệt:**

**3. Hợp đồng thực hiện:**

**3. Kinh phí được duyệt:** ...................................., *trong đó*

- Ngân sách nhà nước

- Nguồn khác

**4. Kinh phí thực hiện**: ....................................., *trong đó*

- Ngân sách nhà nước

- Nguồn khác

**5. Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện nhiệm vụ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***TT*** | ***Hạng mục chi*** | ***Kinh phí***  *(X 1.000 đ)* | ***Ghi chú***  ***(Mã số chứng từ***  ***hợp đồng, hoá đơn...)*** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  | ***Tổng cộng:*** |  |  |

*........., ngày..... tháng..... năm 200....*

**Kế toán Thủ trưởng**

**Đơn vị chủ trì nhiệm vụ Đơn vị chủ trì nhiệm vụ**

*( Họ và tên, ký tên) (Họ và tên, ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu PL6-PNX-NT-CB/CS** (Đề tài khoa học xã hội và nhân văn, đề án khoa học)

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**  **ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *…..….., ngày tháng năm 201…..* |

**PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Áp dụng đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn,

đề án khoa học)

**I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG:**

1. Tên nhiệm vụ:

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

3. Tổ chức chủ trì:

4. Mã số nhiệm vụ (nếu có):

2. Chuyên gia nhận Hồ sơ: ngày tháng năm 201

3. Họ và tên chuyên gia nhận xét (chức danh khoa học, học vị):

**II. PHẦN NHẬN XÉT:**

*(Trình bày quan điểm và ý kiến riêng của người nhận xét theo các tiêu chí tương ứng với từng sản phẩm cụ thể)*

**1. Ý kiến nhận xét Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ**

a) Về thành công và hạn chế (cấu trúc báo cáo, nội dung báo cáo; thuật ngữ, văn phong; tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật của số liệu qua kết quả điều tra, khảo sát; phân tích, lập luận khoa học của báo cáo…)

b) Về nội dung hoặc vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện:

**2. Ý kiến nhận xét về sản phẩm khoa học của nhiệm vụ:**

*2.1. Ý kiến nhận xét về từng sản phẩm*:

a) Về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt đối với sản phẩm (số lượng, chủng loại, chất lượng):

b) Về giá trị khoa học; về giá trị thực tiễn của từng sản phẩm:

*2.2. Ý kiến nhận xét về sản phẩm khác (nếu có) (sách khoa học; bài báo; kết quả đào tạo cán bộ khoa học)*

**3. Ý kiến nhận xét về tiến độ thực hiện nhiệm vụ:**

*(Căn cứ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu)*

**4. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ**

*a) Về những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ:*

- Cơ sở khoa học và tính trung thực của từng kết quả nghiên cứu mới:

- Giá trị khoa học và đóng góp của kết quả nghiên cứu mới vào việc phát triển lý thuyết, lý luận hiện có:

- Giá trị thực tiễn và dự kiến triển vọng tác động xã hội từ kết quả nghiên cứu mới của nhiệm vụ:

*b) Xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ:*

Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại đạt bởi những lý do cụ thể dưới đây:

Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại không đạt bởi những lý do cụ thể dưới đây và Nêu cụ thể những nội dung đã thực hiện so với hợp đồng, những nội dung chưa thực hiện so với hợp đồng :

**5. Kiến nghị của thành viên Hội đồng:**

a) Đề nghị Hội đồng khoa học kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ nghiệm thu các sản phẩm khoa học dưới đây:

b) Đề nghị Hội đồng khoa học đề xuất (địa chỉ) cơ quan tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ:

*(Nêu cụ thể nội dung kết quả nghiên cứu, tên sản phẩm sẽ chuyển giao đến những cơ quan, địa chỉ áp dụng cụ thể)*

**CHUYÊN GIA NHẬN XÉT**

*(Họ, tên và chữ ký)*

**Mẫu PL6-PNX-NT-CB/CS**

(Đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, dự án SNTN, dự án KH&CN)

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**  **ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ,  CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *…..….., ngày tháng năm 201…..* |

**PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

(Áp dụng đối với đề tài trong lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, dự án SNTN, dự án KH&CN)

|  |  |
| --- | --- |
| **Ủy viên phản biện**: |  |
| **Uỷ viên**: |  |

**1. Tên nhiệm vụ:**

Mã số (nếu có):

* Thuộc Chương trình:
* Độc lập:
* Khác:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

**2. Chuyên gia nhận xét:**

Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*

Chuyên gia nhận Hồ sơ: *ngày ………… tháng ………… năm 201…*

**3. Nhận xét:**

3.1.Về báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả:

*Nhận xét cụ thể, chi tiết về mức độ rõ ràng, lô-gíc của báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt; tổng quan các vấn đề liên quan đến nội dung của nhiệm vụ, mức độ tiên tiến, hiện đại của phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng; tác động của kết quả đối với kinh tế, xã hội; mức độ sẵn sàng chuyển giao kết quả nghiên cứu và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) v.v. Để kết luận, chuyên gia chỉ rõ bản báo cáo đã hoàn thiện chưa? Cần phải sửa chữa, bổ sung những điểm gì hoặc không đạt yêu cầu.*

3.2. Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng:

*(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ, chuyên gia cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về chủng loại sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)*

3.3. Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng:

*(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ , chuyên gia cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)*

3.4. Về chất lượng sản phẩm so với đặt hàng:

*(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ , chuyên gia cần phân tích, đánh giá chi tiết, cụ thể đối với từng chỉ tiêu về chất lượng đối với mỗi sản phẩm theo đặt hàng, có nhận xét chính xác, khách quan)*

3.5. Về tiến độ thực hiện:

*(Căn cứ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu)*

**4. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

Đạt

Lý do cụ thể:

Không đạt

Lý do cụ thể *(cần ghi rõ những nội dung đã/chưa thực hiện so với hợp đồng)*

**5. Các tồn tại và đề xuất hướng/biện pháp giải quyết** *(bắt buộc):*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHUYÊN GIA NHẬN XÉT**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu PL6-PĐG-NT-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**  **ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ,  CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *….., ngày tháng năm 201…..* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

**1. Thông tin chung về nhiệm vụ**:

- Tên nhiệm vụ:

- Mã số nhiệm vụ (nếu có):

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

**2. Chuyên gia đánh giá:**

- Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*

- Ngày nhận hồ sơ: *ngày … tháng …… năm 201…*

**3. Đánh giá:**

**A. Đánh giá báo cáo tổng hợp:**

Đạt: Báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu; hoặc Báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung

và có thể hoàn thiện

Không đạt: Không thuộc 2 trường hợp trên

**B. Đánh giá về số lượng, khối lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng, khối lượng sản phẩm** | | | | **Ghi chú**  *(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)* |
| **Theo đặt hàng** | **Thực tế đạt được** | **Đánh giá của chuyên gia** | |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| 1 | *Sản phẩm thứ 1* |  |  |  |  |  |
| 2 | *Sản phẩm thứ 2* |  |  |  |  |  |
| … | *…..* |  |  |  |  |  |

**C. Đánh giá về chất lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Chất lượng** | | | | **Ghi chú**  *(Giải thích về kết quả đánh giá của chuyên gia)* |
| **Theo đặt hàng** | **Thực tế đạt được** | **Đánh giá của chuyên gia** | |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| 1 | *Sản phẩm thứ 1* |  |  |  |  |  |
| 2 | *Sản phẩm thứ 2* |  |  |  |  |  |
| … | *……* |  |  |  |  |  |

**D. Đánh giá về chủng loại sản phẩm:**

Đạt: Khi số lượng chủng loại, vượt hoặc đủ theo đặt hàng

Không đạt: Khi không đáp ứng đặt hàng

**E. Đánh giá về thời gian nộp hồ sơ:**

Nộp đúng hạn:

Nộp chậm từ 30 ngày đến 06 tháng:

Nộp chậm trên 06 tháng:

|  |  |
| --- | --- |
| **4. Xếp loại nhiệm vụ** *(đánh dấu* X *vào ô tương ứng phù hợp)***:** |  |
| * **Đạt yêu cầu***: đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau*   + Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức đạt trở lên.  + Ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng).  + Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên |  |
| * **Không đạt**: không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng |  |

**5. Ý kiến đánh giá khác** *(nếu có):*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu PL6-BBKP-NT-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**  **ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ,  CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *….., ngày tháng năm 201…..* |

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

**1. Thông tin chung về nhiệm vụ**:

- Tên nhiệm vụ:

- Mã số nhiệm vụ (nếu có):

- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

**2. Kết quả đánh giá:**

- Số phiếu phát ra: - Số phiếu thu về:

- Số phiếu hợp lệ: - Số phiếu không hợp lệ:

| **Họ và tên**  **thành viên Hội đồng** | **Kết quả đánh giá** | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| Thành viên 1 |  |  |  |
| …….. |  |  |  |
| Tổng số: |  |  |  |

**3. Xếp loại nhiệm vụ** *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng phù hợp)***:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| * **Đạt**: Nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 thành viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Đạt”; | | |  |
| * **Không đạt**: Nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số thành viên hội đồng có mặt đánh giá mức “Không đạt”. | | |  |
|  | | |  |
| **Thành viên ban kiểm phiếu** | | **Trưởng ban kiểm phiếu - Thư ký khoa học**  *(Họ, tên và chữ ký)* | | |
| **Thư ký hành chính**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **Thư ký khoa học**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu PL6-BBHĐ-NT-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN**  **ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU**  **NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *….., ngày tháng năm 201…..* |

**BIÊN BẢN HỌP**

**HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU**

**KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ,   
CẤP CƠ SỞ**

**I. Những thông tin chung**

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số nhiệm vụ (nếu có):

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia *(nếu có)*

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Thời gian:

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

Địa điểm:

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:

Vắng mặt: người, gồm:

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Đơn vị công tác | Họ và tên |
| 1 |  |  |
|  | … |  |

**II. Nội dung làm việc của HHội đồng**

Sau khi Ông/Bà ........................................đại diện cơ quan nghiệm thu công bố quyết định thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu, danh sách các thành viên hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự phiên họp,

1. Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) điều khiển phiên họp hội đồng:

- Thông qua chương trình làm việc của hội đồng;

- Bầu ……….. ……….. ……….. là thư ký khoa học

- Cử .……….. ……….. ……….. là thành viên ban kiểm phiếu;

2. Hội đồng đã nghe Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày báo cáo tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo các sản phẩm khoa học và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ;

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng; cung cấp thông tin, giải trình và bảo vệ kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

5. Hội đồng họp riêng:

5.1. Hội đồng đã nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có);

- Phiếu nhận xét của uỷ viên phản biện;

- Phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có).

5.2.Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các uỷ viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá của các uỷ viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả của nhiệm vụ theo từng nội dung theo quy định; Hội đồng đã thực hiện đánh giá kết quả của nhiệm theo mẫu.

5.3.Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

6. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

6.1. Về mức độ đáp ứng được yêu cầu số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm theo đặt hàng và hợp đồng NCKH của các kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng:

b) Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng:

c) Về sản phẩm khoa học đạt vượt hợp đồng; những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ (nếu có):

6.2. Về chất lượng sản phẩm và giá trị khoa học, giá trị thực tiễn của các kết quả thực hiện nhiệm vụ

6.3. Kết quả đánh giá xếp loại chung của nhiệm vụ:

a) Kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng ở mức sau *(đánh* ***√*** *vào ô tương ứng)*:

Đạt  Không đạt

b) Phần luận giải của hội đồng khoa học về kết quả đánh giá, xếp loại *(chọn* ***√*** *vào ô tương ứng và luận giải)*:

Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại “đạt” bởi những lý do cụ thể dưới đây:

Kết quả thực hiện nhiệm vụ được xếp loại “không đạt” bởi những lý do cụ thể dưới đây:

-

-

Những nội dung đã thực hiện và chưa thực hiện theo hợp đồng:

-

-

6.4. Kiến nghị của Hội đồng:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt ở những vấn đề sau (nếu có):

……………………………………………………………………………………

b) Đề nghị Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng nghiệm thu các sản phẩm dưới đây:

Danh mục sản phẩm khoa học đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và hợp đồng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên sản phẩm** | **Ghi chú** |
|  | …. |  |

c) Chuyển giao, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ:

(nêu cụ thể cơ quan, địa chỉ áp dụng, sử dụng từng kết quả thực hiện nhiệm vụ)

d) Công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:

đ) Không công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Biên bản họp hội đồng được thông qua với sự thống nhất của các thành viên Hội đồng dự họp vào ........ ngày ..... tháng ..... năm....

|  |  |
| --- | --- |
| **THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* | **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN**

**HỘI ĐỒNG KH&CN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

|  |
| --- |
| **THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

**Mẫu BCHT-NT-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *……, ngày tháng năm 201….* |

**BÁO CÁO VỀ VIỆC HOÀN THIỆN**

**HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CẤP BỘ, CẤP CƠ SỞ**

**I. Những thông tin chung**

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số (nếu có):

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

3. Tổ chức chủ trì:

4. Chủ tịch hội đồng *(ghi rõ họ tên, học vị, học hàm, cơ quan công tác):*

5. Thời gian họp Hội đồng đánh giá: Bắt đầu: *ngày ... /.... /201…*

Kết thúc: *ngày … /…. /201….*

**II. Nội dung đã thực hiện theo kết luận của hội đồng :**

1. Những nội dung đã bổ sung hoàn thiện *(liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng)*

*………………………………………………………………………………………………………*

2. Những vấn đề bổ sung mới:

*………………………………………………………………………………………………………*

3. Những vấn đề chưa hoàn thiện được (nêu rõ lý do):

*………………………………………………………………………………………………………*

**III. Kiến nghị của chủ nhiệm nhiệm vụ** (nếu có):

*………………………………………………………………………………………………………*

|  |  |
| --- | --- |
| **XÁC NHẬN CỦA**  **ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  *(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)* | **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**  *(Họ, tên và chữ ký)* |

* **Ý kiến của Ủy viên phản biện 1**

*(Họ, tên và chữ ký)*

* **Ý kiến của Ủy viên phản biện 2:**
* *(Họ, tên và chữ ký)*
* **Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng:**
* *(Họ, tên và chữ ký)*

**Mẫu PL6-CNQK-CB/CS**

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  **TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN  ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**  Số: /QĐ-BKHCN | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 201…* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận kết quả thực hiện**

**nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp cơ sở**

**TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN   
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG**

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 27/2014/QĐ-TTg ngày 04 tháng 04 năm 2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Căn cứ vào Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ được thành lập theo Quyết định số /QĐ-TĐC ngày tháng năm 201... của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ “……..”, mã số (nếu có).......

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì:

**Điều 2.** Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch Tài chính, Chủ nhiệm nhiệm vụ, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Lưu VT, KHTC. | **TỔNG CỤC TRƯỞNG** |

**Mẫu PL7-BBBGKQ-KHCN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN BÀN GIAO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số [08/2014/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=08/2014/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 01/9/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., chúng tôi gồm:

**A- Đại diện bên giao:**

Ông (Bà): ………………………………….. Chức vụ: ………………………………...

Ông (Bà): ………………………………….. Chức vụ: ………………………………...

**B- Đại diện bên nhận:**

Ông (Bà): ………………………………….. Chức vụ: ………………………………...

Ông (Bà): ………………………………….. Chức vụ: ………………………………...

Thực hiện bàn giao và tiếp nhận tài sản là kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ như sau:

1. Danh mục tài sản là kết quả từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ bàn giao:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản (chi tiết theo từngloại tài sản)** | **Đơn vị tính** | **Năm đưa vào sử dụng** | **Nhập khi kiểm kê** | **Giá trị tài sản (nếu có)** | **Ghi chú** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
|  | **A. Tài sản hữu hình** |  |  |  |  |  |
|  | Gồm: |  |  |  |  |  |
|  | **B. Tài sản vô hình** |  |  |  |  |  |
|  | Gồm: |  |  |  |  |  |
|  | **C. Tài sản khác** |  |  |  |  |  |
|  | Gồm: |  |  |  |  |  |

2. Các hồ sơ về tài sản bàn giao:

3. Ý kiến các bên giao nhận:

a. Bên nhận: …………………………………..…………………………………………

b. Bên giao: …………………………………..………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN** *(Ký tên và đóng dấu)* | **ĐẠI DIỆN BÊN GIAO** *(Ký tên và đóng dấu)* |

**Mẫu PL7-DMTS-KHCN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:**  **Tên nhiệm vụ:** |  |

**DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ**

*ĐVT cho: Số lượng: cái; Giá trị: nghìn đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Danh mục tài sản** | **Số hiệu tài sản** | **Nước sản xuất** | **Năm sản xuất** | **Năm sử dụng** | **Nguồn hình thành tài sản** | **Nguyên giá** | | | **Giá trị còn lại** | **Hình thức xử lý** |
| **Tổng cộng** | **Trong đó** | |
| **NguồnNS** | **Nguồn khác** |
| **I** | **Tài sản được trang bị để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Tài sản là kết quả của quá trình thực hiệnnhiệm vụKHCN** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Tài sản là vật tư thu được trong quá trình thực hiệnnhiệm vụKHCN** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú: ………..**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *…., ngày … tháng … năm …* **NGƯỜI LẬP BIỂU** *(Ký, họ tên)* | *…, ngày … tháng … năm …* **CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ** *(Ký, họ tên)* | *…, ngày … tháng … năm …* **THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ** *(Ký, họ tên và đóng dấu)* |

**Mẫu PL7-BBKKTS-KHCN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Tên nhiệm vụ:

2. Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

3. Cơ quan chủ quản:

4. Ngày ………. tháng ……… năm ………..

5. Thành phần gồm:

- Ông (bà): ………………………. Chức vụ: ……………………….

- Ông (bà): ………………………. Chức vụ: ……………………….

6. Kết quả kiểm kê:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Đơn vị tính** | **Số lượng/ Khối lượng tài sản** | | | **Ghi chú** |
| **Theo sổ kế toán** | **Thực tế kiểm kê** | **Chênh lệch** |
| **I** | **Tài sản được trang bị để thực hiện nhiệm vụ KHCN** |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
|  | ……………. |  |  |  |  |  |
| **II** | **Tài sản là kết quả của quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN** |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
|  | …………… |  |  |  |  |  |
| **III** | **Tài sản là vật tư thu được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN** |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
|  | …………… |  |  |  |  |  |

**Xác nhận của người tham gia kiểm kê:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ông, bà** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Ông, bà** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Ông, bà** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |

1. Trình bày và in trên khổ giấy A4 [↑](#footnote-ref-2)
2. 2 Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm *22* ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng [↑](#footnote-ref-3)
3. *Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3.* [↑](#footnote-ref-4)
4. *Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.* [↑](#footnote-ref-5)
5. Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng [↑](#footnote-ref-6)
6. Mét (01) th¸ng quy ®æi lµ th¸ng gåm 22 ngµy lµm viÖc x 8 tiÕng [↑](#footnote-ref-7)
7. Dù ¸n s¶n xuÊt lµ ph­¬ng ¸n triÓn khai sau khi Dù ¸n s¶n xuÊt thö nghiÖm kÕt thóc. [↑](#footnote-ref-8)
8. Tr×nh bµy vµ in ra trªn khæ giÊy A4. [↑](#footnote-ref-9)
9. Nhµ khoa häc kh«ng thuéc tæ chøc KH&CN nµo th× kh«ng cÇn lµm thñ tôc x¸c nhËn nµy. [↑](#footnote-ref-10)
10. *Nh÷ng Hå s¬ nép qu¸ h¹n sÏ ®­îc thèng kª vµo biÓu nµy nh­ng kh«ng më;* [↑](#footnote-ref-11)
11. Ghi tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ. [↑](#footnote-ref-12)
12. Lựa chọn và ghi hình thức khoán chi áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được phê duyệt. [↑](#footnote-ref-13)
13. [↑](#footnote-ref-14)
14. Các bên thỏa thuận và chỉ ghi trong Hợp đồng một hình thức giải quyết là Trọng tài hoặc Tòa án. [↑](#footnote-ref-15)